

TÓM TẮT

Công tác tư tưởng (CTTT) luôn là một trong những hoạt động quan trọng vào bậc nhất của Đảng, quyết định sự tồn vong của một Đảng, một chế độ xã hội. Trong trường đại học, CTTT trong sinh viên đóng vai trò rất quan trọng trong công tác giáo dục đào tạo đội ngũ trí thức tương lai cho đất nước. là một bộ phận quan trọng trong công tác xây dựng Đảng.

Diễn ra trong bối cảnh có rất nhiều thuận lợi nhưng cũng có nhiều khó khăn. Thuận lợi là Nhà trường được sự quan tâm lãnh chỉ đạo sâu sắc của Trung ương và địa phương, Có hệ thống cơ sở vật chất tốt phục vụ đào tạo, sinh hoạt, văn hóa, thể thao của sinh viên, có sự quan tâm của cả hệ thống chính trị Nhà trường đối với công tác CTTT trong sinh viên, học sinh, đội ngũ cán bộ viên chức, giảng viên của Trường phần lớn là trẻ và được đào tạo chuyên sâu. Công tác CTTT trong sinh viên, học sinh Trường Đại học Trà Vinh thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Trên phương diện diễn biến tư tưởng, kết quả khảo sát cho thấy diễn biến tư tưởng trong sinh viên, học sinh có chiều hướng tích cực. Đa số sinh viên, học sinh đã có định hướng đúng đắn về những phẩm chất cần có của một sinh viên để đáp ứng yêu cầu công việc sau này, từ đó, hăng hái học tập, rèn luyện, phấn đấu đạt nhiều thành tích xuất sắc. Bên cạnh đó, cũng có một bộ phận sinh viên còn biểu hiện tiêu cực trong lối sống, học tập, sinh hoạt văn hóa, trong giao tiếp ứng xử... Trên phương diện hoạt động của công tác CTTT trong sinh viên Đảng uỷ - Ban Giám hiệu và các cấp uỷ trong Trường luôn coi trọng công tác CTTT, đặt công tác CTTT ở trung tâm trong các hoạt động của mình, quan tâm chỉ đạo sát sao các đoàn thể quần chúng. Công tác CTTT đã lấy giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh làm nội dung nòng cốt trong hoạt động của mình. Công tác CTTT trong thời gian qua đã góp phần không nhỏ vào việc thực hiện các nhiệm vụ chiến lược phát triển Trường, các nhiệm vụ xây dựng Đảng. Định hướng nghề nghiệp cho sinh viên, học sinh. Tuy nhiên công tác CTTT đối với sinh viên, học sinh của Trường thời gian qua vẫn còn một số hạn chế nhất định. Nội dung và hình thức tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước còn nghèo nàn, khô cứng. Điều kiện học tập, sinh hoạt văn hóa, thể thao của sinh viên vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu. Công tác CTTT chưa phát huy được vai trò của dư luận xã hội kịp thời và đủ mạnh để hạn chế và đẩy lùi những biểu hiện tiêu cực trong học tập, lối sống

của sinh viên. Việc nắm bắt dư luận xã hội trong sinh viên như một công cụ để điều chỉnh và định hướng hoạt động còn yếu kém, thụ động. Đoàn thanh niên, Hội sinh viên còn lúng túng trong việc tìm ra phương thức tập hợp, dẫn tới vai trò của một số tổ chức cấp cơ sở còn yếu. Trong giảng dạy, một số giảng viên chú trọng tới kiến thức chuyên môn nhiều hơn vấn đề chính trị - tư tưởng. Thực trạng trên đòi hỏi Nhà trường cần phải có những giải pháp thiết thực hơn nữa nhằm nâng cao hiệu quả công tác CTTT trong sinh viên, học sinh trong giai đoạn tiếp theo.

MỤC LỤC

Trang

TÓM TẮT	4
MỤC LỤC	6
DANH SÁCH BẢNG	9
DANH SÁCH BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ	10
DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	12
LỜI CẢM ƠN	13
PHẦN MỞ ĐẦU	14
1. Tính cấp thiết của đề tài	14
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước	16
2.1. Tình hình nghiên cứu trong nước.....	16
2.1.1. Tình hình nghiên cứu trong tỉnh.....	16
2.1.2. Tình hình nghiên cứu ngoài tỉnh.....	16
2.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước:	17
2.3. Tình trạng đề tài.....	17
3. Mục tiêu đề tài:	18
4. Đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu.....	18
4.1. Đối tượng nghiên cứu:	18
4.2. Phạm vi nghiên cứu:	18
4.3 Các phương pháp nghiên cứu:	19
5. Nội dung triển khai nghiên cứu.....	20
PHẦN NỘI DUNG	22
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	22
1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu	22
1.2. Một số khái niệm cơ bản.....	23
1.2.1. Chính trị.....	23

1.2.2. Tư tưởng.....	23
1.2.3. Giáo dục chính trị tư tưởng.....	23
1.2.4. Trường đại học và sinh viên đại học.....	24
1.3. Một số vấn đề lý luận về công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên trường đại học trà vinh.....	24
1.3.1. Mục tiêu, nội dung GDCTTT cho HSSV.....	25
1.3.2. Phương pháp, hình thức GDCTTT cho SVHS.....	26
1.4. Vài nét về đặc điểm tâm lý, nhân cách, hoạt động của sv.....	26
1.4.1. Về mặt sinh lý.....	26
1.4.2. Về mặt tâm lý.....	27
1.4.3. Về phương diện xã hội.....	28
1.4.4. Những nét nhân cách đặc trưng của sinh viên.....	28
1.4.5. Một số hoạt động đặc trưng của sinh viên.....	29
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác CTTT cho SVHS.....	30
1.5.1. Sự tác động của yếu tố kinh tế - xã hội.....	30
1.5.2. Vai trò của công tác quản lý.....	31
1.5.3. Vai trò của các lực lượng tham gia GDCTTT.....	31
1.5.4. Mối quan hệ giữa giáo dục và tự giáo dục.....	31
1.5.5. Vai trò của tập thể SVHS.....	32
1.5.6. Các điều kiện thực hiện công tác GDCTTT.....	32
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH.....	34
2.1. Khái quát về sự phát triển của trường Đại học Trà vinh.....	34
2.2. Thực trạng công tác GDCTTT cho HSSV ở trường ĐHTV	38
2.2.1. Thực trạng công tác GDCTTT cho sinh viên trường ĐHTV.....	39
2.2.2. Thực trạng quản lý quá trình GDCTTT cho SVHS ĐHTV	53

CHƯƠNG 3: BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC GDCTTT CHO SINH VIÊN HỌC SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH GIAI ĐOẠN TỪ NAY ĐẾN NĂM 2020.....	66
3.1. Một số nguyên tắc xác lập các biện pháp.....	66
3.1.1. Bảo đảm việc thực hiện đầy đủ quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào mục tiêu, nội dung, phương pháp GDCTTT	66
3.1.2. Bảo đảm tính Đảng trong tổ chức thực hiện công tác GDCTTT.....	66
3.1.3. Bảo đảm tính hiện thực, phù hợp với thực tiễn.....	66
3.1.4. Bảo đảm tính thống nhất, toàn diện, hệ thống của quá trình giáo dục CTTT.....	67
3.1.5. Bảo đảm phát huy vai trò chủ động, tích cực của các lực lượng tham ..	67
3.2. Các biện pháp nâng cao quá trình gdcttt cho sinh viên học sinh trường đại học trà vinh.....	67
3.2.1. Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ CBQL, CBGD, CBVC về tầm quan trọng của công tác GDCTTT cho SVHS trong bối cảnh mới.....	67
3.2.2. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng trong và ngoài trường tham gia GDCTTT cho SVHS.....	71
3.2.3. Đa dạng hóa nội dung, hình thức và cải tiến phương pháp GDCTTT phù hợp với đặc điểm của SVHS.....	74
3.2.4. Tạo điều kiện thuận lợi để SV HS phát huy ý thức tự giáo dục của SV và tự quản của tập thể SV HS.....	81
3.2.5. Xây dựng môi trường có tính đồng thuận cao để các lực lượng giáo dục trong trường hoàn thành tốt nhiệm vụ GDCTTT cho SV HS.....	84
3.2.6. Thực hiện chế độ khen thưởng, trách phạt kịp thời, hợp lý.....	86
3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp.....	87
3.4. Kiểm chứng sự nhận thức về tính hợp lý và tính khả thi của các biện pháp.....	89
PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	93
1. Kết quả tổng thể của quá trình nghiên cứu.....	93

2. Ứng dụng và ý nghĩa của kết quả nghiên cứu.....	94
3. Kiến nghị.....	95
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	97
PHỤ LỤC:.....	100

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 2.1. Nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDCTTT cho SVHS ...	40
Bảng 2.2. Nhận thức về tầm quan trọng của các phẩm chất mà nhà trường cần trang bị cho SVHS	41
Bảng 2.3. Nội dung các phẩm chất đã được nhà trường tăng cường giáo dục nhiều cho SVHS	44
Bảng 2.4. Các hình thức GDCTTT cho SVHS Trường ĐHTV.....	46
Bảng 2.5. Mức độ sử dụng phương pháp công tác GDCTTT	48
Bảng 2.6. Đánh giá kết quả rèn luyện chính trị tư tưởng cho SVHS	50
Bảng 2.7. Những yếu tố ảnh hưởng đến công tác GDCTTT cho SVHS.....	52
Bảng 2.8. Thực trạng về xây dựng kế hoạch công tác GDCTTT.....	56
Bảng 2.9. Công tác tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch GDCTTT.....	57
Bảng 2.10. Về sự phối hợp giữa các lực lượng quản lý trong nhà trường thực hiện công tác GDCTTT	58
Bảng 2.11. Nguyên nhân của thực trạng quản lý công tác GDCTTT cho SV HS.....	62
Bảng 3.1.: Tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp công tác CTMT...	90

DANH SÁCH BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Nội dung các phẩm chất đã được nhà trường tăng cường giáo dục nhiều cho SV	45
Biểu đồ 2.2. Các hình thức GDCTTT cho SV Trường ĐHTV.....	46
Biểu đồ 2.2.1 Biểu đồ bộ máy tổ chức công tác GDCTTT cho sinh viên học sinh ĐHTV.....	54
Biểu đồ 2.3. Thực trạng về xây dựng kế hoạch công tác GDCTTT.....	56
Biểu đồ 2.4. Công tác tổ chức triển khai và phối hợp thực hiện kế hoạch công tác GDCTTT.....	59
Biểu đồ 2.5. Nguyên nhân của thực trạng công tác GDCTTT.....	64
Sơ đồ 3. Mối liên hệ giữa các biện pháp công tác GDCTTT.....	88

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BGH: Ban Giám hiệu
CBGD: Cán bộ giảng dạy
CBQL: Cán bộ quản lý
CNH-HĐH: Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa
CNTT: Công nghệ thông tin
CSVC: Cơ sở vật chất
ĐHTV: Đại học Trà Vinh
ĐT: Đào tạo
CTSV: Công tác sinh viên
GD: Giáo dục
GDCTTT: Giáo dục chính trị tư tưởng
CTCTTT: Công tác chính trị tư tưởng
CTTT: Chính trị tư tưởng
GVBM: Giáo viên bộ môn
GVCN: Giáo viên chủ nhiệm
SVHS: Sinh viên học sinh
SV: Sinh viên
TDTT: Thể dục thể thao
TNSV: Thanh niên sinh viên
XH: Xã hội
XHCH: Xã hội chủ nghĩa

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến:

Ban Giám hiệu Trường Đại học Trà Vinh; Phòng Khoa học Công nghệ, Phòng Kế hoạch - Tài vụ, Khoa Lý luận Chính trị thuộc Trường Đại học Trà Vinh đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt thời gian nghiên cứu.

Xin chân thành cảm ơn Tiến sĩ Nguyễn Tiên Dũng, Phó hiệu trưởng Nhà trường; Thầy Trần Văn Trọng, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó hiệu trưởng Nhà trường là những chuyên gia đã tận tình giúp đỡ, góp ý cho tôi trong suốt thời gian nghiên cứu.

Cảm ơn toàn thể các đồng chí Cấp ủy và đảng viên các chi bộ thuộc Đảng bộ nhà Trường, lãnh đạo Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Cố vấn học tập và giảng viên của Trường; Cán bộ, đảng viên ở một số sở, ban, ngành, trường học trong tỉnh đã giúp đỡ tôi hoàn thành quá trình nghiên cứu

Trà Vinh ngày tháng năm 2017

Chủ nhiệm đề tài

Trần Văn Bé Tư

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong Di chúc của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và rất cần thiết. Di huấn của Người đã trở thành tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt trong Đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta. Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thanh niên nói chung, sinh viên, học sinh nói riêng không thể đứng ngoài chính trị, không bao giờ thỏa mãn với lý tưởng trước đây, họ muốn được tự do hơn trong hành động và vì sự đổi mới, họ sẵn sàng hiến dâng cả cuộc đời mình. Là nguồn bổ sung dồi dào nhất cho Đảng. Và nhiều người trong số họ đã trở thành những cán bộ chủ chốt trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội và là nguồn lực bổ sung cho hệ thống chính trị của Đảng và các thành phần kinh tế, họ đã và đang vươn lên khẳng định chỗ đứng của mình. “Là nguồn sinh lực chiến đấu của cách mạng. Do vậy việc “rèn đức” và “luyện tài” là rất quan trọng. Việc giúp cho sinh viên (SV) những người vốn rất nhạy cảm, rất nhiệt tình nhưng lại thiếu vốn sống, bản thân chưa trải qua cái khó khăn gian khổ của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, học tập lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng rèn luyện đạo đức cách mạng, sống nhân ái, có ý chí học hỏi và vươn lên để nâng cao trình độ hiểu biết, nâng cao tri thức khoa học công nghệ hiện đại, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là hết sức cần thiết.

Công tác bồi dưỡng, giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ luôn được coi là một trong những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng (GDCTTT), là một công tác quan trọng, là bộ phận phải đi trước, đi cùng và đi sau mọi hoạt động của cách mạng. Đó cũng chính là nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa cấp bách, đồng thời là đòi hỏi khách quan của nhiệm vụ cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, học sinh sinh viên (HSSV) có nhiều cơ hội để tiếp xúc với nhiều nền văn hóa trên thế giới. Bên cạnh những mặt tích cực, thì về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của mọi tầng lớp trong xã hội nói chung và học sinh sinh viên nói riêng có chiều hướng biến đổi vô cùng phức tạp. Thực tế cho thấy, trong điều kiện mở cửa và

hội nhập, do tiếp xúc với một số quan điểm, tư tưởng, văn hóa, nghệ thuật, lối sống không phù hợp từ bên ngoài, không ít thanh niên, sinh viên đã dao động về lập trường, mờ nhạt về lý tưởng, như Đảng ta nhận định: đáng lo ngại là một bộ phận học sinh, sinh viên có tình trạng suy thoái đạo đức, mờ nhạt về lý tưởng, theo lối sống thực dụng, thiếu hoài bão lập thân, lập nghiệp.

Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Hội nghị Giáo dục Đại học tháng 10/2015 đã đánh giá: “Mặc dầu có nhiều cố gắng nhưng giáo dục đại học còn nhiều yếu kém bất cập. Chất lượng đào tạo nhìn chung còn thấp so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay và so với kết quả đào tạo của các trường tiên tiến ở các nước trong khu vực và thế giới, ... Trong một bộ phận sinh viên có nhiều biểu hiện đáng lo ngại về đạo đức lối sống ...”¹. Thực tế một bộ phận sinh viên chưa có lý tưởng sống đúng đắn, thiếu hoài bão lập thân, lập nghiệp vì tương lai của bản thân và đất nước, không tôn trọng trật tự, kỷ cương của xã hội, ít quan tâm đến việc rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống. Chính vì vậy, quá trình giáo dục chính trị tư tưởng (GDCTTT) ở trường đại học đang đóng vai trò hết sức quan trọng nhằm xây dựng những con người vừa hồng, vừa chuyên thiết tha gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (CNXH). Vì vậy, trong giai đoạn hiện nay, quan tâm đến việc đổi mới công tác GDCTTT cho SV là một nhiệm vụ vừa cấp bách vừa có ý nghĩa chiến lược.

Công tác GDCTTT cho thanh niên nói chung, SV trong các trường đại học nói riêng trong thời gian qua tuy đã được quan tâm nhưng chưa đạt hiệu quả cao; công tác GDCTTT cho SV còn nhiều bất cập cả trong việc thực hiện chức năng quản lý và quá trình quản lý. Vì vậy, công tác GDCTTT cho SV đang trở thành mối quan tâm thường xuyên không chỉ ở nhà trường mà còn là của toàn xã hội.

Thực hiện chủ trương của Bộ giáo dục và Đào tạo, ý thức được vai trò, vị trí và sứ mệnh chính trị của mình trong thời kỳ mới, Trường Đại học Trà Vinh (ĐHTV) luôn quan tâm đến công tác GDCTTT cho SV để đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá (CNH) và hiện đại hoá (HĐH) đất nước, khu vực và tỉnh nhà trong giai đoạn mới.

Đã có một số công trình nghiên cứu về công tác GDCTTT cho cán bộ và quần chúng nhân dân, cho sinh viên học sinh ở một số trường cao đẳng và đại học,

song ở Trường Đại học Trà Vinh chưa có công trình nào nghiên cứu nào có hệ thống, nhất là việc nghiên cứu vấn đề theo cách tiếp cận công tác về công tác GDCTTT cho SV. Do vậy, việc nghiên cứu và đề xuất các biện pháp công tác GDCTTT cho SV ở Trường ĐHTV là cần thiết.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi chọn đề tài "**Thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng đối với sinh viên, học sinh Trường Đại học Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020**"

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước:

2.1. Tình hình nghiên cứu trong nước:

2.1.1. Tình hình nghiên cứu trong tỉnh:

Chưa có đề tài nào nghiên cứu sâu và có hệ thống

2.1.2. Tình hình nghiên cứu ngoài tỉnh:

Cho đến nay, đã có một số tác giả nghiên cứu về chính trị tư tưởng và giáo dục chính trị tư tưởng (GDCTTT). Chẳng hạn, Đề tài nghiên cứu: “Cải tiến công tác giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức và lối sống xã hội chủ nghĩa (XHCHN) cho học sinh, sinh viên” do tác giả Phạm Tất Dong làm chủ nhiệm đề tài “Thực trạng và giải pháp giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị, lối sống cho thanh niên học sinh, sinh viên trong chiến lược phát triển toàn diện con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” do tác giả Trần Kiều làm chủ nhiệm đề tài đã đề cập một số khía cạnh của công tác GDCTTT cho sinh viên (SV), “Giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ hiện nay” của tác giả Nghiêm Đình Vỹ (Nxb Đại học Sư phạm, 2009), “Giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ hiện nay” của Trần Viết Lưu (Nxb Chính trị Quốc gia, 2013), “Giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên hiện nay” của Trần Thị Anh Đào (Nxb Chính trị Quốc gia, 2010), “Giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên trong bối cảnh hội nhập quốc tế” của Nguyễn Lương Bằng (Tạp chí Lý luận chính trị số 12/2008), Luận văn thạc sỹ triết học của Nguyễn Hữu Vi, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội về “Tăng cường công tác giáo dục CTTT cho sinh viên ở nước ta hiện nay” (năm 2006), Luận văn thạc sỹ chính trị học của Nguyễn Văn Kiên, Đại học Quốc gia Hà Nội về “Công tác giáo dục CTTT cho sinh viên tại Tp.HCM” (2014).

Ngoài ra còn có các công trình nghiên cứu về mặt lý luận và thực tiễn của các nhà khoa học, nhà giáo, nhà quản lý đã được công bố thông qua các báo cáo,

tham luận. Các công trình nghiên cứu này đề cập đến công tác GDCTTT và đưa ra các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác GDCTTT cho SV như: “Một số vấn đề về công tác tư tưởng và giáo dục đạo đức, chính trị trong SV” của Nguyễn Quốc Anh; “Báo cáo tổng kết công tác sinh viên học sinh (SVHS) các trường ĐH, CĐ và THCN giai đoạn 2002 - 2005” tháng 8/2005; “Báo cáo của trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh về công tác SV giai đoạn 2002 - 2005”; “Giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho SV thông qua giảng dạy, học tập các môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh” của Vũ Thanh Bình; “Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong sinh viên” của Nguyễn Việt Vương ...

Kết quả của các công trình nói trên đã cung cấp một số cơ sở lý luận quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả cho công tác giáo dục tư tưởng chính trị cho tuổi trẻ nói chung và sinh viên học sinh nói riêng. Đại bộ phận tuổi trẻ, trong đó có sinh viên, học sinh đã khẳng định được vai trò vị trí của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiếp tục giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Nhiều người đã trở thành nhà khoa học, xuất hiện nhiều tấm gương sáng trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Tuy nhiên, tư tưởng luôn diễn biến phức tạp cùng với sự biến đổi của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội hiện tại. Thời gian gần đây tình hình thế giới, khu vực và trong nước có những diễn biến nhanh chóng đã tác động không nhỏ đến tư tưởng chính trị của tuổi trẻ nói chung và sinh viên, học sinh nói riêng. Do đó, công tác giáo dục chính trị tư tưởng đòi hỏi phải tiếp tục có những hình thức, giải pháp mới phù hợp với từng đối tượng cụ thể, phù hợp với tình hình và xu thế phát triển của xã hội.

Từ sự phân tích trên, chúng tôi thấy các công trình nghiên cứu về công tác GDCTTT trước đây cần tiếp tục bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện mới và xu thế phát triển hiện nay. Hơn nữa, cần phải đặt vấn đề một cách cụ thể đối với đối tượng cụ thể là sinh viên, học sinh trong môi trường cao đẳng, đại học. Điều này các công trình nghiên cứu nêu trên còn một số hạn chế nhất định và đối với Trường Đại học Trà Vinh đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu về công tác GDCTTT cho sinh viên, học sinh của Trường một cách có hệ thống. Vì vậy, chúng tôi thấy rằng cần phải có các biện pháp biện pháp hữu hiệu và cụ thể hơn nữa về công tác GDCTTT cho sinh viên, học sinh Trường ĐHTV trong giai đoạn hiện nay nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công

tác chính trị tư tưởng và giáo dục toàn diện cho sinh viên, học sinh của Nhà trường.

2.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước:

Chưa thấy công trình nghiên cứu nào

2.3. Tình trạng đề tài:

Mới Kế tiếp đề tài đã kết thúc giai đoạn trước

3. Mục tiêu của đề tài:

+ Mục tiêu chung:

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, khảo sát thực trạng và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác GDCTTT cho SV, HS ở Trường ĐHTV nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của Nhà trường.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Giáo dục cho SV, HS sống có lý tưởng, giữ gìn và phát huy tốt những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, trung thành đường lối, chủ trương của Đảng; sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước;

- Góp phần đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH;

- Góp phần hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Góp phần hình thành kỹ năng thích ứng và ứng xử tốt với mọi sự thay đổi, hòa nhập với cộng đồng trong xu thế hội nhập hiện nay.

4. Đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài: tác giả tập trung nghiên cứu thực trạng về và kết quả của quá trình CTGDCTTT cho SVHS Trường Đại học Trà Vinh trong thời gian qua, những mặt đạt được và những mặt còn hạn chế; các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác GDCTTT cho SVHS Trường Đại học Trà Vinh nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và các mối quan hệ trong quá trình thực hiện công tác GDCTTT cho SVHS.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Đề tài tập trung nghiên cứu, khảo sát thực trạng quá trình công tác GDCTTT cho SVHS Trường ĐHTV; biện pháp nâng cao hiệu quả của quá trình GDCTTT cho SVHS Trường ĐHTV.

- Điều tra, khảo sát đối với Đảng ủy Nhà trường, cán bộ Đoàn thanh niên, Cán bộ quản lý ở các đơn vị, giáo viên bộ môn (GVBM), giáo viên chủ nhiệm (GVCN), Hội SV và SV tại các khoa.

- Xác lập cơ sở lý luận cho việc khảo sát thực trạng và đề xuất các biện pháp thực hiện quá trình công tác GDCTTT cho SVHS.

- Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng của quá trình công tác GDCTTT cho sinh viên, học sinh ở Trường ĐHTV.

- Đề xuất một số biện pháp tăng cường công tác GDCTTT cho SVHS Trường ĐHTV nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đào tạo của Trường, góp phần hoàn thành sứ mệnh của Nhà trường.

4.3. Các phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu đề tài này, chúng tôi lựa chọn và vận dụng hệ thống phương pháp khách quan có quan hệ đồng bộ bổ sung cho nhau trong cả việc nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn.

4.3.1. Phương pháp luận nghiên cứu của đề tài

4.3.1.1. Phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử

Trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài tác giả luôn đặt các vấn đề nghiên cứu trong mối quan hệ biện chứng với nhau. Trên cơ sở lý luận và tổng quan về thực tiễn tác giả chú ý đến đặc điểm lịch sử cụ thể từng đối tượng và phương pháp nghiên cứu để đánh giá khách quan và chính xác. Ngoài ra tác giả luôn căn cứ vào những quan điểm, luận điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, các quan điểm của Đảng về về giáo dục CTTT đối với thế hệ trẻ nói chung và SVHS nói riêng.

4.3.1.2. Phương pháp tiếp cận hệ thống trong QLGD

Tiếp cận hệ thống là một luận điểm quan trọng của phương pháp luận, nó yêu cầu xem xét đối tượng một cách toàn diện nhiều mặt, nhiều mối quan hệ khác nhau trong trạng thái vận động và phát triển với việc phân tích những điều kiện nhất định để tìm ra bản chất và quy luật vận động của đối tượng.

Hệ thống QLGD như là một tập hợp các bộ phận tác động qua lại lẫn nhau theo một quy luật nhất định tạo thành một chỉnh thể có khả năng thực hiện những chức năng cụ thể nhất định. Vì vậy, tiếp cận hệ thống trong QLGD cho ta những đặc điểm của hệ thống.

Thực hiện phương pháp này, chúng tôi xác định hệ thống bao trùm vấn đề nghiên cứu và xác định các lực lượng tham gia công tác GDCTTT cho SVHS. Trên cơ sở đó xác lập mối quan hệ giữa các thành phần trong hệ thống và những tác động quản lý nhằm tạo cho hệ thống vận hành phát triển.

4.3.2. Các nhóm phương pháp nghiên cứu cụ thể

4.3.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

* Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu: Tổng quan các tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu, phân tích sau đó tổng hợp lại để tạo ra hệ thống, thấy được mối quan hệ, tác động qua lại giữa chúng. Trên cơ sở đó rút ra kết luận, xây dựng cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu quá trình công tác GDCTTT cho SVHS.

* Phương pháp phân loại tài liệu: Trên cơ sở phân tích lý thuyết để tổng hợp chúng, thực hiện phân loại tài liệu với thao tác sắp xếp tài liệu khoa học theo từng vấn đề, đơn vị kiến thức, cùng dấu hiệu bản chất, cùng hướng phát triển về vấn đề nghiên cứu.

4.3.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

* **Phương pháp tổng kết kinh nghiệm:** Phân tích sản phẩm hoạt động quản lý quá trình GDCTTT cho SV Trường ĐHTV (kế hoạch, báo cáo tổng kết), rút ra những kinh nghiệm về quản lý GDCTTT.

* **Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi:** Nhằm khảo sát thực trạng QL quá trình GDCTTT cho SV.

* **Phương pháp quan sát:** Các hoạt động nội, ngoại khóa của nhà trường để tìm hiểu quá trình GDCTTT.

* **Phương pháp phỏng vấn trò chuyện:** Trao đổi với GV, SV về những thuận lợi, khó khăn trong quá trình GDCTTT cho SV.

* **Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động:** Nghiên cứu các văn bản quản lý, Nghị quyết liên quan đến đề tài.

* **Phương pháp chuyên gia:** Thu thập ý kiến của các CBQL, GV nhằm khảo nghiệm tính hợp lý, tính khả thi của các biện pháp.

4.3.2.3. Phương pháp xử lý số liệu khảo sát qua thống kê toán học

Xử lý các kết quả điều tra về định lượng, định tính nhằm hỗ trợ thông tin cho các đánh giá được khoa học và thuyết phục.

5. Nội dung triển khai nghiên cứu:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên, học sinh Trường Đại học Trà Vinh;

- Nghiên cứu thực trạng về công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên, học sinh Trường Đại học Trà Vinh;

- Xác lập cơ sở lý luận, thực tiễn cho việc khảo sát thực trạng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên, học sinh;

- Khảo sát thực trạng quá trình công tác giáo dục chính trị cho sinh viên, học sinh Trường ĐHTV: tác giả đã tiến hành khảo sát ở 07 đơn vị là một số sở, ban ngành có liên quan ngoài trường và đối với Hội đồng Tư vấn Nhà trường, Đảng ủy, Ban Giám hiệu, cán bộ Đoàn thanh niên, Cán bộ quản lý ở các đơn vị thuộc Trường, giáo viên bộ môn (GVBM), giáo viên chủ nhiệm (GVCN), Hội SV và SV tại các khoa với số lượng gần 1.000 đối tượng được khảo sát.

- Trên cơ sở khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên, học sinh đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên, học sinh Trường ĐHTV.

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Cho đến nay, đã có một số tác giả nghiên cứu về chính trị tư tưởng và giáo dục chính trị tư tưởng (GDCTTT). Chẳng hạn, Đề tài nghiên cứu: “Cải tiến công tác giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức và lối sống xã hội chủ nghĩa (XHCN) cho học sinh, sinh viên” do tác giả Phạm Tất Dong làm chủ nhiệm đề tài “Thực trạng và giải pháp giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị, lối sống cho thanh niên học sinh, sinh viên trong chiến lược phát triển toàn diện con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” do tác giả Trần Kiều làm chủ nhiệm đề tài đã đề cập một số khía cạnh của công tác GDCTTT cho sinh viên (SV) nhưng ở giai đoạn năm 2000.

Ngoài ra còn có các công trình nghiên cứu về mặt lý luận và thực tiễn của các nhà khoa học, nhà giáo, nhà quản lý đã được công bố thông qua các báo cáo, tham luận. Các công trình nghiên cứu này đề cập đến quản lý quá trình GDCTTT và đưa ra các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác GDCTTT cho SV như: “Một số vấn đề về công tác tư tưởng và giáo dục đạo đức, chính trị trong SV” của Nguyễn Quốc Anh; “Báo cáo tổng kết công tác sinh viên học sinh (SVHS) các trường ĐH, CĐ và THCN giai đoạn 2002 - 2005” tháng 8/2005; “Báo cáo của trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh về công tác SV giai đoạn 2002 - 2005”; “Giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho SV thông qua giảng dạy, học tập các môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh” của Vũ Thanh Bình; “Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong sinh viên” của Nguyễn Việt Vượng ...

Từ sự phân tích trên, chúng tôi thấy các công trình nghiên cứu về công tác GDCTTT cho học sinh sinh viên phần nhiều đề cập vấn đề chung chưa có công trình nào nghiên cứu về công tác GDCTTT cho sinh viên Trường Đại học Trà Vinh (ĐHTV). Vì vậy, chúng tôi thấy rằng cần phải có các biện pháp hữu hiệu hơn nữa về quản lý công tác GDCTTT cho HSSV Trường ĐHTV trong giai đoạn hiện nay nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác chính trị tư tưởng và giáo dục toàn diện cho sinh viên.

1.2. Một số khái niệm cơ bản

1.2.1. Chính trị

Nói một cách tổng quát, chính trị là những hoạt động nhằm nâng cao giác ngộ chính trị cho quần chúng, tổ chức quần chúng thực hiện đường lối, những nhiệm vụ chính trị nhất định. Chính trị là những lĩnh vực đặc biệt, rất phức tạp, nó liên quan đến lợi ích trực tiếp của giai cấp và các lực lượng xã hội nên có nhiều cách tiếp cận và nhìn nhận khác nhau. Để đạt được mục đích của mình theo yêu cầu của mỗi giai đoạn cách mạng, mỗi giai cấp phải tiến hành quản lý công tác GDCTTT nhằm nâng cao giác ngộ chính trị cho quần chúng, làm cho quần chúng nhận thức đầy đủ về mục đích, đường lối, nhiệm vụ của cách mạng, từ đó tổ chức quần chúng thực hiện đường lối và những nhiệm vụ nhất định.

1.2.2. Tư tưởng

Tư tưởng là phản ánh của hiện thực trong ý thức, là biểu hiện mối quan hệ giữa con người với thế giới khách quan. Công tác tư tưởng là một lĩnh vực hoạt động thuộc đời sống tinh thần xã hội. Tư tưởng có thể hiểu đó là sự suy nghĩ hoặc ý nghĩ. Hay cũng có thể hiểu là quan điểm, ý nghĩ chung của con người đối với hiện thực khách quan và đối với xã hội.

1.2.3. Giáo dục chính trị tư tưởng

Thuật ngữ “*Giáo dục chính trị tư tưởng*” đã được sử dụng rất phổ biến trong các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhiều tài liệu, sách báo cũng thường đề cập và thực tiễn đời sống, công tác cũng thường được dùng với nhiều góc độ khác nhau tùy theo tính chất, đặc điểm, mục đích yêu cầu nghiên cứu mà có cách khai thác và tiếp cận khác nhau.

Về mặt cấu trúc của khái niệm, thuật ngữ *chính trị tư tưởng* là từ ghép giữa *chính trị* và *tư tưởng*.

Giáo dục là một hiện tượng đặc biệt chỉ có ở xã hội loài người. Đó cũng chính là sự dẫn dắt có mục đích, có kế hoạch, có phương pháp của thế hệ trước đối với thế hệ sau, nên đó là con đường ngắn nhất giúp thế hệ trẻ bỏ qua những mò mẫm, vấp vấp không cần thiết trong cuộc đời một con người. Giáo dục là hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể

chất của một đối tượng nào đó, làm cho đối tượng đó dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra.

Với cách tiếp cận trên thì bản chất của giáo dục chính trị tư tưởng là quá trình tác động có mục đích, có hệ thống của một đảng, một giai cấp, một tổ chức quần chúng nhằm giác ngộ, nâng cao nhận thức tư tưởng của quần chúng về quan điểm, đường lối chính trị để tập hợp quần chúng tham gia vào quá trình đấu tranh cách mạng giành, bảo vệ và thực thi quyền lực chính trị đáp ứng thỏa mãn các nhu cầu về lợi ích.

Trong trường đại học, GDCTTT là một hoạt động có mục đích, bao gồm các yếu tố: chủ thể, khách thể, mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức... Chủ thể của công tác GDCTTT là Đảng ủy, Ban Giám hiệu (BGH), cán bộ quản lý (CBQL), cán bộ giảng dạy (CBGD), các giáo viên chủ nhiệm (GVCN), cán bộ viên chức (CBVC), ... Ban Tuyên huấn của Đảng ủy vừa là bộ phận tham mưu cho Đảng chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra vừa là lực lượng trực tiếp tiến hành công tác GDCTTT cho đối tượng là toàn thể cán bộ, đảng viên, CBVC nói chung và SV nói riêng.

1.2.4. Trường đại học và sinh viên đại học

Trong từ điển Tiếng Việt *Trường đại học* chính là nơi tiến hành giảng dạy, đào tạo toàn diện hay về một lĩnh vực chuyên môn nào đó cho SV

Theo từ điển Tiếng Việt: *Sinh viên* được định nghĩa là những người học ở bậc đại học.

Sinh viên là nhân vật trung tâm trong các trường đại học. Sinh viên ở các trường đại học có tới 80% ở lứa tuổi từ 18 đến 25, đây là lứa tuổi nở rộ những tài năng, giá trị tình cảm, đạo đức và lý tưởng cao cả.

Thuật ngữ *sinh viên* theo tiếng latin có nghĩa là những người làm việc học tập nhiệt tình đang khai thác, tìm kiếm tri thức... Ở cấp độ XH, SV là người đang chuẩn bị để gia nhập vào đội ngũ trí thức của xã hội. Ở cấp độ cá nhân, SV là người đang trưởng thành về mặt XH, chín muồi về thể lực, định hình về nhân cách, đang học tập tiếp thu những tri thức, kỹ năng của một lĩnh vực nghề nghiệp nhất định.

1.3. Một số vấn đề lý luận về công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên, học sinh Trường Đại học Trà Vinh

1.3.1. Mục tiêu, nội dung GDCTTT cho HSSV

Mục tiêu: Công tác GDCTTT là một trong những nội dung quan trọng nhằm nâng cao nhận thức chính trị cho SV. Nói cách khác, GDCTTT là truyền bá, giáo dục Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần xây dựng thế giới quan đúng đắn, GD đường lối chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để HSSV hiểu, nắm chắc và có khả năng vận dụng vào thực tế cuộc sống... Công tác chính trị tư tưởng trong các nhà trường là một bộ phận cấu thành của quá trình tổ chức dạy và học; là bộ phận quan trọng nhất góp phần hình thành nhân cách, phẩm chất, lối sống cho sinh viên theo mục tiêu giáo dục: “*đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*” (Luật Giáo dục).

Mục tiêu của công tác GDCTTT là giúp cho HSSV sống có lý tưởng, hoài bão và phải biết sống trung thành với lý tưởng cách mạng. *Mục tiêu* cao nhất của GDCTTT cũng chính là thực hiện mục tiêu của giáo dục: *Đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

Nội dung: Công tác GDCTTT đóng một vai trò hết sức quan trọng, góp phần tích cực vào giáo dục toàn diện nhân cách cho HSSV. Tăng cường giáo dục thế giới quan khoa học, giáo dục tư tưởng cách mạng XHCN cho HSSV. Nâng cao nhận thức, giáo dục lòng yêu nước, yêu XHCN, ý thức về thực hiện đường lối của Đảng và Nhà nước, ý thức về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân thể hiện trong cuộc sống và học tập, lao động và hoạt động chính trị xã hội, giáo dục kỷ luật và pháp luật và giáo dục lòng yêu thương con người và hành vi ứng xử có văn hóa.

- Công tác GDCTTT tập trung phổ biến những kiến thức cơ bản, phổ thông của hệ tư tưởng của Đảng ta với nhiều hình thức phong phú, đa dạng.

- Đó là quá trình tác động vào nhận thức của CBQL, giáo viên, HSSV bằng cách trình bày, giải thích những vấn đề cơ bản về lý luận chính trị, đường

lối, quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhằm từng bước xây dựng thể giới quan và phương pháp luận khoa học, nâng cao bản lĩnh chính trị, thực hiện thắng lợi mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH.

- Đó cũng còn là quá trình tổ chức truyền bá, GD hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối, quan điểm, chủ trương, của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ giáo viên, HSSV.

1.3.2. Phương pháp, hình thức GDCTTT cho SVHS

Phương pháp: có thể GDCTTT cho SV thông qua những phương pháp khác nhau: *Phương pháp dùng lời nói* (bài giảng, báo cáo, thuyết trình, kể chuyện, nói chuyện thời sự, trao đổi, tọa đàm, tranh luận...); *Phương pháp trực quan* (sử dụng các phương tiện như sơ đồ bảng biểu, hình ảnh, panô, áp phích, mô hình, sách báo, tạp chí, đèn chiếu và các phương tiện nghe nhìn); *Phương pháp thực tiễn*: Nhằm đưa HSSV vào hoạt động thực tiễn (tham quan di tích lịch sử văn hóa, tham quan dã ngoại, tổng kết điển hình) tập dượt để rèn luyện tạo nên hành vi, thói quen, gồm phương pháp *tập luyện, rèn luyện*; *Phương pháp thuyết phục*: Tác động vào nhận thức và tình cảm của HSSV để hình thành cho họ ý thức, thái độ tốt đẹp với cuộc sống, gồm các phương pháp: *khuyên giải, tranh luận, nêu gương*; *Phương pháp kích thích hành vi*: Tác động vào mặt tình cảm của đối tượng nhằm tạo những phản chấn, thúc đẩy tích cực hoạt động, gồm phương pháp *khen thưởng, trách phạt, thi đua*.

Phương tiện hình thức: GDCTTT thông qua các hình thức tổ chức: hội thi, hội thảo khoa học, hội diễn văn nghệ, tọa đàm, nghe nói chuyện chính trị, thời sự, nói chuyện theo chuyên đề...

GDCTTT thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh, truyền hình, tuyên truyền qua mạng lưới báo cáo viên, báo, tạp chí, phim ảnh, tranh cổ động, panô, áp phích, băng đĩa, internet; các thiết chế văn hóa và hoạt động của các thiết chế đó: nhà văn hóa, thư viện, viện bảo tàng, câu lạc bộ, sân thi đấu TDTT, các câu lạc bộ...

1.4. Vài nét về đặc điểm tâm lý, nhân cách, hoạt động của sv

1.4.1. Về mặt sinh lý

Đến tuổi 25, sự phát triển về thể chất của con người đã đạt tới mức toàn diện. Do trọng lượng não đạt mức tối đa, số lượng tế bào thần kinh đã đạt tới

mức cao nhất đảm bảo sự liên lạc rộng khắp, chi tiết, tinh tế và linh hoạt giữa vô số kênh làm cho hoạt động của não bộ trở nên nhanh, nhạy, chính xác hơn, trí tuệ của HSSV vượt xa hơn so với trí tuệ của học sinh phổ thông. Theo tác giả Lê Quang Long thì HSSV có thể tích lũy 2/3 lượng tri thức của cuộc đời trong những năm trên ghế trường ĐH. Đây là giai đoạn phát triển ổn định, đồng đều cả về hệ xương, hệ cơ tạo ra nét đẹp hoàn mỹ ở người thanh niên.

1.4.2. Về mặt tâm lý

Do sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và đặc biệt là sự bùng nổ về CNTT cùng với những tác động giáo dục từ nhiều phía đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển tâm lý, nhân cách của HSSV. Sự phát triển trí tuệ được đặc trưng bởi sự nâng cao năng lực trí tuệ, có năng lực giải quyết những nhiệm vụ trí tuệ ngày một khó khăn hơn, cũng như có tiến bộ rõ rệt trong lập luận logic, trong việc lĩnh hội tri thức, trí tưởng tượng, sự chú ý và ghi nhớ. Chính sự phát triển đó cùng với óc quan sát tích cực và nghiêm túc sẽ tạo khả năng cho lứa tuổi này biết cách lĩnh hội một cách tối ưu, đó cũng chính là cơ sở của toàn bộ quá trình học tập.

Một trong những đặc điểm tâm lý quan trọng của lứa tuổi HSSV là sự tự đánh giá, tự ý thức, tự giáo dục.

Tự đánh giá: có ý nghĩa định hướng điều chỉnh hoạt động, hành vi của chủ thể nhằm đạt mục đích, lý tưởng sống một cách tự giác. Nó giúp cho con người không chỉ biết người mà còn biết mình. Ở lứa tuổi HSSV, tự đánh giá được phát triển mạnh với những biểu hiện phong phú và sâu sắc. SV không chỉ đánh giá hình ảnh bản thân mình có tính chất bên ngoài, hình thức mà còn đi sâu vào các phẩm chất, các giá trị của nhân cách. Kỹ năng tự đánh giá vừa giúp HSSV thỏa mãn nhu cầu giao tiếp ngày càng rộng rãi của mình trong cuộc sống vừa có ý nghĩa tự ý thức, tự giáo dục.

Tự ý thức: chính là điều kiện để phát triển và hoàn thiện nhân cách, hướng nhân cách theo các yêu cầu của XH, giúp HSSV tự điều chỉnh, tự nhận thức, tỏ thái độ đối với bản thân và có những hiểu biết về thái độ, hành vi, cử chỉ của mình để chủ động hướng hoạt động của mình theo những yêu cầu của tập thể, của cộng đồng xã hội XH. Đó là quá trình tự quan sát, tự phân tích, tự kiểm tra, tự đánh giá về hành động và kết quả tác động của bản thân, về tư tưởng, tình

cảm, phong cách, đạo đức và sự hứng thú,... là sự đánh giá toàn diện về chính bản thân và vị trí của mình trong cuộc sống. Là những người làm công tác giáo dục ở trường ĐH, chúng ta cần hướng cho HSSV khả năng tự đánh giá đúng về mình. Việc giúp cho HSSV tự đánh giá ở mức lạc quan hơn, tự tin hơn là điều rất cần thiết. Nhờ đó lòng tự tin, tính tự trọng của HSSV phát triển theo chiều hướng tích cực, tạo điều kiện cho sự vươn lên trong học tập và phân đấu, rèn luyện nhân cách.

Tóm lại, sở tuổi HSSV những phẩm chất nhân cách: tự đánh giá, lòng tự trọng, tự tin, sự tự ý thức đều phát triển mạnh mẽ. Đây là những phẩm chất nhân cách bậc cao có ý nghĩa rất lớn đối với việc tự giáo dục, tự hoàn thiện bản thân.

1.4.3. Về phương diện xã hội

Ở tuổi này, HSSV đang ở giai đoạn chuyển từ sự chín muồi về thể lực sang trưởng thành về mặt xã hội, tích lũy kiến thức nghề nghiệp và cuộc sống để chuẩn bị cho công việc sau khi ra trường. Là tuổi muốn khẳng định mình, khẳng định vai trò, vị trí của mình trong gia đình, trong tập thể, trong công việc cũng như trong các mối quan xã hội. Mong muốn được tự khẳng định cũng khiến cho HSSV muốn được mọi người nhìn nhận một cách đúng đắn về mình. Họ là những công dân thực thụ của đất nước với đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ trước pháp luật. HSSV được nhà trường, XH thừa nhận như là một chủ thể tích cực, có trách nhiệm và được mọi người đánh giá kết quả các hoạt động theo chuẩn mực của người lớn. Như vậy, XH đã coi họ như là một thành viên chính thức, một người trưởng thành. Họ lập ra kế hoạch riêng cho hoạt động của mình và độc lập trong phán đoán và hành vi, có sự biến đổi mạnh mẽ về động cơ, về thang giá trị XH có liên quan đến nghề nghiệp.

Tóm lại, tuổi HSSV là sự tiếp nối giữa giai đoạn cuối vị thành niên sang đầu giai đoạn người lớn trưởng thành. Tuổi HSSV có những đặc trưng nổi bật của sự xã hội hóa, phát triển tư duy trừu tượng, phát triển hứng thú nghề nghiệp. Vì vậy đây là giai đoạn tốt nhất, thuận lợi nhất cho việc công tác GDCTTT. Trong trường ĐH, GDCTTT cũng phải được coi trọng như đào tạo kiến thức khoa học, chuyên ngành. Thực hiện điều đó chính là ta đang thực hiện theo đúng phương châm của Hồ Chí Minh là học đi đôi với hành, lý luận đi đôi với thực tế, nhà trường gắn liền với xã hội.

1.4.4. Những nét nhân cách đặc trưng của sinh viên

Thế giới nội tâm của HSSV vô cùng phức tạp, phát triển nhân cách của HSSV là một quá trình biện chứng của sự nảy sinh và giải quyết các mâu thuẫn, là quá trình chuyển từ các yêu cầu bên ngoài thành yêu cầu của bản thân sinh viên và là quá trình tự vận động, hoạt động tích cực của chính bản thân họ. Một yếu tố có ý nghĩa chi phối rõ rệt và ảnh hưởng trực tiếp đến thành công trong học tập của HSSV là phải thích nghi được với nội dung, phương pháp học tập mới có tính chất nghiên cứu và nghề nghiệp đối với những chuyên gia tương lai. Thực tế cho thấy, HSSV gặp một loại mâu thuẫn cần giải quyết và không phải tất cả HSSV đều dễ dàng vượt qua cũng như giải quyết các mâu thuẫn này một cách hợp lý. HSSV trải qua các năm học với những đặc điểm tâm lý khác nhau và trong những năm ở giảng đường họ đã có tâm thế chuẩn bị đối diện với cuộc sống mới với những mối quan tâm sâu sắc đến nghề nghiệp. Các quá trình tâm lý, đặc biệt là quá trình nhận thức được nghề nghiệp, tình cảm, nghĩa vụ, tinh thần trách nhiệm, tính độc lập được nâng cao, cá tính và lập trường sống của HSSV được bộc lộ rõ rệt. Kỳ vọng đối với nghề nghiệp tương lai của HSSV được phát triển. Sự trưởng thành về mặt xã hội, tinh thần và đạo đức, những phẩm chất nghề nghiệp và sự ổn định chung về nhân cách của HSSV được phát triển, khả năng tự giáo dục của HSSV được nâng cao.

1.4.5. Một số hoạt động đặc trưng của sinh viên

Hoạt động nhận thức: Phạm vi hoạt động nhận thức của HSSV đa dạng: vừa rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp vừa phát huy việc học nghề một cách rõ rệt thông qua các phương tiện hoạt động nhận thức như thư viện, sách vở, phòng thí nghiệm với các thiết bị khoa học cần thiết của từng ngành đào tạo.

Hoạt động học tập: là hoạt động chủ đạo có tính độc đáo về mục đích và kết quả hoạt động. HSSV học tập để tiếp thu các tri thức khoa học, hình thành những kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp, phát triển những phẩm chất nhân cách của người chuyên gia tương lai. Tư duy của HSSV đã có tính chọn lọc, độc lập sáng tạo và linh hoạt. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, HSSV của chúng ta luôn được tiếp cận với những nguồn thông tin đến từ nhiều kênh khác nhau: truyền hình, sách báo, video, Internet... do đó, buộc HSSV phải biết tinh táo chọn lọc,

phân tích và xử lý để có được những thông tin có lợi, đáng tin cậy nhất cho mục đích học tập và rèn luyện của bản thân.

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên: Cùng với học tập, NCKH cũng là hoạt động chủ đạo ở lứa tuổi HSSV. Mục đích tham gia hoạt động NCKH của HSSV là nhằm mở rộng tri thức trong quá trình học tập, hình thành tính độc lập nghề nghiệp của họ, năng lực giải quyết một cách sáng tạo những nhiệm vụ thực tiễn khi bắt đầu lao động.

Hoạt động chính trị - xã hội của sinh viên: là nội dung hoạt động đặc trưng ở tuổi HSSV và là nhu cầu, nguyện vọng của HSSV được kích thích bởi nhiều động cơ khác nhau: động cơ tự khẳng định và tự hoàn thiện nhân cách; muốn có ích cho người khác, có tình cảm trách nhiệm đối với các nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm đối với nhóm, tập thể lớp, muốn được giao lưu, tiếp xúc với mọi người thông qua các hoạt động đó.

Các hoạt động khác: Hoạt động đoàn thể, phong trào tình nguyện, văn hóa thể dục thể thao, quân sự, ... nhằm nâng cao tính tập thể, tinh thần trách nhiệm tạo nên nếp sống vui tươi, sôi nổi, không khí đoàn kết thân ái.

Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ: giúp HSSV luôn có ý thức phấn đấu vươn lên để chiếm lĩnh tri thức khoa học, rèn luyện tay nghề, không ngừng tu dưỡng rèn luyện và hoàn thiện nhân cách.

Tóm lại, mỗi loại hoạt động của SVHS được biểu hiện ở mức độ nhất định về các phẩm chất, tri thức, kỹ năng, kỹ xảo khác nhau của SVHS nhưng chúng cùng hình thành nhân cách và chuẩn bị cho họ lao động tốt trung tương lai. Các loại hoạt động có mối quan hệ qua lại với nhau theo cấu trúc bên trong do kết quả giáo dục và quá trình thực hiện chúng. Hoạt động nhận thức, hoạt động học tập, NCKH, hoạt động chính trị - xã hội... có những yếu tố chung ở mục đích nắm vững nghề nghiệp, hình thành những phẩm chất và kinh nghiệm cần thiết.

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác CTTT cho SVHS

1.5.1. Sự tác động của yếu tố kinh tế - xã hội

Thanh niên nói chung và HSSV nói riêng hiện đang là nguồn lực lớn của xã hội và họ đang giữ vị trí quan trọng trong sự nghiệp CNH – HĐH đất nước, góp phần quyết định sự tiến bộ của xã hội. Sự đổi mới đường lối kinh tế - xã hội là sự lựa chọn mới về hệ thống giá trị cơ bản của xã hội nước ta đã đem

lại sự phát triển toàn diện, mạnh mẽ và sâu sắc trong đời sống xã hội kéo theo sự biến đổi hệ thống định hướng giá trị trong mỗi con người. Bên cạnh việc hình thành những giá trị mới, tích cực, sự phát triển, mở cửa hội nhập, kinh tế thị trường và sự phát triển quá nhanh về khoa học công nghệ cũng làm nảy sinh những hiện tượng tiêu cực trái ngược với định hướng XHCN. Sự phân hóa giàu – nghèo diễn ra nhanh dẫn đến tình trạng bất bình đẳng trong nhiều lĩnh vực; sự phân hóa thành thị - nông thôn ở những cấp độ khác nhau đã làm ảnh hưởng đến tư tưởng, tình cảm đạo đức, tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng, lối sống của một bộ phận HSSV.

1.5.2. Vai trò của công tác quản lý

Trong giai đoạn hiện nay để công tác GDCTTT cho HSSV, không thể không nhắc tới vai trò của công tác quản lý. Công tác quản lý đóng vai trò then chốt, là nhân tố đảm bảo sự thành công của công tác GDCTTT. Nó tạo ra sự thống nhất ý chí và hành động trong nhà trường; định hướng phát triển của hoạt động giáo dục trên cơ sở mục tiêu chung, hướng sự nỗ lực của mọi người vào mục tiêu đó; tổ chức, phối hợp, hướng dẫn hoạt động của các cá nhân trong quá trình giáo dục; tạo động lực cho cá nhân, tạo môi trường và tạo điều kiện bảo đảm phát triển ổn định, bền vững và hiệu quả. Đảng ủy, BGH cần phải nắm chắc tình hình GDCTTT cho HSSV, hiểu đúng về HSSV với đầy đủ mặt ưu cũng như nhược điểm. Tăng cường quản lý HSSV ở tất cả các lĩnh vực, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác GDCTTT. Chú trọng đến công tác dự báo trên cơ sở đó hàng năm, 5 năm lập ra kế hoạch cụ thể để có những giải pháp thỏa đáng về công tác GDCTTT.

1.5.3. Vai trò của các lực lượng tham gia GDCTTT

Công tác GDCTTT cho SV chỉ thực sự đạt hiệu quả cao, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi mục tiêu đào tạo toàn diện của nhà trường khi tất cả mọi lực lượng trong nhà trường có nhận thức đúng đắn, có sự phối kết hợp thống nhất, chặt chẽ và luôn coi trọng công tác GDCTTT cho HSSV, coi đó là nhiệm vụ hàng đầu của toàn thể cán bộ, giảng viên, CNV và các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường. Lênin đã khẳng định không có ai, không có cái gì thay thế được người Thầy trong nhà trường. Thật vậy, mỗi cán bộ, đảng viên, giảng viên, đặc biệt là đội ngũ GVCN, bằng sự mô phạm, mẫu mực của chính nhân phẩm, tài

đức, nhiệt huyết và sự hiện hữu của một thầy giáo, cô giáo với hình ảnh nhân cách và trí tuệ, đạo đức lương tâm nghề nghiệp, cảm thông, tôn trọng lớp trẻ sẽ là một tấm gương sáng, tự nó sẽ là những bài giảng không lời có tính thuyết phục vô cùng lớn để HSSV noi theo.

1.5.4. Môi quan hệ giữa giáo dục và tự giáo dục

Một trong những nguyên tắc quan trọng trong công tác GDCTTT cho HSSV chính là sự kết hợp giáo dục với tự giáo dục. Không ai khác, chính HSSV phải là người tự giác, tự nguyện và tự động cải tạo tư tưởng của mình để xứng đáng với nhiệm vụ của mình. Bác Hồ đã dạy cho thanh niên cách học tập, rèn luyện thật cụ thể, dễ nhớ, dễ hiểu: “Lao động trí óc phải kết hợp với lao động chân tay, lý luận kết hợp với thực hành, học tập kết hợp với lao động... phải có sáu cái yêu: yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu XHCN, yêu lao động, yêu khoa học và yêu kỷ luật”. Ở lứa tuổi sinh viên, khi đã có sự trưởng thành nhất định về nhân cách thì tự tu dưỡng đóng vai trò hết sức quan trọng. Do đó, hoạt động giáo dục của nhà giáo dục chỉ có thể đạt được hiệu quả nếu như hoạt động này kích thích và thống nhất được với hoạt động tự giáo dục của HSSV. Vì vậy, để hoạt động tự giáo dục có thể đạt được hiệu quả cao, các nhà giáo dục cần giúp HSSV nắm vững mục đích, yêu cầu, phương pháp và tổ chức việc tự tu dưỡng, làm cho SV nhận thức được rằng tự tu dưỡng diễn ra trong hoạt động thực tiễn mới có kết quả.

1.5.5. Vai trò của tập thể SVHS

Tập thể HSSV là môi trường và phương tiện GDCTTT quan trọng. Vì vậy, cần xây dựng thành tập thể HSSV tốt, có mục đích thống nhất, có tinh thần trách nhiệm cao đối với xã hội. Trong nhà trường, lớp học là đơn vị cơ bản để tổ chức dạy và học. GVCN là người tổ chức, quản lý, giáo dục HSSV trên tất cả các lĩnh vực và cũng là người trực tiếp GDCTTT cho HSSV. Muốn có một tập thể HSSV tốt, nhà trường cần phải lưu ý một khâu rất quan trọng là: chọn lựa những giảng viên giỏi về chuyên môn, mẫu mực, nhiệt tình, tâm huyết với thế hệ trẻ, biết cách tổ chức, quản lý HSSV làm công tác chủ nhiệm.

1.5.6. Các điều kiện thực hiện công tác GDCTTT

- Nhân lực: Con người được xem là yếu tố quan trọng nhất quyết định sự thành bại của mọi công việc. Không thể đạt được hiệu quả cao trong công tác GDCTTT cho HSSV nếu có một đội ngũ hoặc một vài thành viên trong

đội ngũ không tâm huyết, không yêu nghề, không thực sự là hình ảnh đẹp trước HSSV.

- Cơ sở vật chất: (CSVC) của nhà trường cũng có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác GDCTTT cho HSSV vì nó tạo nên cảnh quan sư phạm, cung cấp phương tiện cho các hoạt động học tập, rèn luyện của HSSV; tạo các điều kiện cần thiết để HSSV có thể thực hiện được những hành vi cần được giáo dục theo mục tiêu của nhà trường thì các hoạt động nội, ngoại khóa, sinh hoạt chính trị tư tưởng thường phong phú hơn, đa dạng hơn, thu hút được đông đảo HSSV tham gia.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

2.1. Khái quát về sự phát triển của trường Đại học Trà Vinh

Trường Đại học Trà Vinh được thành lập theo Quyết định 141/QĐ/2006-TTg ngày 19/6/2006 của Thủ tướng chính phủ. Là trường đại học công lập, thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tuyển sinh trên toàn quốc với 28 ngành sau đại học, 47 ngành bậc đại học, 19 ngành bậc cao đẳng. Trường hoạt động theo mô hình đa cấp, đa ngành, đa phương thức đào tạo. Sinh viên được học tập trong môi trường chuyên nghiệp, đội ngũ giảng viên năng động, nhiều kinh nghiệm, yêu nghề. Sinh viên được giao lưu, học tập với các tình nguyện viên đến từ 90 đối tác quốc tế.

Sinh viên được trang bị kiến thức chuyên môn, giáo dục nhân cách đạo đức nghề nghiệp, các kỹ năng sống như kỹ năng giao tiếp, ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm để trở thành những người tự tin, năng động, độc lập, sáng tạo trong mọi công việc. Nhà trường hiện có 12 khoa: Nông nghiệp - Thủy sản, Kỹ thuật và Công nghệ, Y - Dược, Kinh tế - Luật, Ngoại ngữ, Hóa học ứng dụng, Khoa học cơ bản, Sư phạm, Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ, Quản trị văn phòng - Việt Nam học - Thư viện, Lý luận chính trị và Dự bị đại học. Có 12 phòng, 03 ban chức năng, 03 hội đồng, 11 trung tâm và một số đơn vị trực thuộc khác như: Viện Phát triển nguồn lực, Trường Thực hành Sư phạm, Tạp chí Khoa học, Thư viện, Ký túc xá (4300 chỗ). Trường có 03 khu, cơ sở chính của Trường là khu I tọa lạc tại địa chỉ số 126, Nguyễn Thiện Thành, phường 5, thành phố Trà Vinh. Ngoài ra, Trường còn có 02 chi nhánh đặt tại huyện Duyên Hải và Cầu Ngang. Trường liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp trong việc tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với công việc thực tế thông qua việc thực tập tại các doanh nghiệp. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên được giới thiệu cơ hội việc làm. 10 năm qua Trường đã tạo được sự phát triển đáng vượt bậc. Đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nâng cao nguồn lực cho cộng đồng. Trên cơ sở kế thừa thành quả từ Dự án Cao đẳng Cộng đồng Việt Nam – Canada, cùng với định hướng phát triển đào tạo theo xu thế hội nhập quốc tế, xác định hợp tác quốc tế là một trong những nhiệm vụ chiến lược phát triển của nhà

trường, nhà trường chủ động, tích cực trong việc thiết lập các mối quan hệ và đã chính thức ký kết, giao lưu hợp tác với gần 100 đối tác nước ngoài thuộc 18 quốc gia trên thế giới, hợp tác ở các lĩnh vực cụ thể như: Liên kết đào tạo; nghiên cứu khoa học, tổ chức diễn đàn, hội thảo khoa học; tiếp nhận và đưa giảng viên, sinh viên học tập, nghiên cứu; tiếp nhận tình nguyện viên; tiếp nhận các dự án tài trợ từ một số tổ chức giáo dục quốc tế. Chất lượng đội ngũ viên chức của Trường tăng lên đáng kể. Thời điểm năm 2001 đội ngũ viên chức của Trường có 05 thạc sĩ, 21 đại học; đến đầu năm 2006 có 02 nghiên cứu sinh, 26 thạc sĩ, 49 cao học và 166 đại học; năm 2016 có 04 giáo sư, 11 phó giáo sư, 213 tiến sĩ, 75 nghiên cứu sinh, 25 chuyên khoa I, II, 223 thạc sĩ và 111 cao học. Xây dựng thành công mô hình Trường Thực hành Sư phạm đa cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông. Trường từng bước mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng hai mặt giáo dục, đi đầu trong việc áp dụng phương pháp dạy và học hiện đại, chú ý đến các hoạt động trải nghiệm thực tế, sáng tạo khoa học kỹ thuật, rèn luyện kỹ năng và năng lực tiếng Anh cho học sinh. Phong trào học tập của Trường được xây dựng hiệu quả, đội ngũ giáo viên và học sinh có nhiều thành tích nổi bật. Trường Đại học Trà Vinh trở thành cơ sở giáo dục có uy tín, được xã hội công nhận. Xây dựng và phát triển Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ theo chủ trương của Chính phủ về thực hiện nhiệm vụ trọng điểm Quốc gia đào tạo nguồn nhân lực về Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển văn hóa - xã hội ở Nam Bộ.

Ngày 13.4.2017 được Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Trà Vinh. Theo đó Trường được thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, trong đó quyết định mở ngành, ngưng mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ trong Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân cấp IV; thí điểm mở ngành đào tạo ngoài Danh mục cấp IV theo nhu cầu xã hội nếu đáp ứng đủ điều kiện mở ngành theo quy định của pháp luật, phù hợp với định hướng phát triển của trường đã được Hội đồng trường quyết nghị thông qua; mở các chương trình đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp theo nhiệm vụ chính trị được giao.

Xác định chỉ tiêu tuyển sinh của từng năm học đáp ứng nhu cầu và điều kiện tham gia học tập của người học; tổ chức tuyển sinh theo đề án tuyển sinh

của Trường bảo đảm công khai, minh bạch và thực hiện chế độ ưu tiên trong tuyển sinh theo quy định.

Quyết định các hoạt động đào tạo (chương trình đào tạo; phương pháp giảng dạy; ngôn ngữ giảng dạy; hình thức đào tạo; phương pháp kiểm tra, đánh giá; công tác tổ chức đào tạo; in, cấp phát và quản lý văn bằng, chứng chỉ) theo quy định của pháp luật; bảo đảm chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Về tổ chức bộ máy, nhân sự, Trường quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; quyết định và chịu trách nhiệm về việc thành lập mới, tổ chức lại, sáp nhập, chia, tách, giải thể các đơn vị trực thuộc Trường bảo đảm phát huy hiệu quả hoạt động của bộ máy.

Bên cạnh đó, quyết định cơ cấu, số lượng người làm việc trên cơ sở xác định vị trí việc làm; công bố công khai tiêu chí tuyển dụng với từng đối tượng giảng viên, viên chức, nhân viên hợp đồng; ký kết hợp đồng làm việc và hợp đồng lao động, phân công, bổ nhiệm, quản lý, sử dụng, phát triển đội ngũ viên chức, nhân viên hợp đồng phù hợp với yêu cầu phát triển của Trường và chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Trong những năm qua, bên cạnh mở rộng quy mô và chất lượng đào tạo, Đảng ủy, Ban Giám hiệu (BGH) Trường ĐHTV luôn tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác GDCTTT nhằm nâng cao nhận thức về mục tiêu xã hội chủ nghĩa (XHCHN), về chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cho HSSV; chú trọng đến công tác giáo dục toàn diện cho HSSV cũng như công tác bồi dưỡng giáo dục phẩm chất, năng lực chính trị xây dựng phong cách học tập và tổ chức nhiều phong trào hành động cách mạng nhằm giúp cho HSSV sau khi ra trường không những có kinh nghiệm chuyên môn tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, trung thực, tự giác, năng động, sáng tạo.

Tóm lại, Trường ĐHTV với vai trò to lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực, đóng trên địa bàn có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn cả về khách quan và chủ quan, đây là điều chúng ta cần phải xác nhận nhằm phát huy được những thuận lợi ở mức tối đa, hạn chế những khó khăn ở mức có thể để hoàn thành tốt công tác GDCTTT cho HSSV góp phần hoàn thành mục tiêu đào tạo của Trường ĐHTV.

Nhằm đánh giá một cách thiết thực và khách quan về thực trạng công tác GDCTTT cho SVHS ở trường Đại học Trà Vinh trên cơ sở đó đề ra một số biện pháp cụ thể mang tính khả thi cao chúng tôi dùng hình thức SWOT để phân tích như sau:

* Điểm mạnh: 1. Sinh viên đa ngành, đa lĩnh vực và hình thức đào tạo,.. 2. Đội ngũ GV viên đáp ứng nhu cầu đào tạo, số GV có trình độ ThS, TS tốt nghiệp ở nước ngoài ngày càng nhiều và là nhân tố quan trọng để kết nối các hoạt động trong đào tạo và nghiên cứu. 3. Đang chuyển đổi hiệu quả từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo tín chỉ. 4. Là một trường duy nhất trong cả nước được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở một số ngành về văn hóa Khmer Nam bộ và có khoa Văn hóa Khmer Nam bộ. 5. Cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng quy mô đào tạo và nhu cầu nghiên cứu ứng dụng KHCN. Cơ sở vật chất phục vụ nội trú, thể thao, văn hóa về cơ bản đáp ứng nhu cầu của SV. 6. Có cơ chế giúp các đơn vị KHCN tự chủ hoạt động có hiệu quả. 7. Có năng lực và kinh nghiệm tổ chức các hội thảo khoa học cấp quốc gia và quốc tế. Có năng lực và kinh nghiệm xây dựng, triển khai dự án hợp tác quốc tế. 8. Tạp chí Khoa học của Trường đang từng bước trở thành ấn phẩm có uy tín. 9. Luôn luôn tự đổi mới. 9. Đảng ủy, Ban Giám hiệu, lãnh đạo các đơn vị thuộc Trường đã xác định công tác CTTT cho SVHS là một trong những công tác quan trọng. Ý thức về vai trò vị trí của công tác GDCTTT của cán bộ viên chức và giáo viên về công tác GDCTTT được nâng lên

* Điểm yếu: 1. Chương trình ĐT chưa thực sự tiếp cận với những tiến bộ khoa học – công nghệ và hội nhập, thiếu trang bị kỹ năng mềm, chưa phát huy năng lực tự học và tính sáng tạo của người học. Chưa có chương trình đạt chuẩn khu vực và chưa có nhiều chương trình có tính cạnh tranh cao. 2. Năng lực hội nhập quốc tế của Nhà trường trong đào tạo và KHCN chưa đáp ứng yêu cầu. 3. Hoạt động quảng bá Trường chưa phát huy hiệu quả. 4. Tin học hóa quản lý đào tạo và sinh viên chưa đáp ứng các yêu cầu đào tạo tín chỉ. 5. Dịch vụ tư vấn/hỗ trợ SV chưa đầy đủ và hiệu quả. Việc điều tra khảo sát để thu thập thông tin về chất lượng đào tạo từ các nhà tuyển dụng và cựu SV chưa được chú ý đúng mức. 6. Sự gắn kết giữa đào tạo SDH với các hoạt động chuyên môn của Khoa và Bộ môn còn yếu. Chưa thu hút được nhiều SV, HV và NCS tham gia các hoạt động KHCN. 7. Công tác đảm bảo chất lượng đào tạo (bao

gồm cơ chế, chính sách, bộ máy, con người) chưa được đầu tư đúng mức. 8. Năng lực nghiên cứu và giảng dạy của một bộ phận GV còn hạn chế. Số lượng GS/PGS còn rất ít. Tỷ lệ GV có trình độ TS chưa đạt chuẩn quy định. Đội ngũ GV đào tạo SDH ở một số ngành còn thiếu và yếu. Số GV có khả năng giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ chưa nhiều. 9. Nghiên cứu khoa học chưa trở thành nhu cầu thực sự của GV. Tỷ lệ GV chủ trì đề tài NCKH trên tổng số GV còn thấp. Phần lớn CBVC vẫn còn nặng tư duy bao cấp trong các hoạt động KHCN. 10. Chưa có nhiều chuyên gia có uy tín để tổ chức đào tạo, NCKH, CGCN, dịch vụ KHCN và bồi dưỡng giảng viên trẻ. Chưa có nhiều GV có năng lực kết nối, hợp tác trong nước và nước ngoài. Trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp quốc tế còn yếu. 11. Một bộ phận VC quản lý còn thiếu chuyên nghiệp, chưa thực sự coi SV là đối tượng được phục vụ. 12. Trang thiết bị thực tập, thực hành chưa đồng bộ và chưa được khai thác có hiệu quả. Một số thiết bị thí nghiệm, thực hành hiện đại thiếu người đủ khả năng sử dụng và thiếu kinh phí vận hành. Cơ sở và điều kiện lưu trú cho khách quốc tế còn thiếu. 13. Chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để khuyến khích GV, SV tích cực quan hệ, kết nối và tìm kiếm các dự án trong và ngoài nước. Chưa xây dựng được nhiều hợp tác bền vững và hiệu quả với các địa phương, trường, viện NC, doanh nghiệp ... 14. Sự kết hợp giữa các đơn vị tham gia công tác GDCTTT còn thiếu thường xuyên và chưa đồng bộ. Ý thức một bộ phận cán bộ viên chức và giáo viên về tầm quan trọng của công tác giáo dục CTMT còn hạn chế. 15 Một bộ phận sinh viên, học sinh còn ngán ngại trong học tập nghiên cứu những môn học có liên quan trực tiếp đến công tác GDCTTT. Giáo trình, chương trình một số môn học lý luận chính trị chậm đổi mới, còn mang nặng tính lý thuyết. Một số cán bộ giảng viên nhất là giảng viên giảng dạy các môn lý luận chính trị còn thiếu kiến thức thực tiễn nên khi giảng dạy nặng lý luận dễ làm cho người học nhàm chán.

*Cơ hội: 1. Hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng sâu rộng. 2. Luật GD đại học đang từng bước giao quyền tự chủ cho trường đại học. 3. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011–2020, Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ 2011–2020. 4. Kinh tế - xã hội tăng trưởng và phát triển, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông. 6. Nhu cầu của xã hội về các sản phẩm nghiên cứu ứng dụng, về nguồn nhân lực có trình độ cao, kỹ năng giỏi trong hoạt động nghề nghiệp ngày càng tăng và đa dạng. 7. Nhu cầu của người học muốn được đào tạo theo các chương trình chất lượng cao trong nước ngày càng tăng. 8. Mối liên kết giữa

trường đại học với địa phương và doanh nghiệp có xu hướng tăng. 9. Lợi thế về điều kiện thiên nhiên, môi trường của khu vực Nam Bộ và đặc biệt là Trà Vinh. 10. Sự quan tâm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, của cán bộ quản lý; sự kết hợp tốt trong công tác GDCTTT giữa các đơn vị thuộc Trường và phát triển kinh tế - xã hội sẽ là cơ hội rất thuận lợi để công tác GDCTTT cho SVHS Trường ĐHTV ngày càng hiệu quả hơn

* Thách thức 1. Xu hướng phát triển giáo dục ĐH đặt ra yêu cầu mỗi nhà trường cần đáp ứng đòi hỏi của nền “Kinh tế tri thức”. 2. Thị trường lao động biến động và phát triển, đòi hỏi trách nhiệm xã hội và năng lực nghiên cứu phát triển của trường ĐH ngày càng cao. 3. Cạnh tranh giữa các trường đại học ngày càng gia tăng. 4. Một số chính sách của Nhà nước về điều tiết đào tạo, sử dụng nhân lực và khoa học công nghệ còn bất cập. 5. Hệ thống đảm bảo chất lượng cấp quốc gia và chuẩn nghề nghiệp chưa định hình rõ nét. 6. Trình độ học vấn và thu nhập của dân cư Trà Vinh còn thấp. 7. Trường ĐHTV nằm ở xa các thành phố lớn, trung tâm văn hóa xã hội của đất nước. 10. Việt Nam đã vượt qua nhóm các nước nghèo nhưng năng lực cạnh tranh còn thấp.

2.2. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát điều tra thực trạng công tác GDCTTT cho HSSV Trường ĐHTV thông qua hình thức phát phiếu trưng cầu ý kiến đối với

- 556 SV năm thứ 2 hệ chính quy của Trường Đại học Trà Vinh
- 114 đồng chí trong Đảng ủy, Chi ủy các chi bộ, cán bộ quản lý, giảng viên, GVCN, cán bộ Đoàn TN, Hội SV của ĐHTV

Thông qua phiếu trưng cầu ý kiến, chúng tôi đã tiến hành tìm hiểu thực trạng công tác GDCTTT cho SV ở trường ĐHTV: *Về nhận thức; Nội dung, hình thức GD thực hiện trong chương trình nội khóa, ngoại khóa... Và thực trạng công tác GDCTTT cho SV ở trường ĐHTV như công tác kế hoạch; công tác tổ chức phối hợp; công tác huy động nguồn lực; công tác xây dựng môi trường GD; công tác kiểm tra, đánh giá.*

Cách xử lý kết quả:

- Đối với những câu hỏi yêu cầu lựa chọn những ý cho là đúng nhất, kết quả trả lời các câu hỏi được tính theo % số người đánh dấu vào các câu hỏi trả

lời trên tổng số người tham gia. Trên cơ sở đó, kết hợp với kết quả thông tin thu nhập được qua quan sát, trò chuyện với các chuyên gia, CBQL phân tích số liệu để rút ra kết luận.

- Đối với những câu hỏi mà câu trả lời được phân làm ba mức độ (ví dụ: *Rất quan trọng, quan trọng, không quan trọng* hoặc các cách trả lời tương tự) chúng tôi tính điểm trung bình cộng trên cơ sở theo công thức:

$$\frac{(\text{Rất quan trọng} \times 3) + (\text{quan trọng} \times 2) + (\text{không quan trọng} \times 1)}{\text{Tổng số người tham gia trả lời}}$$

Tổng số người tham gia trả lời

Kết quả là tính được điểm trung bình cộng của câu trả lời tương ứng.

Bên cạnh đó, thông qua hệ thống văn bản, báo cáo, Nghị quyết... cùng với những kiến thức thực tế trong quá trình làm việc tôi đi sâu vào phân tích những mặt còn hạn chế nhằm đề xuất những biện pháp để tăng cường hơn nữa công tác GDCTTT cho SV tại trường ĐHTV. Trong mục dành cho SV và cán bộ quản lý (CBQL) có những câu hỏi trùng nhau, tác giả muốn qua đó để đối chiếu, so sánh nhằm tìm ra độ tin cậy cao nhất.

2.2.1. Thực trạng công tác GDCTTT cho sinh viên trường ĐHTV

a. Thực trạng về nhận thức

Tìm hiểu mức độ nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDCTTT cho SV, với câu hỏi: *Vai trò của việc công tác GDCTTT cho SV đối với mục tiêu giáo dục toàn diện ở trường đại học hiện nay?*

Bảng 2.1. Nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDCTTT cho SVHS

TT	Đối tượng Mức độ	Cán bộ			Sinh viên		
		Số ý kiến	Tỷ lệ %	Thứ bậc	Số ý kiến	Tỷ lệ %	Thứ bậc
1	Rất cần thiết	68	59,7	1	358	64,5	1
2	Cần thiết	44	38,4	2	180	32,3	2
3	Không cần thiết	02	1,9	3	18	3,2	3

Nhìn vào bảng kết quả ở bảng 2.1. ta thấy: Số cán bộ (CB) và SV có nhận thức tích cực về tầm quan trọng của công tác GDCTTT cho SV chiếm đa số: Rất cần thiết (59,7% và 64,5%) điều xếp thứ 1 trong bảng xếp vị thứ. Kế đến là số ý kiến cho là cần thiết (38,4% và 32,3%) xếp thứ 2. Tuy nhiên, cũng qua bảng chúng ta thấy còn có 02/114 CBQL, cán bộ giảng dạy (CBGD), CB Đoàn thanh niên (TN) và Hội SV và 18/556 SV cho rằng công tác này là không cần thiết. Chúng tôi đã tìm hiểu và được biết lý do của sự lựa chọn trên, họ cho rằng, trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay thì công tác GDCTTT cho SV là không cần thiết. Điều này là trái ngược với quan điểm của Đảng ta, của Bác Hồ về công tác GDCTTT, công tác bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ, nhất là trong bối cảnh hiện nay.

Tiếp theo khảo sát trên, chúng tôi tiến hành khảo sát thêm các đối tượng với câu hỏi: *Hãy cho biết ý kiến của mình về mức độ quan trọng của các phẩm chất mà nhà trường cần trang bị cho SV ngay từ bây giờ để hình thành nhân cách của những cán bộ khoa học kỹ thuật, kinh tế tương lai?*

Bảng 2.2. Nhận thức về tầm quan trọng của các phẩm chất mà nhà trường cần trang bị cho SVHS

TT	Phẩm chất cần trang bị	Kết quả (%)					
		Rất quan trọng		Quan trọng		Không quan trọng	
		CB	SV	CB	SV	CB	SV
	Có nhận thức, lập trường chính trị vững vàng; có truyền thống yêu nước, yêu CNXH và tinh thần hợp tác quốc tế	58.0	57.0	13.7	16.4	00.0	7.9
2	Có kiến thức cơ bản và bản lĩnh vững vàng về chính trị; sống có lý tưởng cách mạng và trung thành với lý tưởng đó.	37.0	47.4	32.5	30.2	00.0	3.8

3	Có ý thức tổ chức kỷ luật trong sinh hoạt, học tập: Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước; nội qui, qui chế của tổ chức, tập thể tại nơi sinh sống, học tập và công tác	47.6	44.7	21.9	29.7	0	10.4
4	Có ý thức xây dựng thái độ, động cơ học tập đúng đắn; tinh thần đoàn kết, tương trợ trong học tập và công tác.	50.3	52.5	17.9	28	1.4	4.3
5	Có ý thức phấn đấu vươn lên không ngừng, tinh thần lạc quan, biế lắng nghe, khiêm tốn.	45.9	22.5	22.8	47.9	0.8	14.4
6	Có lối sống lành mạnh, văn minh; biết học hỏi tiếp thu những yếu tố mới, những tiến bộ đồng thời luôn đề cao, cảnh giác những nếp sống, biểu hiện đồi trụy, phản động, trái với thuần phong, mỹ tục; kiên quyết đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội.	40.5	28.5	27.8	19.2	1.3	37.1
7	Có ý thức bảo vệ, xây dựng môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.	33.4	13.3	33.5	46.8	2.6	24.7
8	Có tinh thần vượt khó, có khả năng linh hoạt, thích ứng với môi trường làm việc có sức cạnh tranh cao trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; Biết làm giàu đúng pháp luật.	23.5	24.2	35.1	42.4	10.9	18.2

Kết quả ở bảng 2.2 những phẩm chất cần trang bị cho SV ngay từ bây giờ để hình thành nhân cách của những cán bộ khoa học kỹ thuật, kinh tế tương lai được cả CB và SV lựa chọn nhiều đó là: Có nhận thức, lập trường chính trị về truyền thống yêu nước, yêu CNXH và tinh thần hợp tác quốc tế (58.0% và 57.0%); có ý thức tổ chức kỷ luật trong sinh hoạt, học tập: Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước; nội qui, qui chế của tổ chức, tập thể tại nơi sinh sống, học tập và công tác (47.6% và 44.7%); Có kiến thức cơ bản và bản lĩnh vững vàng về chính trị; sống có lý tưởng cách mạng và trung thành với lý tưởng đó (37.0 % và 47.4 %); Có ý thức xây dựng thái độ, động cơ học tập đúng đắn; tinh thần đoàn kết, tương trợ trong học tập và công tác (50.3% và 52.5%), điều này cho thấy cả 2 nhóm đối tượng cùng có chung quan điểm khi lựa chọn những phẩm chất cần trang bị cho SV. Đây là một thuận lợi rất cơ bản cho công tác GDCTTT cho SV, bởi vì, SV muốn sống có ích thì phải học tập. Muốn học tập tốt, SV cần xác định cho mình động cơ, thái độ học tập đúng đắn. Động cơ, thái độ đúng thể hiện ở sự trung thực, thật thà, khiêm tốn và thực sự cầu thị trong học tập.

Tuy nhiên, để chuẩn bị cho SV ra trường không bị lung túng, không bị ngỡ ngàng, không bị mất một khoảng thời gian để thích ứng với môi trường làm việc mới, có những phẩm chất rất quan trọng đáng lẽ cần phải trang bị cho SV ngay từ khi đang còn ngồi trên ghế nhà trường thì nhiều người cho rằng không quan trọng kể cả ở CB và SV. (Ví dụ ở các mục (5) có 3,6% CB và 18,6% SV; mục (7) chỉ có 16,8% CB và 29,1% SV lựa chọn và mục (8) chỉ có 15,7% CB và 21,5% SV lựa chọn.)

Số liệu này lại một lần nữa khẳng định chúng ta cần phải tăng cường nâng cao nhận thức cho lực lượng tham gia làm công tác GDCTTT và quản lý công tác này cho SV. Đồng thời, đối với SV cũng cần phải có cách tác động giúp các em chuẩn bị tâm thế đón nhận những phẩm chất chúng ta sẽ trang bị cho các em như đã nêu trên.

b. Thực trạng về nội dung, hình thức và các phương pháp GDCTTT

Về nội dung: Chúng tôi đã tiến hành điều tra khảo sát để tìm hiểu xem ở trường ĐHTV hiện nay nội dung GDCTTT cho SV gồm những vấn đề gì với câu hỏi: *Trong thời gian qua, những phẩm chất nào dưới đây đã được nhà trường tăng cường trang bị nhiều cho SV?* Kết quả ở bảng 2.2. (thể hiện rõ hơn qua biểu đồ 2.2.) đồng thời, qua tìm hiểu thực tế, chúng tôi nhận thấy rằng, Đảng ủy – BGH đã chỉ đạo các đoàn thể quan tâm giáo dục các phẩm chất cần thiết nhất cho SV.

Như vậy, trong nội dung GDCTTT cho SV, Trường ĐHTV đã thể hiện sự quan tâm của mình

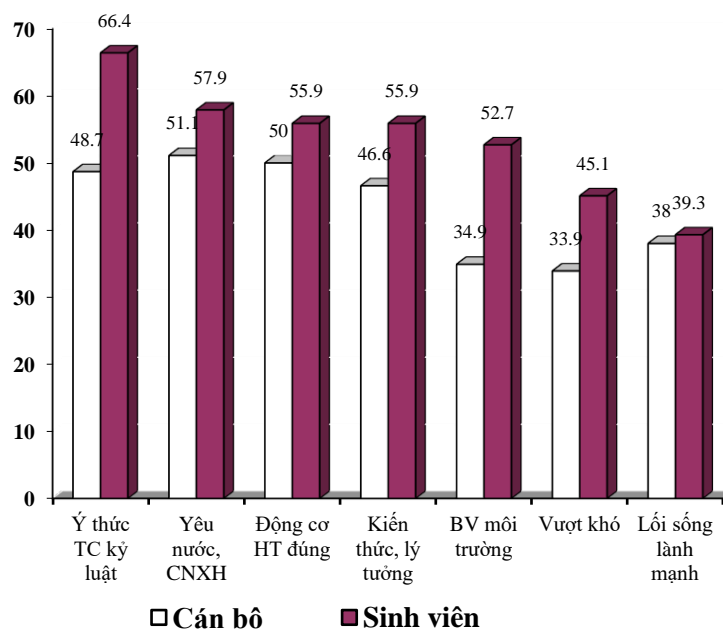
Về hình thức: Chúng tôi đã đặt câu hỏi: *Nhà trường đã GDCTTT cho SV thông qua những hoạt động chủ yếu nào dưới đây?* Để tìm hiểu về các hình thức GDCTTT mà Trường ĐHTV đang áp dụng. Kết quả điều tra được thể hiện qua bảng 2.4. và biểu đồ 2.2.

Phân tích số liệu từ bảng 2.4. kết hợp với quan sát, phỏng vấn một số SV tôi thấy các hình thức GDCTTT cho SV chủ yếu thông qua Giáo dục truyền thống thông qua việc tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm, ngày truyền thống của Trường; Sinh hoạt lớp, Đoàn, Hội Sinh viên (71,3% - xếp thứ 1); Hoạt động xã hội, từ thiện, tình nguyện, văn hóa, văn nghệ, lễ hội, câu lạc bộ sở thích, thể dục thể thao, quân sự, thăm quan, giao lưu...(66,4% - xếp thứ 2);

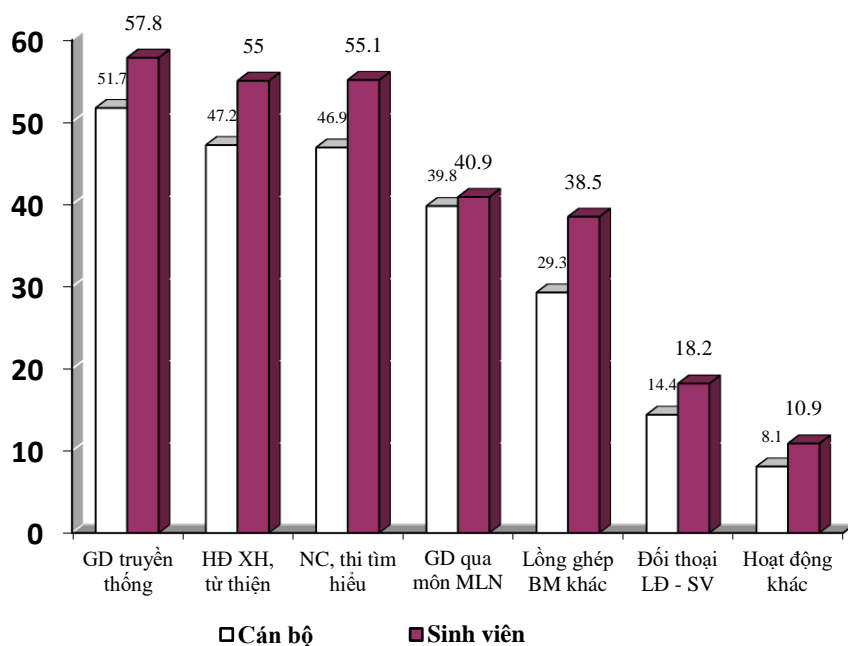
Bảng 2.3. Nội dung các phẩm chất đã được nhà trường tăng cường giáo dục nhiều cho SVHS

TT	Phẩm chất	Kết quả		TBC (%)	Thứ bậc
		CB	SV		
1	Có ý thức tổ chức kỷ luật trong sinh hoạt, học tập;	48.7	66.4	57.6	1
2	Có nhận thức, lập trường chính trị về truyền thống yêu nước, yêu CNXH và tinh thần hợp tác quốc tế	51.1	57.9	54.5	2

3	Có ý thức xây dựng thái độ, động cơ học tập đúng đắn; tinh thần đoàn kết, tương trợ trong học tập và công tác	50.0	55.9	53.0	3
4	Có kiến thức cơ bản và bản lĩnh vững vàng về chính trị; sống có lý tưởng cách mạng và trung thành với lý tưởng đó	46.6	55.9	51.3	4
5	Có ý thức bảo vệ, xây dựng môi trường tự nhiên và môi trường xã hội	34.9	52.7	43.8	5
6	Có tinh thần vượt khó và phấn đấu vươn lên không ngừng, có khả năng thích ứng với môi trường làm việc có sức cạnh tranh cao trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế;	33.9	45.1	39.5	6
7	Có lối sống lành mạnh, văn minh; biết học hỏi tiếp thu những yếu tố mới,	38.0	39.3	38.7	7



Biểu đồ 2.1. Nội dung các phẩm chất đã được nhà trường tăng cường giáo dục nhiều cho SVHS



Biểu đồ 2.2. Các hình thức GDCTTT cho SV Trường ĐHTV

Bảng 2.4. Các hình thức GDCTTT cho SVHS Trường ĐHTV

TT	Các hình thức	Kết quả		TBC (%)	Thứ bậc
		CB	SV		
1	Giáo dục truyền thống thông qua việc tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm, ngày truyền thống của trường; Sinh hoạt lớp, Đoàn, Hội sinh viên	51.7	57.8	54.8	1
2	Hoạt động xã hội, từ thiện, tình nguyện, văn hóa, văn nghệ, lễ hội, câu lạc bộ sở thích, thể dục thể thao, quân sự, thăm quan, giao lưu...	47.2	55.0	51.1	2
3	Nghe nói chuyện chính trị, thời sự, lịch sử; Tổ chức tốt các cuộc thi tìm hiểu về Đảng, về Bác Hồ, về lịch sử đất nước...	46.9	55.1	51.0	3

4	GDCTTT qua bài giảng các môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	39.8	40.9	40.4	4
5	GDCTTT lồng ghép vào bài giảng của các bộ môn chuyên ngành	29.3	38.5	33.9	5
6	GDCTTT thông qua các cuộc đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với SV.	14.4	18.2	16.3	6
7	Các hoạt động khác	8.1	10.9	9.5	7

Nghe nói chuyện chính trị, thời sự, lịch sử; Tổ chức tốt các cuộc thi tìm hiểu về Đảng, về Bác Hồ, về lịch sử đất nước...(44,9% - xếp thứ 3); bài giảng các môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (39,8% - xếp thứ 4); lồng ghép vào bài giảng của các bộ môn chuyên ngành (29,3%- xếp thứ 5); cuộc đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với SV(14.4,1% - xếp thứ 6).

Như vậy có thể thấy rằng, Trường ĐHTV đã chú trọng đến công tác GDCTTT cho SV thông qua các hình thức cụ thể đã nêu trên. Tuy nhiên, theo nhận xét của tôi, những hình thức đáng lẽ cần phải có sự lựa chọn cao vì đó là những hình thức chính để thông qua đó GDCTTT cho SV thì ở đây lại ngược lại – thứ bậc thấp ở thang bậc đánh giá 4,5,6. Chỉ xin nêu ví dụ về việc công tác GDCTTT cho SV thông qua bài giảng *các môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh* (sự lựa chọn thứ 4). Ta biết rằng, các môn học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở, là nội dung quan trọng của công tác GDCTTT. Việc truyền đạt kiến thức của môn khoa học này chính là ta đang chuyển tải những nội dung có liên quan trực tiếp đến đường lối, quan điểm và hệ tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam đến cho SV. Trong thời gian qua, bên cạnh một số giảng viên sử dụng phương tiện kỹ thuật để đổi mới phương pháp giảng dạy làm cho bài giảng có nội dung phong phú, sinh động, hấp dẫn, có tính thuyết phục cao. Tuy nhiên do điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế, thường là lớp đông, nên đa phần vẫn thực hiện phương pháp truyền thống trong giảng dạy như trần thuật, diễn giải, qui nạp.. Do đó SV tiếp thu bài giảng một cách rất thụ động.

Một hình thức tôi thấy đáng lẽ cần phải tăng cường hơn nhưng lại có sự lựa chọn thấp đó là: (1) “*lồng ghép vào bài giảng của các bộ môn chuyên*

ngành” và “2” “cuộc đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với SV” chỉ đứng ở thang bậc thứ 5 và 6 với tỷ lệ 43,8% và 21,1%. Đây cũng là vấn đề cần phải bàn để tìm ra biện pháp thích hợp tăng cường hơn nữa các hoạt động này lên.

Qua tìm hiểu thực tế, vì nhiều lý do khác nhau, (1) có những GVBM bước vào lớp là chỉ có một việc là truyền đạt kiến thức chuyên môn, họ cho rằng GDCTTT cho SV không phải là việc của họ. (2) Đối tượng tham dự các cuộc đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với SV chỉ tập trung chủ yếu vào các cán bộ lớp, Đoàn, Hội, đại diện sinh viên,.. còn những buổi gặp gỡ, đối thoại với toàn thể SV thì ít được tổ chức. Trong thời gian tới, muốn tăng cường hiệu quả của công tác GDCTTT cho SV, ĐHTV phải tiếp tục đổi mới hình thức, phương pháp giảng dạy, cách tổ chức sinh hoạt sao cho phù hợp với tình hình thực tế hơn, thu hút được đông đảo SV hơn.

Về phương pháp, chúng tôi đã hỏi cả CBQL, CBGD... và SV câu hỏi: *Những phương pháp GDCTTT cho SV sau đây được nhà trường sử dụng ở mức độ nào?*

Bảng 2.5. Mức độ sử dụng phương pháp công tác GDCTTT

TT	Phương pháp	Mức độ						Điểm trung bình	Thứ bậc
		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Chưa sử dụng			
		CB	SV	CB	SV	CB	SV		
1	Tổ chức cho SV nghe phổ biến các văn bản đánh giá, xếp loại học tập, rèn luyện đạo đức	36	173	77.2	373	0	8.5	2,3	1
2	Tổ chức các hoạt động tham quan, dã ngoại, sinh hoạt tập thể...nhằm nâng cao nhận thức cho SV	60	141	53.5	405	0	9.3	2,3	1

3	Sự gương mẫu của giáo viên và cán bộ. Nêu gương tốt; Noi gương người tốt, việt tốt	54.2	133	31.3	264	28.5	158	2,0	3
4	Nêu yêu cầu, tạo tình huống để sinh viên giải quyết;	8	103	31.3	196	74.4	256	1,7	4
5	Phát động thi đua; Nhắc nhở, động viên khen thưởng, kỷ luật	7	139	37.5	141	68.8	274	1,7	4
6	Tổ chức các buổi nói chuyện, hội thảo theo chuyên đề ...	7	76	13.9	169	93.1	310	1,5	6
7	Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ sở thích ...	18	66	32	179	63.3	310	1,6	7

Qua bảng 2.5, nhìn chung, các phương pháp đều được sử dụng ở mức độ *thường xuyên* hay *thỉnh thoảng*. Ở đây, chúng ta cùng ghi nhận những điều Trường ĐHTV đã làm được, làm tốt, chúng tôi chỉ xin nhấn mạnh những điều còn hạn chế để tìm ra phương pháp thích hợp hơn nhằm tăng cường hơn nữa công tác GDCTTT cho SV Trường ĐHTV. Trong tất cả những phương pháp đã nêu trên, có những phương pháp, theo chúng tôi, thực hiện tốt sẽ mang lại hiệu quả cao trong GDCTTT cho SV. Ví dụ: Để nâng cao nhận thức cho SV về chính trị, đạo đức xã hội, muốn tập hợp được SV, cần phải *thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện theo chuyên đề* (thứ 4); *Tổ chức các câu lạc bộ sở*

thích; Hội thảo các chuyên đề về đạo đức (thứ 5); Tạo tình huống để các em giải quyết; Hướng các em vào những hoạt động nhằm nâng cao tính độc lập, kích thích ý thức tự giác, lòng tự trọng của SV...(thứ 3); có khen thưởng thỏa đáng đối với những cá nhân điển hình (thứ 3). Thông qua đó chúng ta tập hợp, hướng dẫn SV sử dụng hữu ích thời gian nhàn rỗi, định hướng cho các em về mặt tư tưởng, một khi đã ổn định về mặt tư tưởng, cuốn hút SV đến với các sinh hoạt hữu ích, thì công tác GDCTTT sẽ thuận lợi hơn rất nhiều.

c. Thực trạng về xếp loại kết quả rèn luyện phẩm chất đạo đức của SVHS

Chúng tôi đã tiến hành tìm hiểu việc đánh giá kết quả rèn luyện chính trị tư tưởng cho sinh viên ở ĐHTV thông qua câu hỏi: Xin ông (bà) cho biết ý kiến về việc đánh giá kết quả rèn luyện chính trị tư tưởng cho sinh viên ở Đại học Trà Vinh đã được thực hiện như thế nào?

Qua bảng 2.6, việc đánh giá rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống cho SV được nhà trường tiến hành theo định kỳ là cuối mỗi học kỳ và năm học. số người cho rằng *có nội dung, tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng chiếm 87,8%*. Về cách tiến hành đánh giá, đa số cho rằng đã thực hiện theo đúng quy trình. Tuy nhiên, vẫn có một số CBQL cho rằng, công việc này chủ yếu do bản thân SV và tập thể lớp đánh giá (có trường hợp GVCN khoán trắng cho ban cán sự lớp). Hoặc có một số trường hợp, họp để thông qua kết quả rèn luyện một cách qua loa, phiến diện; có những GVCN đã không theo dõi lớp thường xuyên lại không tham khảo ý kiến của GVBM, không theo đúng quy trình nên đã dẫn đến tình trạng đánh giá thiếu khách quan, thiếu công bằng, công khai và dân chủ gây nên tâm lý chán nản, nhụt ý chí phấn đấu của một bộ phận SV. Điều này đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của công tác GDCTTT và quản lý quá trình GDCTTT cho SV Trường ĐHTV.

Bảng 2.6. Đánh giá kết quả rèn luyện chính trị tư tưởng cho SVHS

TT	Nội dung	Kết quả	%
<i>Về thời gian đánh giá</i>			
1	Theo định kỳ tháng, quý	00	00
2	Theo học kỳ	100	100
<i>Về nội dung đánh giá</i>			

3	Có nội dung, tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng	100	87,8
4	Không có nội dung, tiêu chuẩn cụ thể	14	12,2
5	Chỉ đánh giá về mặt học tập	10.4	9,1
6	Chỉ đánh giá về mặt rèn luyện phẩm chất chính trị, lối sống	0	00
7	Đánh giá cả về mặt học tập và rèn luyện	104	91,4
<i>Cách tiến hành đánh giá</i>			
8	Chủ yếu do cá nhân SV và tập thể lớp đánh giá	18	15,8
9	Chủ yếu do GVCN và BCS lớp	17	15,2
10	Bước 1: cá nhân SV tự đánh giá, cho điểm rèn luyện và tự xếp loại – Tập thể lớp họp cùng với GVCN, có ghi biên bản	97	85,4
11	Bước 2: chủ nhiệm khoa xem xét, xác nhận, trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả rèn luyện...	97	85,4

**** Nguyên nhân của thực trạng công tác GDCTTT cho SVHS Trường ĐHTV***

Nhằm tìm hiểu nguyên nhân của thực trạng công tác GDCTTT cho SV Trường ĐHTV, chúng tôi đưa ra câu hỏi: *Những yếu tố chủ yếu nào sau đây ảnh hưởng đến quá trình giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên? Kết quả được thể hiện ở bảng 2.7*

Bảng 2.7. Những yếu tố ảnh hưởng đến công tác GDCTTT cho SVHS

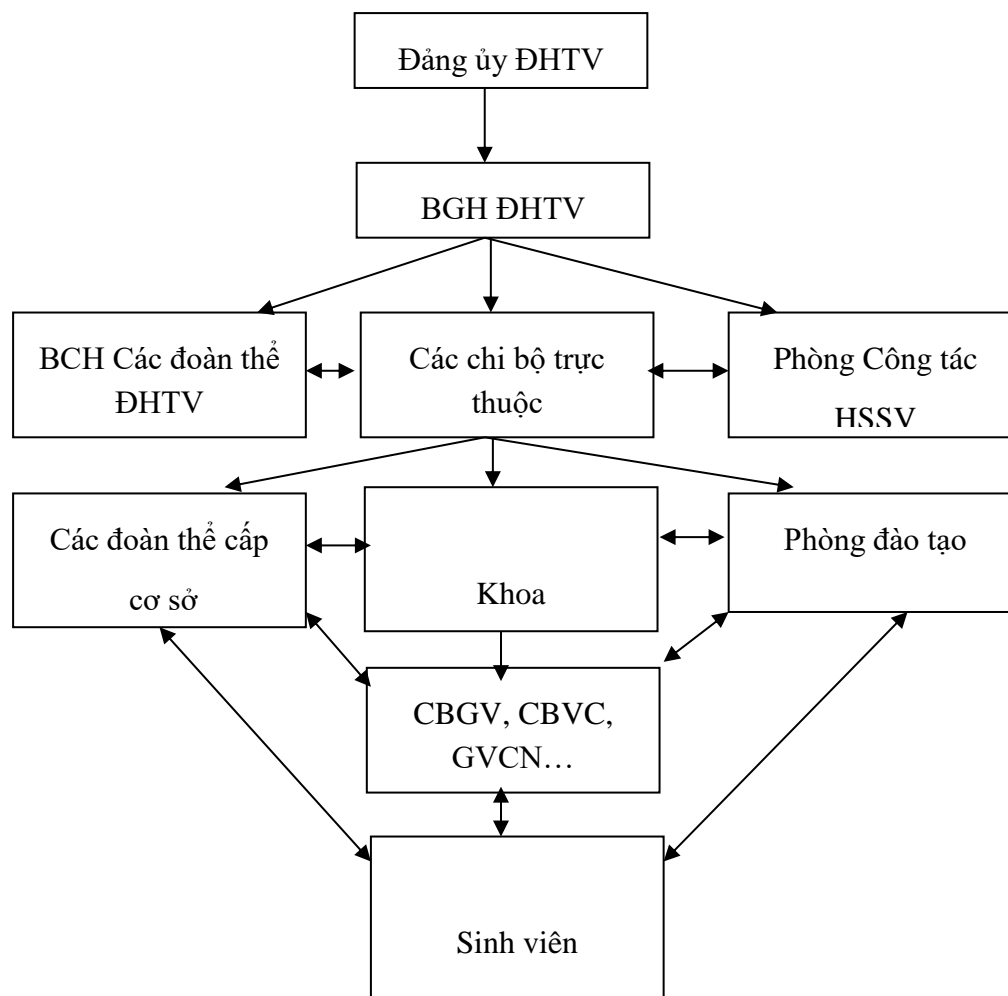
TT	Yếu tố ảnh hưởng	Kết quả		TBC (%)	Bậc
		CB	SV		
1	Sự phối hợp các lực lượng GDCTTT cho SV	54.4	44.7	49.6	1
2	Ảnh hưởng của sự mở cửa, hội nhập	50.2	44.4	47.3	2
3	Quản lý đến công tác GDCTTT cho SV của nhà trường.	50.3	44.2	47.3	2
4	Sự quan tâm của đội ngũ giáo viên đến GDCTTT	51.8	40.9	46.4	4
5	Tính tích cực của SV trong việc tự rèn luyện.	52.9	38.6	45.8	5
6	Hình thức, phương pháp GDCTTT cho SV	46.9	45.3	46.1	6
7	Nội dung GDCTTT cho SV	47.5	44.7	46.1	6
8	Kiểm tra, đánh giá	53	38.7	45.9	8
9	Sự biến đổi tâm lý của SV	31.3	57.5	44.4	9
10	Các biện pháp GDCTTT cho SV	42.4	36.6	39.5	10
11	Khen thưởng, kỷ luật	38.6	38.3	38.5	11
12	Phong trào thi đua	39.3	29.5	34.4	12
13	Dự luận tập thể	31.9	29.4	30.7	13

Qua bảng trên ta thấy nổi bật một số yếu tố ảnh hưởng đến công tác GDCTTT cho SVHS. Đối với cán bộ, đa số cho rằng nguyên nhân của thực trạng công tác GDCTTT cho SVHS ở Trường ĐHTV là do: công tác kiểm tra, đánh giá (53%) chưa thực sự công bằng, khách quan, chưa thực sự có tác dụng tốt trong việc động viên, khuyến khích những người làm công tác GDCTTT và phát huy tính tích cực của SVHS. Bên cạnh đó, 52,9% CB cho rằng, tính tích

cực trong việc tự rèn luyện của SVHS chưa cao. Khi tiếp xúc với một số CBQL, đặc biệt là đội ngũ GVCN lớp, chúng tôi đều nhận được những nhận xét tương tự. Có ý kiến cho rằng, một số bộ phận SVHS còn thụ động, ít quan tâm đến cả về chính trị lẫn những lĩnh vực khác. Số SVHS thể hiện sự tự giác, tích cực trong sinh hoạt và họ tập không phải là nhiều. Do vậy, để công tác GDCTTT cho SVHS đạt hiệu quả cao, theo chúng tôi cần phải lưu ý vấn đề này để đưa ra những biện pháp nhằm kích thích tính tự giác, tính tích cực của SVHS. Tiếp theo 51,8% CB cho rằng, một trong những yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng đến sự thành công trong công tác GDCTTT đó chính là *sự quan tâm của đội ngũ giáo viên*. Chúng tôi cũng hoàn toàn nhất trí với những nhận xét trên. Vấn đề còn lại là làm sao đưa ra biện pháp thiết thực, hiệu quả để có thể tăng cường quản lý công tác này trong nhà trường một cách có hiệu quả hơn.

Còn với SVHS thì cho rằng nguyên nhân của thực trạng là do ảnh hưởng của những yếu tố: 57,5% do sự biến đổi tâm lý của SVHS (trong khi đó CB thì chỉ có 31,3%); Hình thức, phương pháp GDCTTT cho SVHS (45,3%); Nội dung GDCTTT cho SVHS (44,7%). Ở đây chúng tôi thấy có chung sự lựa chọn của CB và SVHS đó là: Sự phối hợp các lực lượng GDCTTT cho SVHS (54,4% - 44,7%) – xếp thứ 1 trong bảng lựa chọn. Điều này theo chúng tôi cũng là điều dễ hiểu: Nếu không coi công tác GDCTTT cho SVHS là quan trọng, nếu trong nhà trường, CBQL, các bộ phận phòng, ban, CBGD, GVCN... mà không thống nhất quan điểm, đường lối thì sẽ xảy ra tình trạng “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược” hoặc chòng chéo công việc giữa các bộ phận, và tất nhiên, không thể đạt hiệu quả cao trong công tác này được. Theo chúng tôi, nếu để xảy ra tình trạng trên dù là biểu hiện nhiều hay ít thì cũng cần phải xem lại khâu quản lý công tác GDCTTT cho SVHS trong nhà trường. Và một điều thật hợp lý, không có gì mâu thuẫn với sự lựa chọn trên là cả CB và SVHS đều cho rằng, nguyên nhân của thực trạng trên, bên cạnh *ảnh hưởng của sự mở cửa, hội nhập* (50,2% - 44,4%) còn do nguyên nhân ở thang bậc thứ 2 trong bảng lựa chọn: *Quản lý công tác GDCTTT cho SVHS của nhà trường* (50,3% - 44,2%).

2.2.2. Thực trạng quản lý quá trình GDCTTT cho SVHS ĐHTV



Sơ đồ 2.1.1 Biểu đồ bộ máy tổ chức công tác GDCTTT cho SVHS ĐHTV

Công tác GDCTTT cho SV có vai trò quan trọng trong quá trình đào tạo của nhà trường, trong đó, bộ máy tổ chức là nhân tố đóng góp có hiệu quả của công tác quản lý SV.

Cùng với Phòng công tác SVHS, Phòng ĐT còn có các đoàn thể, các phòng chức năng, các khoa và bộ môn, GVCN là những đơn vị đóng vai trò quan trọng trong công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động SVHS thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Bộ GD – ĐT và của nhà trường, tích cực tham gia các hoạt động chính trị xã hội...

Như vậy, về tổ chức bộ máy ở ĐHTV đã có Phòng tác HSSV và các đơn vị thuộc trường. Tuy nhiên, Phòng công tác HSSV và Phòng đào tạo chưa có một bộ phận chuyên trách về công tác quản lý quá trình GDCTTT cho SV, do vậy, quản lý quá trình GDCTTT cho SV cũng chưa được quan tâm đúng mức. Đây cũng là một trong những bất cập trong công tác này.

a. Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDCTTT

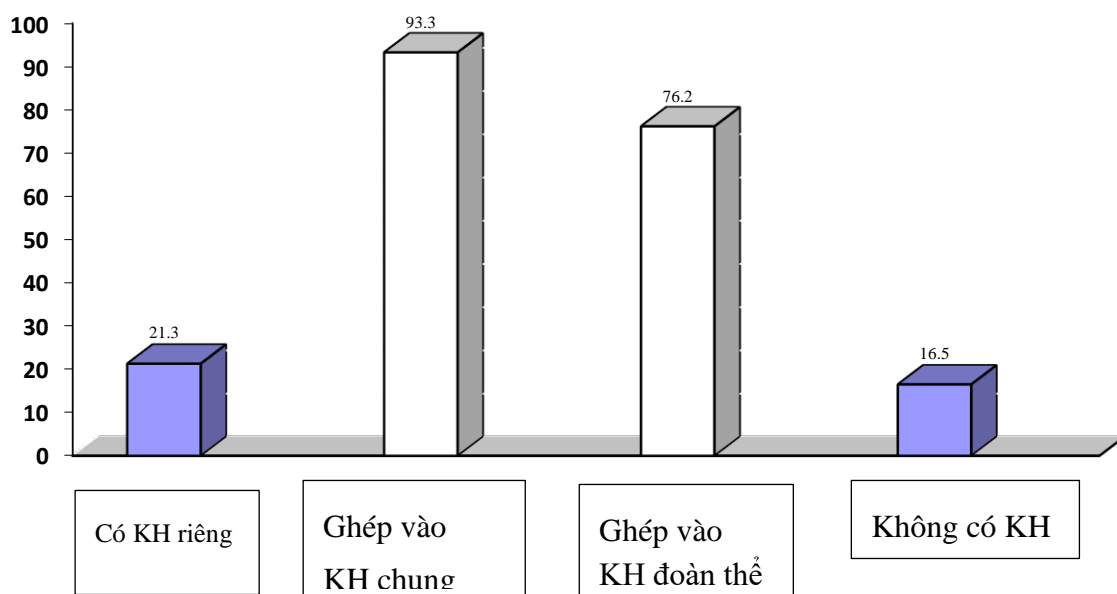
Ở mục 2.2.1. chúng tôi đã có sự khảo sát và phân tích về kết quả tìm hiểu nhận thức của CBQL và SV về tầm quan trọng của công tác GDCTTT cho SVHS ĐHTV. Qua đó chúng ta cũng thấy được rằng “không cần thiết” phải GDCTTT. Theo họ, trong nhà trường đại học, việc đào tạo ra những cán bộ chuyên sâu, tinh thông về một nghề nhất định mới là tối quan trọng, còn GDCTTT, giáo dục ý thức rèn luyện, vươn lên để tự khẳng định mình phần đầu trở thành con người phát triển toàn diện cho SVHS là không cần thiết, không quan trọng. Chúng tôi cho rằng, tuy rằng số người trả lời như trên là ít (5,1%) nhưng vẫn cần để chúng ta suy nghĩ lập kế hoạch, triển khai, chỉ đạo và làm tốt công tác kiểm tra, đánh giá để tìm cách tác động vào họ, làm cho họ nhận thức được đầy đủ về mục tiêu giáo dục toàn diện, trong đó, GDCTTT cho SVHS là một trong những công tác vô cùng quan trọng cần phải được tiến hành trong nhà trường đại học.

b. Thực trạng về xây dựng kế hoạch quản lý quá trình GDCTTT cho SVHS

Để tìm hiểu thực trạng về xây dựng kế hoạch quản lý quá trình GDCTTT cho SV, chúng tôi đã đưa ra câu hỏi: *Xin ông (bà) cho ý kiến về việc xây dựng kế hoạch quản lý quá trình GDCTTT cho SVHS ở Trường ĐHTV đã được thực hiện như thế nào?*

Bảng 2.8. Thực trạng về xây dựng kế hoạch công tác GDCTTT

TT	Nội dung	Kết quả		
		SL	%	Bậc
1	Quá trình GDCTTT được lồng vào kế hoạch chung của năm học	106	93,3	1
2	Quá trình GDCTTT được lồng vào kế hoạch hoạt động ngoài giờ hoặc đoàn thể	87	76,2	2
3	Có kế hoạch cụ thể, chi tiết riêng về quá trình GDCTTT cho SVHS	24	21,3	3
4	Công tác GDCTTT không có kế hoạch riêng cũng không lồng ghép vào kế hoạch chung	19	16,5	4



Biểu đồ 2.3. Thực trạng về xây dựng kế hoạch công tác GDCTTT

Kết quả từ bảng 2.8. (được thể hiện rõ hơn qua biểu đồ 2.3.) cho chúng ta thấy, công tác GDCTTT cho SVHS ở ĐHTV hiện nay *đang được lồng chung vào kế hoạch của năm học* (93,3%). Thực tế, khi nghiên cứu kế hoạch hay báo cáo tổng kết từng học kỳ và cả năm học, chúng tôi nhận thấy, bao giờ công tác GDCTTT cũng chỉ chiếm một mục rất nhỏ và mang tính chất chung chung chưa rõ ràng, cụ thể. Như vậy, về khâu lập kế hoạch công tác GDCTTT cho SVHS Trường ĐHTV, theo chúng tôi là chưa được quan tâm một cách đúng mức, nhà trường cần phải có một kế hoạch trong từng kỳ và trong cả năm học về quản lý quá trình GDCTTT cho SVHS, trong đó có sự phân công trách nhiệm rõ ràng để các bộ phận có liên quan (Phòng CT HSSV, Khoa Lý luận Chính trị, Phòng ĐT, các khoa, các đoàn thể chính trị trong nhà trường...) biết, chủ động lập kế hoạch của riêng mình. Ví dụ: Phòng công tác HSSV, Phòng ĐT chịu trách nhiệm theo dõi tổng hợp, phân tích tình hình tư tưởng chính trị của SVHS, tham mưu, đề xuất với Đảng ủy, Ban giám hiệu nhà trường chủ trương và yêu cầu công tác GDCTTT của từng học kỳ, từng năm học.

c. Về công tác tổ chức thực hiện

Với câu hỏi đối với các CBQL: *Ông (bà) hãy cho biết đánh giá của mình về công tác tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch GDCTTT cho SVHS ở Trường Đại học Trà Vinh hiện nay?* Chúng tôi thu được kết quả về hình thức và công tác triển khai kế hoạch quản lý công tác GDCTTT cho SVHS Trường ĐHTV qua bảng 2.9. như sau:

Bảng 2.9. Công tác tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch GDCTTT

TT	Hình thức/Công tác triển khai	Kết quả		
		SL	%	Bậc
<i>Về hình thức triển khai thực hiện</i>				
1	Triển khai bằng cách phổ biến chung tại cuộc họp	51.4	45,1	1
2	Họp – Bàn bạc đi đến thống nhất – triển khai bằng văn bản	44.5	39,0	2

3	Theo kế hoạch cụ thể, chi tiết bằng văn bản	18.1	15,9	3
<i>Về thời gian triển khai thực hiện kế hoạch công tác GDCTTT cho SVHS</i>				
4	Tương đối kịp thời	52.8	46,3	1
5	Kịp thời	38.2	33,5	2
6	Chậm	14.6	12,8	3
7	Rất kịp thời	8.3	7,3	4

Về hình thức triển khai thực hiện kế hoạch GDCTTT cho SVHS, Trường ĐHTV đã triển khai bằng cách phổ biến chung tại cuộc họp (45,1%) và cách tổ chức họp – bàn bạc đi đến thống nhất – triển khai bằng văn bản (39,0%). Còn thời gian triển khai, phần lớn CBQL chọn *tương đối kịp thời* (46,3%) và *kịp thời* (33,5%). Theo chúng tôi tuy là kế hoạch thực hiện công tác GDCTTT cho SVHS được lồng vào chung kế hoạch của năm học nhưng nếu duy trì và thực hiện tốt, có chất lượng hình thức triển khai kế hoạch như vậy thì nên phát huy. Bởi vì, với hình thức: họp để thống nhất chủ trương, tập thể bàn bạc dựa trên dự kiến kế hoạch của lãnh đạo và cuối cùng đi đến thống nhất thực hiện kế hoạch – triển khai thực hiện kế hoạch bằng văn bản chính thức, lãnh đạo sẽ đưa ra quyết định cuối cùng một cách sáng suốt hơn, toàn diện hơn và như vậy sẽ thông suốt hơn trong quá trình thực hiện kế hoạch, tránh tình trạng lĩnh hội chủ trương sai dẫn đến thực hiện sai. Vấn đề còn lại là thời gian triển khai kế hoạch cần thực hiện sớm hơn, kịp thời hơn nữa để cấp dưới có thể triển khai kế hoạch một cách hoàn toàn chủ động. Như vậy, hiệu quả công việc sẽ cao hơn.

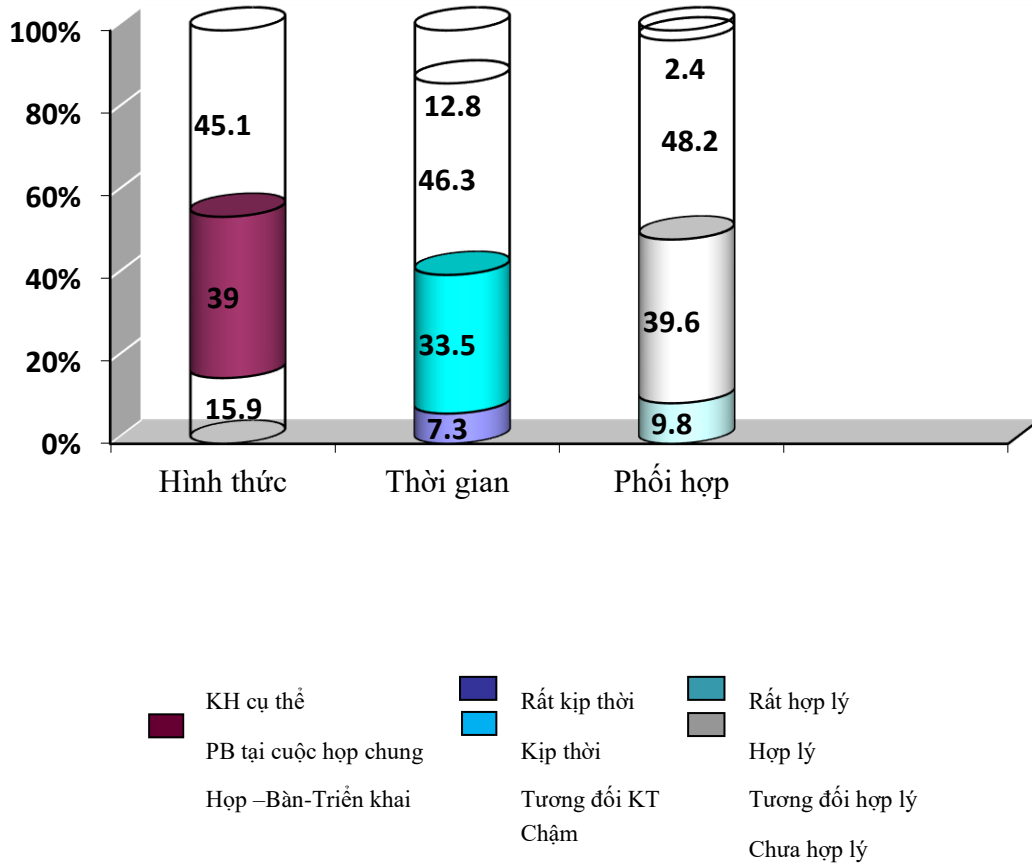
d. Về chỉ đạo phối hợp giữa các lực lượng giáo dục

Chúng tôi đã đặt câu hỏi đối với đối tượng là CBQL, CBGD: *Ông bà vui lòng cho biết ý kiến riêng của mình về sự phối hợp giữa các lực lượng quản lý trong nhà trường trong công tác GDCTTT cho SV HS?* Kết quả thu được như sau:

Bảng 2.10. Về sự phối hợp giữa các lực lượng quản lý trong nhà trường thực hiện công tác GDCTTT

TT	Mức độ phối hợp	SL	%	Bậc
1	Phối hợp tương đối hợp lý	55	48,2	1

2	Phối hợp hợp lý	45	39,6	2
3	Phối hợp rất hợp lý, huy động hết các lực lượng tham gia, có sự chỉ đạo, phân công cụ thể	11	9,8	3
4	Phối hợp chưa hợp lý	3	2,4	4



Biểu đồ 2.4. Công tác tổ chức triển khai và phối hợp thực hiện kế hoạch công tác GDCTTT

Trong tất cả sự lựa chọn, *Phối hợp tương đối hợp lý* được chọn lựa nhiều nhất (48,2%); *Phối hợp hợp lý* được lựa chọn cao thứ 2 (39,6%). Bên cạnh đó, vẫn có 2,4% CBQL cho rằng sự chưa có sự phối hợp hợp lý giữa các lực lượng quản lý trong nhà trường. Như đã phân tích ở phần thực trạng công tác GDCTTT cho SV, chúng tôi cho rằng, ĐHTV là trường ĐH mới được thành lập, đội ngũ cán bộ quản lý phân lớn tuổi đời còn trẻ, kinh nghiệm làm công tác quản lý chưa nhiều, do đó đôi lúc, đôi nơi, sự phối hợp chưa hợp lý cũng là điều dễ hiểu. Song, để có thể tiến hành công tác GDCTTT cho SVHS một cách thuận lợi, môi trường giáo dục lành mạnh, có sự phối hợp chặt chẽ hoạt động của các bộ phận trong và ngoài trường sẽ làm tăng hiệu quả trong công tác GDCTTT cho SVHS, tạo cơ hội cho SVHS thể hiện mình, nghiêm chỉnh chấp hành những nội quy, quy định của nhà trường, của xã hội, đấu tranh với những hiện tượng sai trái, đó chính là bức rào chắn vững chắc không cho những tệ nạn xã hội nảy sinh và len lỏi vào nhà trường. Và như vậy, hiệu quả của công tác GDCTTT đạt được sẽ vững chắc hơn, bền vững hơn.

e. Về kiểm tra, đánh giá quá trình GDCTTT cho SV HS và công tác thi đua khen thưởng trong quá trình GDCTTT cho SV HS.

Về kiểm tra, đánh giá quản lý quá trình GDCTTT cho SVHS. Qua trao đổi với một số CBQL chúng tôi nhận thấy, Trường ĐHTV chưa thật sự quan tâm đến công tác này. Và một điều bất cập nữa là, để đánh giá việc quản lý quá trình GDCTTT cho SV HS đạt kết quả (được thể hiện bằng những con số cụ thể) như thế nào, hiệu quả ra sao đều chưa có một tiêu chí rõ ràng. Công tác kiểm tra, đánh giá chưa tạo thành nề nếp theo định kỳ. Việc đánh giá quá trình GDCTTT cho SV HS Trường ĐHTV chỉ dừng ở mức độ báo cáo tổng kết nhân cuộc vận động nào đó hoặc hiện diện trong bản báo cáo của nhà trường, đoàn thể, bộ phận có liên quan ... chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn hoặc dài hạn đối với quản lý quá trình GDCTTT cho SV HS cũng như không có tiêu chí để đánh giá, chưa thường xuyên kiểm tra.

Về công tác thi đua khen thưởng trong quá trình GDCTTT cho SVHS. Tìm hiểu về vấn đề này chúng tôi được biết, cho đến nay chưa có chủ trương khen thưởng do đó cũng chưa có tiêu chí để khen thưởng riêng cho những người hoàn thành xuất sắc công tác GDCTTT cho SV HS ở Trường ĐHTV. Có chăng cũng chỉ là “ghép” vào “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” trong những dịp lễ, kỷ niệm, trong dịp tổng kết năm học nói chung mà thôi. Chính vì vậy, theo ý kiến của CBQL, công tác thi đua, khen thưởng vẫn chưa được xây dựng thành chế

độ cụ thể, rõ ràng chưa đủ mạnh để động viên, khuyến khích những người làm tốt công tác này.

f. Đánh giá chung về thực trạng công tác GDCTTT cho HSSV ĐHTV

Như trên đã phân tích, về mặt nhận thức, tuy không nhiều những vẫn còn một số bộ phận trong lực lượng tham gia công tác GDCTTT cho SV HS, vì lý do này hay lý do khác, chưa xác định một cách đầy đủ vai trò, tầm quan trọng của công tác này trong trường đại học, hoặc đã nhận thức nhưng chưa thể hiện bằng những công việc cụ thể hay nói đúng hơn là một bộ phận CBQL, CBGD còn chưa thực sự nhập cuộc đóng góp vào việc thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện con người trong bối cảnh mới của đất nước.

g. Về xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch công tác GDCTTT cho SV HS

Nhìn chung, đa số CBQL có nhận thức đúng nhưng chỉ vậy là chưa đủ, cần phải có những việc làm cụ thể hơn vì thực tế là việc xây dựng kế hoạch GDCTTT cho SVHS ở Trường ĐHTV hiện nay đang được lồng chung vào kế hoạch của học kỳ và của năm học. Có chăng cũng là chung chung, thiếu cụ thể, đan xen vào kế hoạch chung của nhà trường. Việc triển khai thực hiện kế hoạch cũng chưa được quan tâm lắm, nhiều khi còn giao phó cho Đoàn TN, Hội SV HS, ...

h. Về phối hợp hoạt động giữa các lực lượng tham gia công tác GDCTTT cho SV HS Trường ĐHTV

Sự phối hợp giữa các lực lượng quản lý trong và ngoài nhà trường chưa được hợp lý lắm, nếu có sự phối hợp thì đôi khi cũng chỉ là chấp hành mệnh lệnh, thiếu ý thức tự thân để biến thành những việc làm cụ thể. Chính vì vậy, chưa phát huy được hết tinh thần trách nhiệm cũng như chưa tạo được một khối thống nhất đồng tâm, hợp lực trong công tác GDCTTT cho SV.

i. Về nội dung, hình thức, phương pháp GDCTTT cho SV HS

Đôi lúc còn xơ cứng, mang tính lý thuyết, nặng nề, thiếu tính sáng tạo, thiếu sự phong phú về nội dung, một số hoạt động tổ chức vào thời điểm không hợp lý (gần thời gian thi, hoặc Tết Nguyên đán...), thêm vào đó, công tác tuyên truyền cũng còn hạn chế cho nên, chưa thực sự thu hút được đông đảo đối tượng cần giáo dục cũng là điều dễ hiểu. Về phương pháp GDCTTT cho SV HS, đặc

biệt là sự đổi mới về phương pháp giảng dạy các bộ môn khoa học Mác – Lênin và những môn KHXH&NV còn chậm, chưa kịp đổi mới để có thể đáp ứng với yêu cầu của thực tế. Việc đầu tư kinh phí cho các hoạt động cũng như từng bước xây dựng thêm các thiết chế văn hóa là điều kiện cần thiết tạo dựng môi trường giáo dục lành mạnh để các hoạt động đi vào chiều sâu hơn, thực tế hơn.

Về kiểm tra, đánh giá quá trình GDCTTT cho SVHS chưa được tiến hành thường xuyên, chưa có tiêu chí đánh giá cụ thể, chỉ thông qua báo cáo khi cấp trên có yêu cầu.

Về công tác thi đua khen thưởng, chưa có chủ trương cũng như chưa có những quy định cụ thể về khen thưởng riêng cho những người hoàn thành xuất sắc quá trình GDCTTT cho SVHS.

Từ những mặt hạn chế trên đây của quá trình GDCTTT cho SVHS, chúng tôi đã đặt câu hỏi để phân nào lý giải được **nguyên nhân thực trạng** của công tác này thông qua câu hỏi: *Ông (bà) cho biết ý kiến riêng của mình về thực trạng và nguyên nhân của thực trạng quản lý quá trình GDCTTT cho SV Trường ĐHTV hiện nay?*

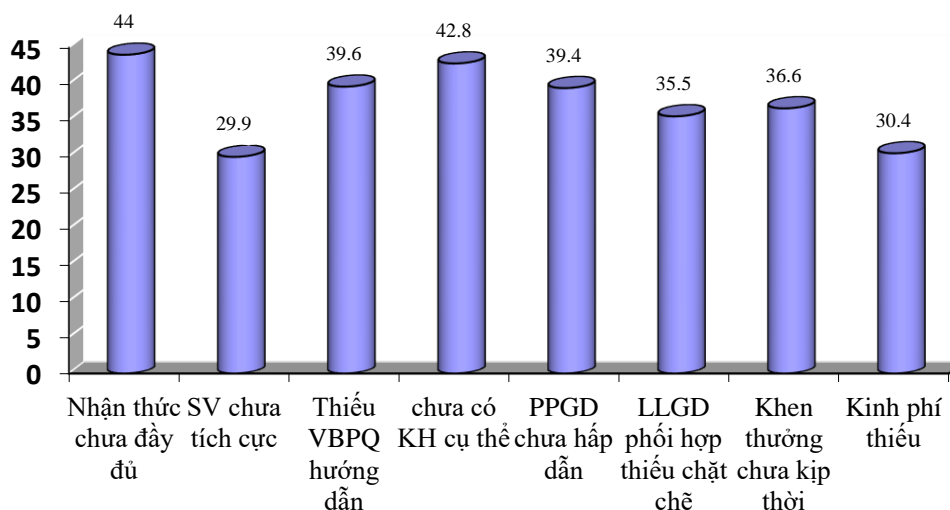
Bảng 2.11. Nguyên nhân của thực trạng quản lý công tác GDCTTT cho SV HS

TT	Nguyên nhân	Kết quả (%)
1	Nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc về vai trò của quản lý quá trình GDCTTT cho SV HS	44
2	Tính tích cực của sinh viên trong việc tự rèn luyện, tự giáo dục chưa được phát huy	29.9
3	Thiếu văn bản pháp quy; hướng dẫn cụ thể từ trên xuống	39.6
4	Một bộ phận CBQL chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa được đào tạo; chưa có kế hoạch cụ thể, rõ ràng, khoa học (tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá...)	42.8
5	Phương pháp giảng dạy các môn có liên quan đến quá trình GDCTTT cho SV còn chậm đổi mới, nặng về lý	39.4

	thuyết; nội dung, hình thức, phương pháp GDCTTT cho SV HS chưa thực sự thu hút, hấp dẫn sinh viên	
6	Thiếu sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các lực lượng tham gia GDCTTT	35.5
7	Chế độ khen thưởng chưa kịp thời, hợp lý, chưa thực sự thúc đẩy đội ngũ nỗ lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ	36.6
8	Kinh phí hoạt động còn hạn hẹp; còn thiếu các thiết chế văn hóa để tổ chức các hoạt động	30.4

Khi chúng tôi hỏi về hiệu quả của quản lý quá trình GDCTTT cho SVHS ở Trường ĐHTV hiện nay thì có 12,3% CBQL cho rằng rất hiệu quả; 43,6% cho rằng có hiệu quả, và có tới 44,1% cho rằng chưa thực sự hiệu quả. Những nguyên nhân của thực trạng quản lý quá trình GDCTTT cho SVHS Trường ĐHTV có thể tóm tắt:

Nguyên nhân đầu tiên phải kết đến đó là do nhận thức của một bộ phận trong đội ngũ tham gia quản lý quá trình GDCTTT cho SV HS chưa thực sự coi trọng công tác này (44%). Thêm vào đó, một bộ phận CBQL chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa được đào tạo bài bản (42.8%). Các nguyên nhân tiếp theo thuộc về: thiếu văn bản pháp quy; hướng dẫn cụ thể từ trên xuống; Thiếu sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các lực lượng tham gia GDCTTT; Phương pháp giảng dạy các môn có liên quan đến công tác GDCTTT cho SV còn chậm đổi mới, nặng về lý thuyết; nội dung, hình thức, phương pháp GDCTTT cho SV chưa thực sự thu hút, hấp dẫn sinh viên; thiếu sự đầu tư về kinh phí, CSVC; Công tác khen thưởng cho các lực lượng tham gia quản lý quá trình GDCTTT cho SV chưa kịp thời, hợp lý, chưa thực sự thúc đẩy đội ngũ nỗ lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ.



Biểu đồ 2.5. Nguyên nhân của thực trạng công tác GDCTTT

Từ sự phân tích thực trạng, tìm ra nguyên nhân của thực trạng công tác GDCTTT và quản lý quá trình GDCTTT cho SVHS ĐHTV trong chương 2 chúng tôi nhận thấy: Do nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của công tác GDCTTT và quản lý quá trình GDCTTT cho SV HS ở ĐHTV đối với việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị chung của nhà trường, Đảng ủy, Ban Giám hiệu quan tâm chỉ đạo các đoàn thể, các phòng ban chức năng hoàn thành tốt các hoạt động phục vụ công tác GDCTTT cho SV HS đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận tạo sự ổn định trong nhà trường là điều kiện cơ bản để thực hiện tốt giáo dục toàn diện trong nhà trường. Tuy nhiên, để đáp ứng được yêu cầu của đất nước trong tình hình mới, bên cạnh kết quả đạt được, lãnh đạo ĐHTV cần phải có kế hoạch chỉ đạo khắc phục những hạn chế trong công tác này.

♦ Cần phải xác định rằng GDCTTT cho SVHS trước tiên là phải giáo dục, bồi đắp cho họ lòng yêu quê hương đất nước, niềm tự hào dân tộc. Đã qua rồi cái thời của hình thức giáo dục chung chung, thời của giảng dạy theo kiểu lý thuyết qua loa, giáo dục bây giờ phải chỉ rõ ra là yêu quê hương, đất nước phải bắt đầu từ yêu thương, quan tâm đến những người ruột thịt, những người xung quanh mình (bạn bè, thầy cô, người thân...). Giáo dục tinh thần chấp hành Pháp luật tức là chỉ cho họ biết bắt đầu từ việc chấp hành nội quy, quy định của nhà trường, của xã hội...

◆ Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức nhằm trang bị cho SVHS những phẩm chất: có nhận thức, lập trường chính trị, có kiến thức cơ bản và bản lĩnh chính trị vững vàng, sống có lý tưởng... cần chú ý hơn nữa về việc giáo dục những phẩm chất rất quan trọng đối với SV trong giai đoạn hiện nay như: linh hoạt, có khả năng thích ứng với những điều kiện làm việc có sức cạnh tranh cao trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; biết làm giàu đúng pháp luật; phát huy ý thức tự học, tự nghiên cứu, tự giáo dục và rèn luyện.. để trở thành con người phát triển nhân cách theo hướng toàn diện. Bởi vì thế giới không chỉ đang bước vào một thời kỳ toàn cầu mà còn là thời kỳ của những điều *dễ thay đổi*. Sự dễ thay đổi này không có tiền lệ và nó đe dọa những người đã quen được giáo dục một cách thụ động, chỉ biết phục tùng, thiếu chủ động, năng động, sáng tạo. Do vậy, hơn lúc nào hết, cần thiết phải thay đổi, bổ sung nội dung, đa dạng hóa hình thức, cải tiến phương pháp

GDCTTT cho SVHS cũng là vấn đề ĐHTV cần lưu ý để tránh tình trạng xơ cứng, lặp lại hình thức, nội dung cũ gây nhàm chán trong thanh niên SV HS, làm sao để thu hút được đông đảo đối tượng cần giáo dục đến với phong trào. Việc phối hợp giữa các lực lượng GDCTTT và quản lý quá trình GDCTTT cho SVHS ĐHTV cũng cần phải được xây dựng thành kế hoạch một cách khoa học, hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả. Công tác kiểm tra đánh giá quản lý quá trình GDCTTT cho SVHS chưa đi vào nề nếp, chưa thực sự được quan tâm, chưa có tiêu chí đánh giá cụ thể, chưa được thực hiện thường xuyên từ đó dẫn đến không thể đánh giá một cách chính xác hiệu quả của công tác này. Thêm vào đó, công việc quản lý các mặt hoạt động khác chiếm quá nhiều thời gian nên việc đầu tư thời gian, công sức và kinh phí cho công tác GDCTTT và quản lý công tác GDCTTT cho SVHS của CBQL còn hạn chế... Nếu ra tất cả những điều đó để chúng ta nhìn thẳng vào sự thật, nghiêm túc khẳng định rằng, muốn đạt được mục tiêu giáo dục, muôn hoàn thành nhiệm vụ chính trị của mình, ĐHTV cần phải tăng cường hơn nữa công tác GDCTTT cho SVHS của mình thông qua các biện pháp quản lý dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo đảm tính Đảng, tính giai cấp, mang tính thiết thực, khoa học, sát với nhu cầu thực tế và bảo đảm phát huy vai trò chủ động, tích cực của các lực lượng tham gia công tác GDCTTT cho SVHS ở ĐHTV.

CHƯƠNG 3

BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC GDCTTT CHO SINH VIÊN HỌC SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH GIAI ĐOẠN TỪ NAY ĐẾN NĂM 2020

3.1. Một số nguyên tắc xác lập các biện pháp

3.1.1. *Bảo đảm việc thực hiện đầy đủ quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào mục tiêu, nội dung, phương pháp GDCTTT*

Công tác GDCTTT cho SVHS cũng như các công tác khác trong xã hội hay trong nhà trường, luôn gắn bó chặt chẽ và phục vụ cho một đường lối chính trị, thể chế chính trị nhất định. Xuất phát từ sự đánh giá đúng đắn và khách quan vai trò và vị trí của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng. Đồng thời, nó giúp cho việc nâng cao sự hiểu biết và trình độ chính trị của họ, để họ làm tốt công tác mà Đảng, Đoàn giao phó. Trong Di chúc của mình, Bác Hồ đã căn dặn toàn Đảng, toàn dân ta cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng XHCN vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và rất cần thiết.

3.1.2. *Bảo đảm tính Đảng trong tổ chức thực hiện công tác GDCTTT*

Tính Đảng trong công tác GDCTTT là biểu hiện tập trung của tính giai cấp công nhân nhưng ở mức độ triệt để nhất, sâu sắc nhất, tự giác nhất. Nó đòi hỏi chúng ta phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để giảng dạy, tuyên truyền, giải thích quần chúng hiểu biết đúng đắn về đường lối, quan điểm của Đảng một cách rõ ràng chính xác. Trong trường đại học, để làm tốt công tác GDCTTT cho SVHS, Đảng ủy – BGD cần chú trọng tạo điều kiện nâng cao trình độ cả về chính trị lẫn chuyên môn đối với cán bộ làm công tác GDCTTT.

3.1.3. *Bảo đảm tính hiện thực, phù hợp với thực tiễn*

Các biện pháp tăng cường công tác GDCTTT cho SVHS Trường ĐHTV phải bảo đảm thực hiện được, không quá sức, phải thật cụ thể, rõ ràng, sát thực tế, phù hợp với đặc điểm tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và điều kiện thực tế của Nhà trường.

3.1.4. Bảo đảm tính thống nhất, toàn diện, hệ thống của quá trình giáo dục CTTT

GDCTTT cho SVHS trong trường đại học là quá trình trọng tâm góp phần quan trọng vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị và mục tiêu đào tạo của nhà trường. Quá trình công tác CTTT là một hệ thống gồm nhiều khâu, nhiều chức năng và có mối quan hệ với nhiều hoạt động khác trong nhà trường. Một vấn đề đặt ra khi đề xuất các biện pháp công tác GDCTTT cho SVHS là mỗi biện pháp phải có tính thống nhất với các biện pháp khác trong toàn bộ hệ thống.

3.1.5. Bảo đảm phát huy vai trò chủ động, tích cực của các lực lượng tham gia quá trình công tác GDCTTT cho SVHS

Để đảm bảo được nguyên tắc trên, biện pháp thực hiện quá trình GDCTTT cho SVHS đưa ra phải thật cụ thể, có chỉ đạo rõ ràng cho từng bộ phận chức năng hoặc cá nhân trực tiếp tham gia công tác này. Một khi đã có sự chỉ đạo sâu sắc, rõ ràng, khoa học thì người làm công tác GDCTTT sẽ chủ động tìm ra những nội dung, hình thức, phương pháp phù hợp nhằm đưa những nội dung thông tin cần giáo dục đến với SVHS một cách hiệu quả nhất. Các nguyên tắc xác lập biện pháp tăng cường công tác GDCTTT vừa nêu trên có mối liên hệ qua lại, khăng khít với nhau.

3.2. Các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác GDCTTT sinh viên học sinh Trường Đại học Trà Vinh

3.2.1. Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ CBQL, CBGD, CBVC về tầm quan trọng của công tác GDCTTT cho SVHS trong bối cảnh mới

a. Ý nghĩa của biện pháp

Nhận thức là một khâu quan trọng có ý nghĩa quyết định sự thành bại của bất kỳ một hoạt động nào. Do vậy, trước khi tiến hành bất cứ một hoạt động nào chúng ta cũng phải chú ý đến việc nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho lực lượng tham gia hoạt động đó. Trong đội ngũ, nếu mọi người đều nhận thức được tầm quan trọng của công việc, có ý thức trách nhiệm với công việc được giao thì các bước tiến hành của hoạt động đó sẽ trôi chảy và tất nhiên là sẽ đạt hiệu quả cao trong công việc.

Như đã phân tích ở chương 2, qua kết quả khảo sát, nhìn chung, đội ngũ CBQL các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể đã có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của công tác GDCTTT cho SVHS Trường DHTV song, chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc. Vẫn còn một bộ phận CBGD có suy nghĩ: họ chỉ là người vào lớp giảng dạy chuyên môn đơn thuần, hết giờ ra khỏi lớp là xong nhiệm vụ. Có một số CBGD và một số ít CBQL tỏ ra thờ ơ, không quan tâm đến công tác GDCTTT cho SVHS, đôi lúc còn có những biểu hiện chưa nhất quán trong việc thực hiện chủ trương chung của nhà trường trong công tác này. Do vậy, để tăng cường công tác GDCTTT cho SVHS trước hết phải là tăng cường hơn nữa việc nâng cao nhận thức cho toàn thể đội ngũ.

b. Nội dung của biện pháp

Như trên đã phân tích, rõ ràng, muốn tăng cường công tác GDCTTT và cho SVHS trước hết phải tăng cường nâng cao nhận thức cho đội ngũ, tùy theo cương vị của mình, nhận thức đúng vị trí, tầm quan trọng, từ đó có được sự nhất quán trong nhận thức về mục tiêu, nội dung, phương pháp tiến hành công tác GDCTTT cho SVHS. Phải coi việc quản lý quá trình GDCTTT cho SVHS là một trong những nhân tố góp phần quyết định sự thành công việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

Đối với cán bộ quản lý: Trước hết phải nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, những quy định của Bộ GD & ĐT cũng như của các ban ngành về công tác GDCTTT cho SVHS. Đây là khâu đầu tiên rất quan trọng đối với người CBQL. Bởi vì, nếu không nắm vững được chủ trương, chính sách, những quy định từ những văn bản có tính pháp quy về công tác này thì người CBQL không thể có những suy nghĩ đúng đắn để đưa ra kế hoạch cụ thể, phù hợp với thực tế cũng như chỉ đạo cấp dưới triển khai công việc, và tất nhiên, khi không có kế hoạch cụ thể thì không thể kiểm tra, đánh giá được xem cấp dưới làm thế nào và cũng không thể xác định rõ trách nhiệm của mỗi thành viên trong hoạt động này...

Đối với cán bộ giảng dạy: Đây là một thành viên trong lực lượng tham gia trực tiếp vào quá trình GDCTTT cho SVHS, do vậy, ảnh hưởng của họ sẽ là rất lớn đối với SVHS. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: Chính trị là linh hồn, chuyên môn là thể xác; phải có chính trị trước, rồi mới có chuyên môn. Chính vì vậy, phải làm cho đội ngũ cán bộ giảng viên thấy được tầm quan trọng của công tác GDCTTT cho SVHS trong nhà trường. Từ đó xác định được trách

nhiệm của mình trong việc tham gia quá trình GDCTTT cho SVHS góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt mục tiêu đào tạo.

Đối với cán bộ Đoàn thanh niên, Hội SV: Yêu cầu đối với họ là phải nắm bắt được các chủ trương, đường lối, các nội dung, quy định, định hướng chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, BGH để có thể thiết kế ra được chương trình hành động mang tính khoa học và thiết thực nhất đối với SVHS nhằm nâng cao hiệu quả của công tác GDCTTT cho SVHS.

Đối với nhân vật trung tâm của nhà trường – sinh viên học sinh: Bên cạnh sự dẫn dắt, định hướng của thầy cô, của các đoàn thể trong nhà trường, cần phải có sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của bản thân SVHS trong học tập, trong việc tu dưỡng đạo đức, rèn luyện phẩm chất chính trị, tự giác tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, phấn đấu trở thành con người phát triển toàn diện ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Chỉ có học tập, thông qua học tập toàn diện, SVHS mới trở thành người có đức, có tài. Điều này thực sự có ý nghĩa khi đất nước ta đang bước vào thời kỳ mới – thời kỳ hội nhập sâu rộng như hiện nay.

c. Một số lưu ý khi thực hiện

Nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ CBQL, CBGD, CBVC và SVHS về tầm quan trọng của công tác GDCTTT cho SVHS trong bối cảnh mới, Trường ĐHTV đã thực hiện nhiệm vụ công tác CTTT nâng cao nhận thức cho mọi người thông qua công tác tuyên truyền của các đợt thi đua nhân các ngày lễ lớn trong năm; thông qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SVHS; thông qua những buổi học tập chuyên đề; báo cáo tình hình thời sự, chính trị trong và ngoài nước; thông qua các đợt học Nghị quyết của Đảng; sinh hoạt chung toàn thể hội đồng sư phạm, họp chi bộ, đoàn thể, sinh hoạt lớp, thông qua các phong trào tình nguyện, phong trào *đền ơn, đáp nghĩa, hiến máu nhân đạo* nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và sự tự ý thức của thanh niên SVHS trong thời kỳ đổi mới đối với nhà trường và xã hội;... và đặc biệt là thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thi đấu thể dục thể thao... Song, chỉ những công việc đó thôi, theo chúng tôi là chưa đủ, cần phải tăng cường hơn nữa (về số lần) những hoạt động mang tính hiệu quả cao như: thông qua những buổi tiếp xúc giữa lãnh đạo nhà trường với toàn thể SVHS, hoặc thông qua Webservice của nhà trường để nắm bắt tình hình tư tưởng của SVHS

nhằm có định hướng giải quyết kịp thời những vướng mắc trong tư tưởng của các em; thực hiện thông tin nhiều chiều có chọn lọc trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là trên các phương tiện thông tin của Đoàn để phổ biến các chủ trương của Trường, của Đoàn thanh niên. Ví dụ: tổ chức cho SVHS xem truyền hình trực tiếp các buổi đối thoại giữa thanh niên với các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước hoặc phát lại cho SVHS nghe những buổi nói chuyện về tấm gương người tốt, việc tốt, về những vấn đề mà SVHS đang quan tâm. Bên cạnh đó có thể định hướng cho SVHS tiếp thu các luồng thông tin thông qua việc tạo điều kiện về sách báo, Internet... Đây là những phương tiện tốt nhất phục vụ công tác GDCTTT cho SVHS.

Đối với các lực lượng cần phải phối hợp ngoài nhà trường, trong thời gian qua, Trường ĐHTV thực hiện tương đối tốt các mối quan hệ giữa nhà trường và một số cơ quan ban ngành và đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, theo chúng tôi, để tăng cường hơn nữa việc phối hợp các lực lượng bên ngoài Nhà trường cần phải mở rộng mối quan hệ với các trường bạn hoặc thông qua những lần tiếp xúc, giao lưu, giao ban, hội họp... giữa nhà trường với các Ban, ngành, một số công ty, doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, trong nước cũng như ngoài nước, tăng cường trao đổi, phối hợp tổ chức, tài trợ cho một số hoạt động lớn trong năm, kêu gọi tinh thần tự giác đóng góp công sức, lời cuốn họ cùng góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Trường ĐHTV.

Mục tiêu trên chỉ có thể thực hiện được khi có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cấp ủy Đảng thông qua các Nghị quyết của từng quý trong năm cũng như sự quan tâm ủng hộ cả về nhân lực, vật lực của Nhà trường đảm bảo sự đồng thuận, nhất quán trong nhận thức. Và trên hết, muốn giáo dục SVHS trở thành những người toàn diện, bản thân mỗi thầy cô giáo, CBVC trong nhà trường phải là Người thầy giáo tốt – thầy giáo xứng đáng là thầy giáo... Chính vì thầy cô giáo đóng vai trò nòng cốt và là người trực tiếp trong việc giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ nên bản thân mỗi thầy cô giáo phải trau dồi đạo đức cách mạng, không ngừng rèn luyện chuyên môn, luôn là tấm gương sáng về cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong cuộc sống, trong sự nghiệp “trồng người” của mình cho SVHS noi theo, phải gương mẫu từ lời nói đến việc làm, cách ứng xử trong đời thường, phải học hỏi để phấn đấu vươn lên không ngừng. Một hành vi xấu của người thầy có thể làm tổn thương, làm mất đi niềm tin của cả một lớp người. Ngược lại, một tấm gương sáng của người thầy sẽ có cả một thế hệ noi theo.

Bởi vì, theo Bác, *một tâm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền.*

3.2.2. Xây dựng môi trường có tính đồng thuận cao để các lực lượng giáo dục trong trường hoàn thành tốt nhiệm vụ GDCTTT cho SV HS

a. Ý nghĩa của biện pháp

Chúng ta biết rằng, có thể có những hoạt động được chuẩn bị đầy đủ về nhân lực, vật lực nhưng bất cứ hoạt động nào trong nhà trường mà không tìm được sự đồng thuận, không tìm được tiếng nói chung giữa các lực lượng tham gia thì không bao giờ đạt được mục đích mong muốn. Nếu các lực lượng GD có tâm huyết, có nhận thức đúng, ý thức trách nhiệm cao mà không được tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao trình độ lý luận và phương tiện làm việc thì công tác GDCTTT cho SV HS không thể hoàn thành tốt được. Vì vậy, cần quan tâm tạo điều kiện cụ thể cho GV, CBVC tham gia tổ chức, hỗ trợ hoạt động của SV HS.

b. Nội dung của biện pháp

Lãnh đạo nhà trường cần quyết tâm trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng giáo dục trong nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ GDCTTT cho SVHS. Tránh thái độ “ban ơn”. Phải coi đó là nhiệm vụ, trách nhiệm của mình bởi vì họ là nhân vật chính triển khai thực hiện kế hoạch công tác mà Hiệu trưởng đã đề ra. Thành công hay thất bại, tạo nên hiệu quả công việc thấp hay cao, bên cạnh nhận thức về ý thức trách nhiệm của bản thân đối với công việc, sự nỗ lực, tự giác chủ động trong công việc còn phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện, phương tiện làm việc của đội ngũ. Vì vậy, hơn ai hết, lãnh đạo nhà trường cần phải nhận thức rõ điều đó.

Ở Trường ĐHTV trong những năm qua, Ban Giám hiệu đã rất quan tâm đến việc tạo điều kiện cho đội ngũ tham gia và hoàn thành tốt nhiệm vụ GDCTTT cho SV bằng những việc làm cụ thể như: cấp kinh phí cho việc bổ sung sách, báo, tài liệu tham khảo, máy móc, trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy các môn khoa học Mác – Lênin và các môn có liên quan; tạo điều kiện cho đội ngũ CBGV cũng như SVHS được đi tham quan thực tế, học hỏi kinh nghiệm cả ở trong nước và ngoài nước; cấp kinh phí cho các hoạt động ngoại khóa

phục vụ cho công tác GDCTTT cho SVHS ... Qua tìm hiểu thực tế, phần lớn cán bộ Đoàn cơ sở đều cho rằng, công tác Đoàn cần phải được sự động viên cũng như tạo điều kiện hơn nữa từ phía lãnh đạo các khoa cũng như các CBGV, GVCN. Thực tế cho thấy, ở Việt Nam, người thầy luôn được tôn trọng, tiếng nói của họ luôn có ý nghĩa thuyết phục, động viên rất cao đối với học sinh – sinh viên, do vậy, bất kỳ một hoạt động nào mà được các CBGV và GVCN lớp quan tâm, tuyên truyền, giải thích thêm về ý nghĩa của hoạt động và động viên SV lớp mình giảng dạy hoặc chủ nhiệm thì số lượng SVHS tham gia đông hơn hẳn, hiệu quả của các hoạt động đó tăng lên rất nhiều. Chúng tôi cho rằng, đây chính là nguyện vọng, là ước muốn chính đáng của những cán bộ Đoàn tâm huyết với phong trào. Nguyện vọng đó cần được đáp ứng để tạo môi trường thuận lợi, có thể đáp ứng được yêu cầu GDCTTT cho SVHS trong tình hình mới.

c. Lưu ý khi vận dụng

Đối với đội ngũ GVCN lớp, Như đã phân tích ở trên, GVCN là linh hồn của một lớp học, là người cố vấn, người thay mặt lãnh đạo nhà trường quản lý lớp học. Lớp học tốt, ổn định về tư tưởng, có đội ngũ ban cán sự lớp năng động, nắm vững nhiệm vụ, phương pháp làm việc, có tư cách đạo đức tốt, có năng lực quản lý tốt, có bầu không khí tâm lý thuận lợi, tích cực sẽ rất thuận lợi cho công tác GDCTTT cho SVHS của GVCN. Sau khi nhận lớp, GVCN – người trực tiếp triển khai thực hiện chương trình giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của SV – cần phải lên kế hoạch cho từng tuần, từng tháng, từng học kỳ và cả năm học dựa trên kế hoạch của nhà trường về công tác GDCTTT cho SV HS. GVCN cần phải có kế hoạch chi tiết, cụ thể, có phương án thay thế cho từng hoạt động khi có sự cố.

Đối với giảng viên giảng dạy các bộ môn (GVBM) cũng như GVCN, GVBM là người trực tiếp triển khai việc thực hiện chương trình giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của SV HS. Căn cứ trên kế hoạch công tác GDCTTT cho SV HS của Hiệu trưởng người thầy lập ra kế hoạch lồng ghép GDCTTT của mình theo từng bài, từng chương, từng chủ đề trong từng học kỳ và trong suốt năm học. Thực tế ở ĐHTV, thông qua việc giảng dạy các môn Kinh tế và Pháp luật, các môn KHXH&NV, các môn khoa học Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh...đội ngũ GVBM đã thực hiện việc tuyên truyền giáo dục một cách tương đối hiệu quả quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các Nghị quyết, đường lối, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước. Đây là những môn học rất quan trọng vì có liên quan trực tiếp

đến đường lối, quan điểm, hệ tư tưởng của Đảng. Đó cũng chính là cơ sở, là nội dung của công tác GDCTTT cho SV HS, do vậy, đòi hỏi đội ngũ GVBM phải quán triệt sâu sắc tinh thần này để từ đó có những suy nghĩ, tìm tòi sáng tạo trong việc đổi mới nội dung, hình thức và cải tiến phương pháp nhằm chuyển tải tất cả những nội dung đó đến với SV HS một cách tự nhiên, thiết thực và bổ ích nhất. Trong thời gian qua, đã có những GVBM áp dụng phương pháp mới trong giảng dạy các bộ môn khoa học Mác – Lênin và các môn học khác và đã làm tăng sự hấp dẫn và tính thuyết phục, thu hút được sự chú ý của SV trong khi học bộ môn. Việc làm này rất cần được khuyến khích và phát huy. Bên cạnh những điều đã làm được, trong thực tế hiện nay, vẫn còn một số GVBM còn e ngại khi sử dụng phương pháp mới vì nhiều lý do (có thể do trình độ ngoại ngữ và khả năng sử dụng công nghệ thông tin của GVBM còn hạn chế, chưa đủ để sử dụng cập nhật thông tin hoặc muốn sử dụng mà không có phương tiện triển khai...). Một số GVBM chưa vận dụng đưa vào bài giảng một cách khéo léo chủ trương, đường lối của Đảng và Pháp luật của Nhà nước. Một bộ phận GVBM do kiến thức thực tế còn hạn chế, chưa chịu khó đầu tư cho việc nghiên cứu nâng cao trình độ, cập nhật thông tin nên chưa có khả năng vận dụng lý thuyết để giải thích các hiện tượng thực tế, môn học trở nên xơ cứng, lý thuyết suông, thiếu sức hấp dẫn đối với SV, từ đó đã gây ra tình trạng SV học để đối phó, không coi trọng bộ môn, không có ý thức tự giác khi học những bộ môn này. Tình trạng thiếu CBGD, thiếu sách giáo khoa, tài liệu tham khảo cho SV HS, thiếu phòng ốc, bàn ghế phù hợp để có thể học theo nhóm, cũng là vấn đề cần được sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường. Theo chúng tôi, khắc phục những vấn đề trên đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ.

Đối với các đoàn thể như Đoàn TN, Hội SV, Công đoàn nhà trường, bên cạnh việc cung cấp kinh phí hỗ trợ ngay từ đầu năm học, lãnh đạo nhà trường cần tạo thế chủ động cho Công đoàn, Đoàn TN, và Hội SV trong các hoạt động GDCTTT cho SV. Bên cạnh đó, để có một đội ngũ cán bộ Đoàn, Hội vững vàng về mặt lý luận chính trị, hoàn toàn yên tâm công tác, toàn tâm, toàn ý cho công việc, thực sự trở thành những “thủ lĩnh” của thanh niên trong mọi lĩnh vực, chúng ta cũng cần phải có một chính sách cụ thể và sự quan tâm thỏa đáng đối với họ, có thể thường xuyên mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, năng lực chuyên môn đối với đội ngũ cán bộ Hội, Đoàn TN.

Đối với SV và tập thể SV, cần mở những lớp đào tạo cho đội ngũ cán bộ lớp nhằm bồi dưỡng thêm kiến thức, nâng cao năng lực quản lý lớp, thực sự là những hạt nhân đi đầu trong các công tác GDCTTT cho SV HS; tạo điều kiện về phòng ốc, phương tiện học tập; chỗ ăn, ở ngày càng được cải thiện, các thiết chế văn hóa; sân vận động, câu lạc bộ, nhà văn hóa, thư viện, vườn hoa, cây cảnh... đầy đủ để các em có thể yên tâm học tập, tư tưởng ổn định, phấn khởi rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống. Từ đó, nhất định sinh viên sẽ tự hào về nhà trường, gắn bó hơn với nơi mình học tập. Ngoài ra Đảng ủy các cấp cũng nên thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng CSVN cho SV HS ưu tú để các em có cơ hội tìm hiểu về Đảng, có hướng phấn đấu rõ ràng để được đứng vào hàng ngũ của Đảng... tất cả những điều đó đều là những yếu tố rất quan trọng luôn tác động vào tư tưởng của SV, góp phần bảo đảm sự thành công của công tác GDCTTT cho SV HS Trường ĐHTV.

Để thực hiện được biện pháp trên đây, lãnh đạo nhà trường cần phải có kế hoạch công việc cụ thể, triển khai kế hoạch một cách khoa học, hợp lý cũng như chỉ đạo toàn bộ bộ máy phối hợp với nhau một cách nhịp nhàng, ăn khớp, không “chồng chéo”. Giao ban định kỳ là hình thức có tác dụng rất lớn trong việc phát hiện và giải quyết kịp thời những vấn đề tư tưởng trong SV HS. Cuối cùng, ở tất cả các giai đoạn của quá trình quản lý, lãnh đạo nhà trường phải thường xuyên kiểm tra, nhằm bảo đảm tất cả các bước đều được thực hiện một cách hiệu quả. Chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng từ việc kiểm tra thường xuyên và nghiêm túc chúng ta mới có thể rút ra được kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động giữa các bộ phận một cách kịp thời, theo đúng mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

3.2.3. Đa dạng hóa nội dung, hình thức và cải tiến phương pháp GDCTTT phù hợp với đặc điểm của SVHS

a. Ý nghĩa của biện pháp

Chúng ta biết rằng, kết quả của hoạt động giáo dục tùy thuộc rất nhiều vào sự tham gia của các lực lượng trong xã hội, trước hết là sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự quan tâm của các bậc phụ huynh, các tổ chức Đoàn, Hội trong và ngoài nhà trường. Trong bối cảnh mới, điều kiện kinh tế - xã hội đã có những bước phát triển mới, các điều kiện sinh hoạt, học tập, tiếp nhận thông tin của SV đã trở nên thuận lợi hơn nhiều so với trước, chúng ta có sự quan tâm của các cấp lãnh đạo địa phương, của nhà trường, có định hướng mục tiêu rõ ràng, cơ sở vật chất phục vụ quá trình GDCTTT cho SV cũng đã tốt hơn nhiều. Tất cả những điều đó mới chỉ là đúng chứ chưa đủ.

Điều quan trọng hơn cả là chúng ta cần phải có một cách nhìn mới hơn, thực tế hơn; công tác GDCTTT cho SVHS trong nhà trường cần phải được đa dạng hóa về nội dung, hình thức, cải tiến về phương pháp để có thể đạt được hiệu quả mong muốn góp phần giáo dục toàn diện trong Nhà trường.

b. Nội dung của biện pháp

Việc thực hiện đa dạng hóa nội dung, hình thức và cải tiến phương pháp GDCTTT cho SVHS phải được tiến hành thông qua các hoạt động ngoại khóa và lồng ghép, tích hợp với các hoạt động chính khóa trong nhà trường.

Đa dạng hóa nội dung, cải tiến phương pháp GDCTTT cho SVHS

Như đã phân tích ở bảng 2.3; 2.5 và qua trao đổi với một số CBQL, CB Đoàn chúng tôi thấy Trường ĐHTV đã chú ý đến nội dung GDCTTT cho SVHS. Những phẩm chất cơ bản cần giáo dục nhiều cho SV như: *Có ý thức tổ chức kỷ luật trong sinh hoạt, học tập; chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước; nội qui, qui chế của tổ chức, tập thể tại nơi sinh sống, học tập và công tác; có nhận thức, lập trường chính trị vững vàng, có truyền thống yêu nước, yêu CNXH và tinh thần hợp tác quốc tế; có ý thức xây dựng thái độ, động cơ học tập đúng đắn; tinh thần đoàn kết, tương trợ trong học tập và công tác...* được nhà trường quan tâm giáo dục, đó là những phẩm chất rất cần thiết của một SV ở trong bất kỳ giai đoạn nào. Bởi vì, một SV được coi là có ý thức, được giáo dục chính trị tư tưởng tốt trước hết, SV đó phải thể hiện mình là một người công dân tốt, một thanh niên có văn hóa, biết sống vì mọi người ở ngoài xã hội; biết tôn trọng; biết cách cư xử, sống chan hòa, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn hơn mình ở khu dân cư hay ở ký túc xã mà họ đang sinh sống, biết chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; một người con hiếu thảo, người anh, người chị mẫu mực, thương yêu các em trong gia đình; một SV mà ở xuất phát điểm là biết chấp hành tốt nội quy, quy định của nhà trường và đích cuối cùng là phải sống có lý tưởng, có lòng yêu nước, thương dân (trước hết là phải thương yêu những người ruột thịt, những người sống xung quanh mình)... Bên cạnh nội dung giáo dục cần được tiếp tục chuyển tải đến SVHS như đã nêu ở trên, theo chúng tôi, trong thời kỳ đất nước hội nhập, cần phải bổ sung một cách nhanh chóng vào nội dung GDCTTT cho SVHS, nhất là đối với SV Trường ĐHTV.

Sở dĩ chúng tôi nhấn mạnh nội dung trên cần được bổ sung nhất là đối với SVHS Trường ĐHTV là vì, đa số SVHS Trường ĐHTV là con em của các địa phương vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đời sống vật chất, tinh thần của các em gặp nhiều khó khăn, có nhiều SVHS vừa đi học vừa đi làm thêm, dạy thêm để có thể trang trải cuộc sống, trong số các em cũng có rất nhiều các em là con, em liệt sĩ... Do vậy, SVHS Trường ĐHTV là những người rất dễ tiếp thu những điều chúng ta truyền đạt về lòng yêu nước, yêu CNXH và tinh thần hợp tác quốc tế; ý thức tổ chức kỷ luật trong sinh hoạt, học tập: Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, nhà nước; nội qui, qui chế của tổ chức, tập thể tại nơi sinh sống, học tập và công tác; có nhận thức, lập trường chính trị vững vàng... nhưng cũng sẽ rất dễ dàng bị lôi cuốn bởi lối sống thực dụng bên ngoài do ảnh hưởng của mặt trái của cơ chế thị trường. Do vậy, nhà trường cần trang bị thêm cho các em những phẩm chất: có kiến thức cơ bản và bản lĩnh vững vàng về chính trị; sống có lý tưởng cách mạng và trung thành với lý tưởng đó; có ý thức bảo vệ, xây dựng môi trường tự nhiên và môi trường xã hội; có tinh thần vượt khó và phấn đấu vươn lên không ngừng, có khả năng linh hoạt, thích ứng với môi trường làm việc có sức cạnh tranh cao trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; biết làm giàu đúng pháp luật; có lối sống lành mạnh, văn minh; biết học hỏi tiếp thu những yếu tố mới, những tiến bộ đồng thời luôn đề cao cảnh giác những nếp sống, biểu hiện đồi trụy, phản động, trái với thuần phong, mỹ tục; kiên quyết đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội là những nội quy rất thiết thực đối với các em mà nhà trường cần phải trang bị ngay từ khi còn là SVHS để tránh cho những “sản phẩm của giáo dục” không bị hụt hẫng, lúng túng, ngỡ ngàng khi rời giảng đường đại học. Một khi tổ chức các hoạt động phục vụ công tác GDCTTT cho SVHS với nội dung thực chất, thiết thực, cụ thể đối với họ thì chắc chắn sẽ thu hút được nhiều SVHS đến với hoạt động.

Đa dạng hóa hình thức GDCTTT cho SVHS Trường ĐHTV

Như đã phân tích ở chương 2, trong thời gian qua, Trường ĐHTV đã GDCTTT cho SVHS thông qua một loạt các hình thức như: GDCTTT thông qua các hoạt động xã hội, hoạt động đền ơn đáp nghĩa, hoạt động tình nguyện, thông qua các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm, ngày truyền thống của trường... mỗi hình thức của công tác GDCTTT cho SVHS đều có những mặt hạn chế và mặt ưu thế nhất định và có những đối tượng riêng của nó bởi sở thích và nhu cầu của SV rất đa dạng. Theo suy nghĩ của chúng tôi, ĐHTV cần tổ chức

nhiều hoạt động với những hình thức mới hơn, sát thực hơn, sinh động hơn, phù hợp hơn để đáp ứng được nhu cầu của từng đối tượng SV trong từng thời điểm, hoàn cảnh cụ thể để có thể đạt hiệu quả cao nhất trong quá trình giáo dục.

Một nguyên tắc mà ai cũng biết, muốn giáo dục, thuyết phục hay thậm chí phần nào đó là mang tính bắt buộc bất kỳ một đối tượng nào, trước hết chúng ta phải thu hút, tập hợp được đối tượng đó đến với mình. GDCTTT cho SV cũng vậy. Muốn tập hợp được họ phải căn cứ vào nhu cầu có thực và đặc thù của SV từng trường, thậm chí từng khoa, từng lớp. Phải quan tâm đến cái mà SV quan tâm và đặc biệt quan tâm. Có một thực tế mà ai cũng thấy rõ là: Trong các cuộc họp, buổi học tập, sinh hoạt những phần tử đi trễ (có mặt khi cuộc họp hay sinh hoạt đã bắt đầu) thì lại rất ít “bị” nghe nhắc nhở, nếu chủ tọa có nhắc nhở thì cũng chỉ toàn là người đi đúng giờ, thực hiện nghiêm túc quy định nghe. Trong các hoạt động phục vụ công tác GDCTTT cũng vậy. Nhìn đi nhìn lại cũng chỉ thấy toàn những gương mặt quen thuộc, tích cực – những phần tử cần giáo dục, cần giác ngộ, cần lôi cuốn họ vào hoạt động tập thể thì vì lý do này, lý do khác họ đâu có mặt. Đúng như Báo cáo Tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên của Đoàn ĐHTV năm 2006 nhận xét: *“ảnh hưởng lối sống thực dụng khiến một bộ phận ĐVTN thờ ơ, đứng ngoài phong trào không tham gia sinh hoạt Đoàn, Hội...”*. Đó là một thực tế để chúng ta phải suy nghĩ tìm ra các hình thức phù hợp. Chúng ta cần tìm hiểu xem SV hiện nay thích gì, nghĩ gì, quan tâm gì, tránh truyền đạt một chiều xơ cứng từ trên xuống, cào bằng đối tượng (ở trình độ văn hóa nào cũng học tập cùng một tài liệu, cùng khối lượng kiến thức, chưa có chuyên đề phù hợp với từng nhóm đối tượng). Nên chẵng thay vì ngồi nghe báo cáo, nghe lý thuyết qua lời giảng đều đều thì có thể cho SV xem phim, học tập lồng ghép qua các buổi diễn đàn *Nghe sinh viên nói- Nói sinh viên nghe*, thăm quan, giao lưu thực tế... nhằm lôi cuốn, thu hút SV đến với các sinh hoạt phục vụ cho công tác GDCTTT.

Bên cạnh đó, hiện nay một bộ phận sinh viên *“...ngại học các môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ...”*. Chúng tôi cũng hiểu rằng con số qua điều tra có thể chưa hoàn toàn sát thực nhưng nó cũng phần nào nói lên được một thực tế ở ĐHTV hiện nay là việc công tác GDCTTT cho SVHS thông qua các môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và việc lồng ghép các nội dung GDCTTT vào bài giảng của các bộ môn chuyên ngành vì nhiều

lý do khác nhau đang có những hạn chế nhất định, điều này đã làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của công tác GDCTTT cho SV Trường ĐHTV. Và có một hình thức GDCTTT cho SVHS nếu làm tốt thì chắc chắn sẽ thu hút được nhiều SVHS tham gia đó là *gặp gỡ, đối thoại với lãnh đạo nhà trường*. Việc lãnh đạo nhà trường chủ động sắp xếp lịch gặp gỡ, đối thoại, lắng nghe ý kiến của SV để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của các em, nắm bắt được diễn biến tư tưởng của SVHS. Thêm vào đó, thông qua website của nhà trường tiến hành nhiều hơn các cuộc thăm dò, điều tra xã hội học để qua đó nắm bắt được tình hình tư tưởng của SV. Thực tế nhu cầu của SVHS rất đa dạng và có tính biến động, vì vậy cần tiến hành định kỳ hoạt động này để có những giải pháp ứng xử xã hội phù hợp và có những định hướng cho SVHS theo mục tiêu đã đề ra.

c. Lưu ý khi vận dụng

Đa dạng hóa nội dung, cải tiến phương pháp GDCTTT cho SVHS

Thực tế cho thấy có những buổi báo cáo chuyên đề hay nói chuyện thời sự SV tham dự rất đông và lắng nghe với thái độ nghiêm túc, tinh thần tự giác, số lượng từ đầu đến cuối buổi gần như không thay đổi. Song cũng có những buổi, Ban tổ chức đã rất vất vả để giữ chân SVHS lại đến cuối buổi. Vì sao lại có hiện tượng như vậy? Đơn giản chỉ là khi nào có nội dung mới, hay, hấp dẫn, được SV quan tâm; tài liệu học tập được biên soạn theo từng nhóm đối tượng; hay đơn giản chỉ là khi nào có người báo cáo hay, có đủ kiến thức, kinh nghiệm để trình bày vấn đề và bản thân người báo cáo có phẩm chất đạo đức tốt thì sẽ thu hút được SVHS. Và như vậy thì việc quản lý quá trình GDCTTT cho SVHS mang lại hiệu quả cao hơn. Do vậy, bên cạnh việc tiếp tục duy trì và khuyến khích những nội dung cũ nhưng vẫn là những nội dung có tính hấp dẫn với SV như *Cuộc thi Robocon, Mùa hè tình nguyện, Tuổi trẻ sáng tạo, Tư vấn việc làm, giao lưu với các doanh nghiệp, Rung chuông vàng, Câu lạc bộ sở thích, SV HS năng động và sáng tạo*. Cần tìm tòi, suy nghĩ bổ sung thêm những nội dung, hình thức GDCTTT mới, hấp dẫn, phù hợp với đối tượng là SVHS của Trường ĐHTV để tập hợp, thuyết phục, giáo dục các em. Qua đó, giúp các em có cơ hội rèn luyện bản lĩnh cá nhân, cơ hội tự khẳng định mình và làm việc theo nhóm, theo tập thể. Có như vậy, SVHS của Trường ĐHTV ra trường mới có thể đáp ứng được yêu cầu hội nhập.

Về cải tiến phương pháp GDCTTT, nhìn chung, Trường ĐHTV đã sử dụng một số phương pháp theo chúng tôi là khá hiệu quả. Song cũng cần lưu ý rằng, mỗi chủ trương được ban hành không thể làm chuyển biến ngay trong

nhận thức, hành động trong nhà trường, xã hội nếu không có biện pháp tuyên truyền phù hợp. Để phù hợp với tình hình thực tế, thiết nghĩ nhà trường cần phải tăng cường sử dụng thường xuyên hơn các phương pháp phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi SV tự giải quyết; Nâng cao tính độc lập, ý thức tự giáo dục của SVHS ... Cần tăng cường tổ chức giới thiệu những tấm gương sáng SVHS Trường ĐHTV, hoặc những gương sáng thanh niên trong cả nước về học tập, về quan điểm sống tốt đẹp (ví dụ, học tập và viết cảm nhận về tấm gương hy sinh vì người khác, lý tưởng sống cao đẹp của liệt sĩ Đặng Thùy Trâm...) để định hướng giá trị cho SVHS trong tình hình mới. Dư luận trong SVHS hoan nghênh và tham gia rất nhiệt tình đợt sinh hoạt chính trị có tác động tốt đến tình hình tư tưởng và định hướng giá trị.

Đa dạng hóa hình thức GDCTTT cho SVHS

Tập hợp SV nhiều khi là cả một nghệ thuật, nghệ thuật đó được thể hiện từ các “nhạc trưởng” là các chủ thể giáo dục. Nhằm cuốn hút SV đến với các hoạt động tập thể, không thờ ơ đứng ngoài cuộc đối với những sinh hoạt đoàn thể, theo chúng tôi nhà trường bằng cách này hay cách khác tìm hiểu nguyên nhân, có thể do cá tính rụt rè? Do cuộc sống quá khó khăn (khó khăn của SVHS Trường ĐHTV) nên một số em phải đi làm thêm nên ít có thời gian quan tâm đến các sinh hoạt tập thể? Hay do ở đâu đó có những sinh hoạt vui hơn, bản thân cảm thấy thích đến đó hơn... Biết được nguyên nhân chúng ta sẽ tìm những hình thức mới phù hợp hơn nhằm phát huy những mặt mạnh của các em, ví dụ: tạo những sân chơi vui tươi, bổ ích tạo điều kiện cho các câu lạc bộ sở thích thể hiện tài năng của mình... dần dần các em sẽ cảm thấy tự tin hơn trong các sinh hoạt tập thể và sẽ đến với những hoạt động bổ ích khác.

Để đạt được mục tiêu đề ra và khắc phục được tình trạng như đã nêu ở trên, nhà trường cần phối hợp với khoa Lý luận Chính trị và các bộ môn có liên quan đến việc lồng ghép GDCTTT cho SVHS tìm hiểu, điều tra tình hình cụ thể của từng bộ môn xem hiện nay họ cần được hỗ trợ gì, họ có những kiến nghị gì với lãnh đạo nhà trường để có thể thực hiện tốt hơn nhiệm vụ họ được giao, lập kế hoạch cụ thể để có thể chỉ đạo khắc phục sớm nhất tình trạng trên.

Bước tiếp theo là triển khai thực hiện kế hoạch. Lãnh đạo nhà trường cần xác định việc nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBGV và SVHS kết hợp với đổi

mới nội dung, hình thức và cải tiến phương pháp giảng dạy bộ môn là biện pháp tối ưu để có thể khắc phục được tình trạng trên. Đối với CBGV, nhà trường cần tăng cường thêm các lớp bồi dưỡng đội ngũ giảng viên (cả ở trong và ngoài nước) nhằm nâng cao trình độ nhận thức, phẩm chất chính trị, trình độ lý luận, ý thức trách nhiệm của họ đối với việc giảng dạy bộ môn, tạo điều kiện cho họ nghiên cứu khoa học. Bởi vì họ, với tư cách là một chủ thể truyền đạt, những người làm công tác giảng dạy lý luận, không những phải có đủ yêu cầu về năng lực chuyên môn, khả năng sư phạm, phẩm chất đạo đức mà còn phải có đầy đủ các yêu cầu đặc thù của một người giảng dạy bộ môn là: có phẩm chất chính trị vững vàng, kiến thức rộng, luôn phải tự tìm tòi cập nhật thông tin mới, có khả năng giải quyết những vấn đề cả về lý luận và thực tiễn. Họ không phải chỉ là một giảng viên khoa học có nhiệm vụ truyền đạt kiến thức như những giảng viên khác, biết dạy cho SVHS “cách học” mà còn là người chịu trách nhiệm giáo dục cho SV sống có đạo đức, có lý tưởng cách mạng và trung thành với lý tưởng đó. Một yếu tố không kém phần quan trọng nữa là đầu tư thêm cơ sở vật chất, phương tiện hỗ trợ cho quá trình dạy và học. Nhà trường cần đầu tư thêm máy tính, máy chiếu ở các giảng đường cũng như trang bị cho giảng viên... Chỉ đạo tổ chức những buổi hướng dẫn sử dụng phương tiện dạy học; mua sắm thêm sách giáo khoa, sách tham khảo bổ sung cho Trung tâm Học liệu và các thư viện riêng của trường... là điều hết sức cần thiết và cấp thiết. Thực ra, theo chúng tôi, kinh phí đầu tư cho việc mua sắm phương tiện dạy, học là không lớn lắm so với hiệu quả chúng ta sẽ thu được khi sử dụng nó (trước mắt, trong điều kiện kinh phí còn hạn chế, cần tính toán sử dụng có hiệu quả những thiết chế văn hóa đã có sẵn). Để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, đòi hỏi phải có những biện pháp đồng bộ từ nhiều phía. Song ở vị trí của Trường ĐHTV, thiết nghĩ, xây dựng, kiện toàn đội ngũ giảng viên lý luận đủ về số lượng, đảm bảo về trình độ, chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ là vấn đề không khó. Nhà trường nên tuyển dụng CBGV từ các trường khác hoặc chỉ đạo cho các khoa, ngay từ năm thứ nhất, bên cạnh đó có hướng đào tạo, bồi dưỡng cho những SV học giỏi bộ môn còn thiếu để có nguồn CBGV bổ sung cho số CBGV còn thiếu.

Về việc tổ chức gặp gỡ, đối thoại giữa lãnh đạo với toàn thể SVHS nhà trường.

Vẫn biết rằng, giữa “nói” và “làm” là cả một khoảng cách xa. Nhưng trước tiên hãy nói, hãy giải bày, trao đổi, và đó là một động lực, một sức ép để dẫn tới “làm”. Thực tế, trong những cuộc đối thoại giữa SV HS và các vị lãnh

đạo chính quyền, đoàn thể trong nhà trường, lãnh đạo không chỉ “nói cho SV HS nghe” mà còn “lắng nghe SV HS nói” do vậy, đã giải tỏa phần nào những khúc mắc trong tư tưởng của SVHS. Chỉ tiếc rằng, nội dung, đối tượng tham gia đối thoại nhiều khi chưa được “mở rộng” lắm, thời gian đối thoại chưa được nhiều lắm. Để làm tốt công tác này, lãnh đạo nhà trường cần lên kế hoạch với thời gian, địa điểm, thành phần tham dự đầy đủ, cụ thể sau đó thông báo lịch cho toàn thể GVCN biết để thông báo đến từng SVHS. Lãnh đạo nhà trường có thể tùy tình hình đặc điểm của trường mình có thể gặp gỡ với SV theo từng khoa, hay từng khối lớp...

Cùng với những hình thức đã nêu trên, cần chủ động tiến hành nhiều hơn nữa các cuộc thăm dò, điều tra xã hội học, đồng thời phát huy kênh thông tin qua trang web để qua đó nắm bắt được tình hình tư tưởng của SVHS, những bức xúc không được giải quyết, góp ý, thắc mắc mà không có sự phản hồi...tránh tình trạng để dồn nén những bức xúc trong SVHS gây hoang mang, thiếu sự tin tưởng đối với nhà trường. Bên cạnh đó cũng cần tăng các trang thông tin về những tấm gương vượt khó trong học tập, những tấm gương điển hình vừa học giỏi vừa tham gia tích cực công tác đoàn thể, xã hội...

Để thực hiện được những điều đã nêu trên, đòi hỏi lãnh đạo nhà trường phải có nhận thức đầy đủ vai trò, vị trí, tầm quan trọng của việc đa dạng hóa nội dung, hình thức và cải tiến phương pháp quản lý quá trình GDCTTT cho SV HS Trường ĐHTV. Các hoạt động GDCTTT cho SVHS cần phải có sự đầu tư cả về hình thức, nội dung và điều quan trọng là phải đủ rộng để có thể bao phủ các đối tượng SV HS và phần nào đó là mang tính bắt buộc để đạt hiệu quả cao nhất trong công tác CTTT

3.2.4. Tạo điều kiện thuận lợi để SV HS phát huy ý thức tự giáo dục của SV và tự quản của tập thể SV HS

a. Ý nghĩa của biện pháp

Trong một con người luôn luôn có hai mặt, tốt và chưa tốt. Mặt tốt cần được khơi dậy trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Xuất phát từ sự nhìn nhận mặt tốt trong con người thanh niên sinh viên, lớp người có khả năng tiếp cận nhanh và khát khao vươn tới cái đẹp trong cuộc sống, dễ tiếp cận với chân – thiện – mỹ, trong đó, cái thiện phải được coi là giá trị cơ bản, giá trị gốc của con người,

Bác Hồ đã nhắc nhở các chủ thể giáo dục phải biết kết hợp cả hai mặt giáo dục và tự giáo dục. Bác khuyên thanh niên: “*Phải tự cải tạo để tiến bộ mãi*” Mỗi con người luôn là sản phẩm của chính mình, tự giáo dục chính là phương thức tự khẳng định mình. Đây là biện pháp quan trọng tác động đến phẩm chất đạo đức, lối sống của từng SV HS và tập thể SV HS. Phải tạo cho SV HS thói quen tự quản trong việc tự rèn luyện bản thân và tự giác thực hiện các hoạt động do nhà trường, Đoàn TN, Hội SV tổ chức nhằm nâng cao nhận thức từ đó có thái độ và hành vi đúng đắn trong việc rèn luyện phẩm chất nhân cách, biến quá trình rèn luyện thành quá trình tự rèn luyện. Ý thức, sự nỗ lực của bản thân mỗi SV HS có ý nghĩa rất quan trọng trong việc trang bị cho mình một hành trang lý luận, một bản lĩnh chính trị vững vàng để bước vào cuộc sống sau này.

b. Nội dung của biện pháp

Chúng ta biết rằng, lứa tuổi SV HS là lứa tuổi thanh niên. Trong mỗi con người TN SV đều có những tiềm năng, nhu cầu, ý chí muốn làm việc có ích để tự khẳng định và hoàn thiện bản thân mình. Nhu cầu tự thân của SV là mong muốn được tham gia vào các hoạt động XH để thể hiện tài năng và sức trẻ của mình. Chỉ có trong hoạt động tập thể, giao tiếp với mọi người trong tập thể thì SV HS mới có cơ hội thể hiện và đánh giá được khả năng thực sự của mình. Vì vậy, nhiệm vụ của nhà trường là phải tạo ra các cơ hội và môi trường học tập, sinh hoạt lành mạnh thông qua các hoạt động có ích trong cả nhà trường và ngoài xã hội đáp ứng nhu cầu, lợi ích chính đáng của SV HS.

Để có thể tạo điều kiện cho SV HS phát huy được ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện và ý thức tự quản, với tư cách là những nhà quản lý, là chủ thể giáo dục, trước hết chúng ta cần phải hiểu được tâm tư, nguyện vọng và những yêu cầu bức xúc của họ, phải có những hành động cụ thể để có thể tạo điều kiện cho họ chứ không chỉ là hô hào, lý thuyết suông. Nhà trường cần vận động SV HS, khuyến khích họ nâng cao ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện thông qua các hoạt động nội khóa, ngoại khóa. Tuy vậy, chúng ta không nêu yêu cầu, bắt buộc các em phải đạt được kết quả mà không tạo tình huống, không hướng dẫn cách thức, không tạo điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất (phòng ốc, máy chiếu, internet, bàn ghế phù hợp...) để các em hoạt động. Do vậy, lãnh đạo cần phải có kế hoạch đồng bộ từ khâu tuyển chọn CBGD, lựa chọn đội ngũ GVCN. Họ phải vừa là nhà chuyên môn giỏi vừa là người có sự hiểu biết đủ rộng để có thể giúp SV tiếp thu những kiến thức mới. Nói cách khác, CBGV, GVCN phải có khả năng đóng vai trò vừa là người hướng dẫn, giúp đỡ vừa là người quản lý

SV HS. Thực tế hiện nay ở Trường ĐHTV, một bộ phận CBGD chưa thực hiện tốt nhiệm vụ hướng dẫn SV HS tự học, dạy cho SV “cách học”, một số GVCN chưa quan tâm nhiều đến việc dạy cho SV học cách tự quản lý lẫn nhau. v.v...

c. Lưu ý khi vận dụng

Các chủ thể giáo dục cần nhận thức rằng kể cả khi SV HS có khả năng tự lập, có ý thức tự quản họ vẫn rất cần có người cố vấn hướng dẫn họ về cách thức tổ chức các hoạt động học tập, sinh hoạt để nâng nhận thức và năng lực. Vì vậy, lãnh đạo nhà trường cần lựa chọn đội ngũ giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn có “đủ tầm” đảm nhận từng khối lớp, thực sự xứng đáng là người cố vấn, hướng dẫn có hiệu quả cho các em.

Trong mối quan hệ giữa SV HS và giảng viên. Giảng viên với những yếu tố cần phải có như đã nêu ở trên, đóng vai trò là người chủ đạo tổ chức các hoạt động ở giai đoạn đầu, vai trò là người cố vấn cho SV HS ở giai đoạn sau. SV đóng vai trò là thành phần tích cực, tự giác trong hoạt động, học tập tiếp thu kiến thức dưới sự hướng dẫn của thầy cô ở giai đoạn đầu và tự tổ chức, điều khiển các hoạt động, học tập ở giai đoạn sau. Cần tăng cường các buổi thảo luận, xêmina để SV HS trao đổi, tranh luận nhằm tự phát hiện những vấn đề mới trong học tập cũng như tự tìm ra cho mình phương pháp học tập khắc sâu kiến thức đã học được dưới sự hướng dẫn của thầy cô. SV HS đang rất cần những sân chơi mô phỏng nghề nghiệp do chính họ điều hành với sự hỗ trợ về CSVC, chủ trương của lãnh đạo nhà trường và sự tham gia hướng dẫn hay vai trò cố vấn của giảng viên. Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa các thành viên trong tập thể. Đó là các mối quan hệ tương thân tương ái, quan hệ phụ thuộc trách nhiệm, quan hệ hỗ trợ, hợp tác, bình đẳng giữa các thành viên. Tất cả các mối quan hệ đó tạo nên một bầu không khí tập thể thân ái, đoàn kết, có niềm tự hào về tập thể của mình...

Cần khuyến khích và duy trì những hình thức mới lạ, phù hợp với lứa tuổi và trình độ của SV HS để thu hút, kích thích tính tò mò, khát khao hiểu biết của SV HS để làm sao SV HS “vừa chơi, vừa học”, qua đó giúp các em tự khám phá chính mình, kiểm nghiệm những phân lý thuyết đã học, đối chiếu với thực tế biến chúng thành niềm tin, thành cái “vốn riêng” của mình và có thêm được nhiều kiến thức, kinh nghiệm ứng xử xã hội mới: *Cuộc thi Robocon, cuộc*

thi Olympic các môn khoa học lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các cuộc thi kể chuyện về tấm gương đạo đức của Bác Hồ, viết cảm nhận về một tác phẩm hay, dạ hội, diễn đàn về tình bạn, tình yêu... cũng cần có sự đầu tư thỏa đáng để xây dựng và duy trì hoạt động của các câu lạc bộ chuyên ngành vì đó là nơi để SV HS tự tổ chức các diễn đàn. Có thể nói rằng thông qua các hoạt động có khả năng tập hợp SV HS như vậy ta mới có thể quản lý các em dễ dàng hơn.

Yếu tố nhận thức và quan tâm của CBQL và đội ngũ vẫn là yếu tố tiên quyết đối với sự thành công của việc thực hiện biện pháp. Kế hoạch quản lý cụ thể, chi tiết, có tính khả thi, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng đối với từng cá nhân, từng bộ phận kết hợp với sự theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, điều chỉnh kịp thời những hoạt động tự quản không đúng với mục tiêu đề ra của đội ngũ CBQL là điều kiện để thực hiện biện pháp này.

3.2.5. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng trong và ngoài trường tham gia GDCTTT cho SVHS

a. Ý nghĩa của biện pháp

“Giáo dục nhà trường dù có tốt đến mấy nhưng thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn”. Đúng như Bác Hồ nói, *giáo dục là sự nghiệp của quần chúng*, giáo dục thanh niên là trách nhiệm của toàn xã hội, giáo dục nhà trường phải được gắn với những hoạt động thực tiễn, thông qua hoạt động thực tiễn, hướng các em đưa những kiến thức đã học trong nhà trường để áp dụng vào thực tế, biến quá trình giáo dục thành tự giáo dục, biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo. Trong nhà trường, công tác GDCTTT cho SVHS là một hoạt động lâu dài, bền bỉ, chịu sự tác động của nhiều yếu tố từ bên ngoài gồm nhiều thành viên tham gia. Chính vì vậy, để tăng cường công tác GDCTTT cho SV cần phải có một kế hoạch tổng thể và chi tiết, tạo ra được một guồng máy thống nhất, đồng thuận trong suy nghĩ, nhận thức, việc làm hay nói khác đi là phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên của lực lượng trong nhà trường và ngoài xã hội.

b. Nội dung của biện pháp

Phối hợp các lực lượng trong nhà trường. Lãnh đạo nhà trường cần thực hiện tốt chức năng *Chỉ huy điều hành*, xác lập quyền chỉ huy và sự can thiệp trong toàn bộ quá trình quản lý nhằm tập hợp lực lượng, tăng cường nguồn lực của đội ngũ và của SVHS vào việc thực hiện kế hoạch và điều hành bảo

đảm bảo mọi hoạt động diễn ra trong kỷ cương, trật tự, động viên, huy động đội ngũ các thầy cô giáo ngoài nhiệm vụ chuyên môn, cùng tham gia tích cực vào việc quá trình công tác GDCTTT cho SVHS. Lãnh đạo nhà trường cần xác lập mối quan hệ hợp tác với Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV. Cần duy trì tốt mối quan hệ này để tạo thành một khối thống nhất trong khi thực hiện nhiệm vụ GDCTTT cho SVHS. Bên cạnh đó, lãnh đạo nhà trường cũng cần phải có một cái nhìn sâu rộng, biết vận động ngay chính độ ngũ của mình kể cả giảng viên và SVHS tham gia vào kế hoạch đã đề ra. Cái nhìn sáng suốt, đi sâu, đi sát với giảng viên, CBVC, SV sẽ giúp cho Hiệu trưởng nhà trường có sự phân công, bố trí các bộ phận, các cá nhân một cách hợp lý, đúng người, đúng việc tùy theo năng lực, sở trường, vị trí của mỗi thành viên tạo điều kiện cho họ phát huy được hết khả năng sáng tạo, tạo nên sự phối hợp nhịp nhàng trong tổ chức thực hiện.

Phối hợp với các lực lượng ngoài nhà trường. Hiệu trưởng Nhà trường là nhà tuyên truyền giáo dục có trách nhiệm trong vận động cả lực lượng xã hội tham gia vào việc xây dựng và phát triển Nhà trường cũng như quá trình công tác GDCTTT cho SVHS. Tùy theo chức năng của từng bộ phận trong nhà trường, Hiệu trưởng nhà trường sẽ ủy quyền tham gia sự phối hợp với các Ban, ngành tương ứng cho Trưởng các bộ phận. Trong việc phối hợp, Hiệu trưởng luôn giữ vị trí chủ động, chủ đạo và luôn giữ mối quan hệ bình đẳng, hợp tác với các tổ chức liên hệ phối hợp.

c. Lưu ý khi vận dụng

Giáo dục là một hoạt động, là một quá trình mang tính xã hội hóa cao. GDCTTT cho SVHS cũng vậy, cho nên việc phối hợp các lực lượng cũng là điều tất yếu nhằm tăng cường nguồn lực cho quá trình tổ chức thực hiện. Chính vì vậy, cần sự chỉ đạo cụ thể, sâu sát hơn của Đảng ủy, BGH, Đoàn TN, Hội SV, phối kết hợp chặt chẽ với hệ thống chính trị trong tỉnh và nhất là với Tỉnh đoàn, Hội thanh niên trong việc phối hợp tổ chức các hoạt động GDCTTT. Hiệu trưởng tăng cường giáo dục cho đội ngũ cán bộ Nhà trường về tầm quan trọng của công tác này. Mỗi thầy cô giáo, CBVC cần xác định được mục tiêu, nắm vững kế hoạch và cần phải biết rằng, trong kế hoạch đó mình được phân công việc cụ thể là gì, trách nhiệm đến đâu nếu không hoàn thành nhiệm vụ, phối

hợp với ai, với những bộ phận nào, khi cần thiết thì sẽ phải trao đổi, báo cáo với ai, nếu cần điều chỉnh thì điều hành thực hiện kế hoạch. Thường xuyên kiểm tra, cần thiết phải điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo đúng ở tất cả các khâu. Cuối cùng là khâu đánh giá, rút kinh nghiệm cho những hoạt động phối hợp tiếp theo. Để tăng cường quá trình công tác GDCTTT cho SVHS cần phải coi trọng đội ngũ GVCN lớp, tạo điều kiện cho họ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhà trường nên sử dụng các mối quan hệ để đẩy mạnh việc vận động các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm... trao học bổng, giải thưởng cho SV học giỏi, tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất chính trị đạo đức, lối sống điển hình để động viên tinh thần SV và động viên phong trào..

Trong quá trình phối hợp hoạt động, Hiệu trưởng là người luôn luôn ở vị trí chủ động trong các mối quan hệ. Trách nhiệm của người Hiệu trưởng nhà trường là làm sao tổ chức lao động quản lý một cách khoa học nhất, lập kế hoạch có tính khả thi, bảo đảm thông tin nhiều chiều cho cả bộ máy hoạt động ăn khớp, thống nhất cao giữa các bộ phận liên quan, thông suốt từ trên xuống, nhanh nhạy, chính xác, giảm chi phí tới mức tối đa. Bảo đảm cho tất cả các thành viên trong nhà trường đều tham gia vào quá trình tổ chức và quản lý trên cơ sở phân công trách nhiệm rõ ràng về từng phần công việc, đồng thời giao quyền hạn đầy đủ về phần việc đó cho họ để có thể chủ động hoàn thành công việc.

3.2.6. Thực hiện chế độ khen thưởng, trách phạt kịp thời, hợp lý

a. Ý nghĩa của biện pháp

Đây là biện pháp gián tiếp kích thích động viên những bộ phận, những cá nhân có thành tích trong công tác GDCTTT cho SV HS, đồng thời cũng là biện pháp nhằm làm giảm bớt, điều chỉnh, uốn nắn những hiện tượng làm cản trở và ảnh hưởng xấu đến công tác này. Qua khảo sát chúng ta đã thấy có một số nơi làm công tác này không tốt, những cá nhân điển hình chưa thực sự là “điển hình”, không tạo được hiệu ứng “noi gương”. Có nơi công tác này chỉ tiến hành qua loa, hình thức đã tác động tiêu cực không nhỏ đến công tác GDCTTT cho SV HS.

b. Nội dung của biện pháp

Căn cứ vào tình hình thực tế, cần xây dựng một chế độ khen thưởng, động viên, khích lệ rõ ràng, thỏa đáng đối với đội ngũ CBGV các bộ môn khoa học Mác – Lênin, đội ngũ chuyên viên trực tiếp làm công tác GDCTTT cho SV HS nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua, tạo điều kiện để họ có thể cống hiến hết

mình cho sự nghiệp giáo dục, đặc biệt là công tác GDCTTT cho SV HS. Đồng thời cũng cần phải có những quy định trách phạt kịp thời đối với những biểu hiện có ảnh hưởng không tốt đối với công tác này.

c. Lưu ý khi vận dụng

Đại học Trà Vinh là một đơn vị sự nghiệp có thu, được chủ động bố trí kinh phí để hoạt động. Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHTV được xây dựng đã phần nào đáp ứng được lòng mong muốn có sự công khai, minh bạch trong tài chính, đồng thời cũng đã góp phần tích cực trong việc thúc đẩy các phong trào thi đua trong nhà trường. Tuy nhiên, theo chúng tôi, để động viên, khuyến khích những cá nhân có nhiều đóng góp trong công tác GDCTTT cho SV HS, trong định mức chi khen thưởng của Trường ĐHTV nên bổ sung thêm phần khen thưởng đối với CBQL, CBGD, CB Đoàn TN, Hội SV... theo từng học kỳ, theo năm học hoặc khen thưởng đột xuất khi đạt thành tích xuất sắc trong công tác này.

Đối với SV HS, Trường ĐHTV cũng đã thành lập hội đồng xét khen thưởng, kỷ luật, đã có quy định tạm thời mức điểm thưởng đối với những SV HS đạt thành tích cao trong hoạt động, sinh hoạt chính trị, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống. Nhưng, cho dù đã được tính thành điểm thưởng, phạt nhưng số điểm này chỉ có giá trị khi xét học bổng, ít có giá trị khi xét lên lớp, khi chuyển giai đoạn, xét tốt nghiệp. Chính vì vậy, một bộ phận SV HS thường lo tích lũy cho đủ điểm thi học phần hơn là phần đầu tư dưỡng, kể cả việc tham gia các sinh hoạt tập thể, SV HS cũng ít nhiệt tình tham gia các hoạt động mang tính chính trị - xã hội. Theo chúng tôi, cần có cách đánh giá khách quan hơn nữa để “khen” cho ra khen, phát hiện những gương người tốt, việc tốt, những điển hình cá nhân, tập thể tiên tiến để nhân rộng ra trong trường. Đồng thời, chỉ ra những sai sót cần khắc phục, trách phạt đúng người, đúng tội. Có tiêu chí khen thưởng, xử phạt rõ ràng để hội đồng thi đua có căn cứ xem xét thưởng phạt công minh, góp phần làm tăng tính tích cực trong công tác thi đua, khen thưởng.

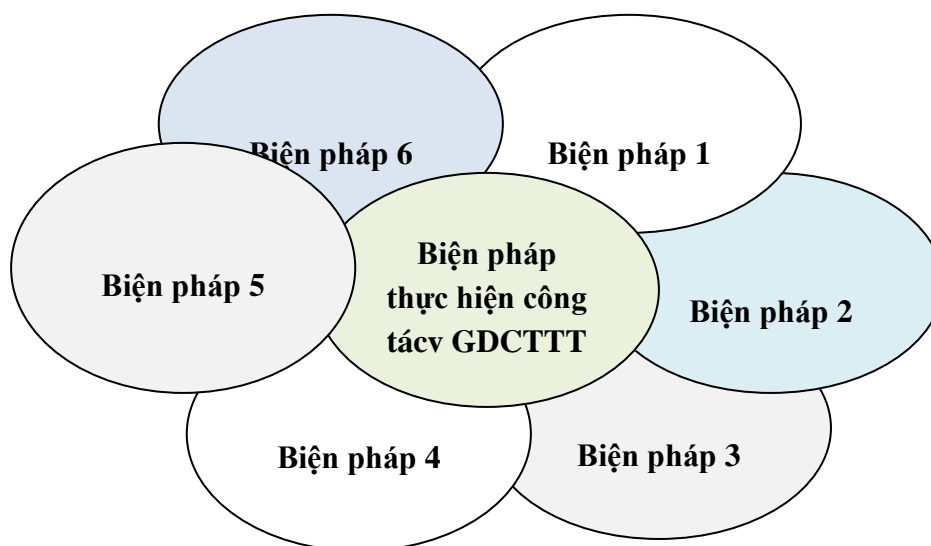
Thực ra, trong công tác GDCTTT, khó có thể đánh giá được hiệu quả một cách rõ ràng. Chúng ta có thể báo cáo được ngay con số: số người tham dự, đạt bao nhiêu % so với chỉ tiêu, có bao nhiêu người đạt, bao nhiêu chưa đạt,... nhưng về hiệu quả thì khó có thể khẳng định được ngay. Trong công tác

GDCTTT kết quả không phải bao giờ cũng đồng nhất với hiệu quả, muốn xác định được hiệu quả của công tác GDCTTT cho SVHS đòi hỏi phải có thời gian. Do vậy, đòi hỏi lãnh đạo phải tinh táo, sáng suốt nhìn nhận, tham khảo ý kiến của hội đồng thi đua, của cá thành viên tham gia lực lượng làm công tác GDCTTT cho SV HS để đánh giá được chính xác, hợp lý.

Để thực hiện được nội dung trên, đòi hỏi phải có sự nhận thức đúng đắn của các CBQL về tầm quan trọng của công tác thi đua khen thưởng đối với công tác GDCTTT cho SV HS. Bên cạnh đó, phải được quan tâm đầu tư về kinh phí cho công tác khen thưởng, trách phạt kịp thời nhằm tăng cường công tác GDCTTT cho SV HS Trường ĐHTV.

3.3. Môi quan hệ giữa các biện pháp

Sáu biện pháp đề nghị trên đây, theo chúng tôi là phù hợp với điều kiện thực tế tại ĐHTV. Các biện pháp này gắn kết với nhau tạo thành một hệ thống, chúng luôn hỗ trợ và bổ sung cho nhau. Vì vậy, chúng ta không nên thực hiện đơn lẻ từng biện pháp. Tùy theo điều kiện của mình, các trường thành viên có thể có sự sắp xếp theo trật tự, vị trí ưu tiên khác nhau đối với từng biện pháp. Song, chúng ta cũng nên ý thức rằng không có biện pháp nào là tối ưu. Mỗi biện pháp đều có những ưu điểm và nhược điểm riêng, hiệu quả của chúng phụ thuộc rất nhiều vào nghệ thuật sử dụng, vào điều kiện cụ thể khi tiến hành.



Sơ đồ 3. Mối liên hệ giữa các biện pháp công tác GDCTTT

Như trên phân tích, biện pháp: *Tăng cường hơn nữa việc nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ CBQL, CBGD, CBVC và SV về tầm quan trọng của công tác GDCTTT cho SVHS trong bối cảnh mới* được coi là biện pháp quan trọng nhất, có ý nghĩa chi phối, quyết định đến sự thành công hay thất bại của công tác GDCTTT cho SVHS Trường ĐHTV. *Sự phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài trường tham gia công tác GDCTTT cho SVHS* sẽ tạo thêm những điều kiện thuận lợi cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu giáo dục đã đề ra. Khi có sự phối hợp như vậy, *việc đa dạng hóa nội dung, hình thức và cải tiến phương pháp GDCTTT cho SVHS* sẽ phong phú hơn, khiến cho công tác GDCTTT cho SVHS mang một sắc thái mới, tác động tích cực đến quá trình giáo dục trong nhà trường. Trong khi được học lý thuyết, cần tạo môi trường lành mạnh cho SVHS hoạt động, để các em có thể mang những kiến thức đã tiếp thu áp dụng vào thực tế, tạo cơ hội để SV tự khẳng định mình, *phát huy ý thức tự giáo dục và ý thức tự quản. Tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng giáo dục trong nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ và xây dựng chế độ khen thưởng, trách phạt kịp thời, hợp lý* là các biện pháp mang tính chất hỗ trợ, bổ sung cho các biện pháp chính đề cập ở trên, giúp Hiệu trưởng phát huy được sức mạnh tổng hợp của lực lượng tham gia công tác GDCTTT cho SVHS, là cơ sở để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

3.4. Kiểm chứng sự nhận thức về tính hợp lý và tính khả thi của các biện pháp

Để xác định tính khả thi của các biện pháp, chúng tôi đã phát hành phiếu Trưng cầu ý kiến đối với 50 CBQL (Lãnh đạo khoa, lãnh đạo Phòng CT HSSV, lãnh đạo Phòng ĐT, Bí thư Đoàn ...) và 300 cán bộ đang công tác ở một số sở, ban, ngành và trường học cấp tỉnh. Với câu hỏi: *Xin ông (bà) vui lòng cho chúng tôi biết đánh giá của mình về tính cấp thiết và tính khả thi của những biện pháp sau đây...* và thu được kết quả ở bảng 3.1.

Về tính cấp thiết của các biện pháp: Đối với 6 biện pháp đã nêu, số trả lời có dao động từ 79,2% đến 100%. Trong đó: Biện pháp 1 (100%) và biện pháp 6 (98%) được cho là cần thiết nhất. Biện pháp 2 cũng được cho là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay (97,8%). Chúng tôi cho rằng đây là một sự lựa chọn hoàn toàn hợp lý vì những lý do chúng tôi đã nêu trong phần ý nghĩa của

các biện pháp. Như vậy, ở một góc độ nào đó, bản thân các CBQL được hỏi cũng đã có sự nhận thức đúng đắn về vai trò, vị trí của quản lý quá trình GDCTTT cho SV trong giai đoạn hiện nay và chúng ta có quyền hy vọng rằng, trong thời gian tới công tác GDCTTT cho SVHS ĐHTV sẽ có những bước đi mới mẻ và đạt được hiệu quả cao trong công tác này.

Bảng 3.1.: Tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp công tác CTTT

TT	Các biện pháp	Tính cấp thiết (%)			Tính khả thi (%)		
		Cấp thiết	Ít cấp thiết	Kh. Cấp thiết	Khả thi	Ít khả thi	Kh. Khả thi
1	Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ CBQL, CBGD, CBVC và SVHS về tầm quan trọng của công tác GDCTTT cho SV HS trong bối cảnh mới	100	0	0	100	0	0
2	Phối hợp chặt chẽ các lực lượng trong và ngoài trường tham gia GDCTTT cho SVHS	97,8	2,2	0	83	17	0
3	Đa dạng hóa nội dung, hình thức và cải tiến phương pháp GDCTTT cho SVHS	93,5	6,5	0	82,5	17,5	0
4	Tạo điều kiện thuận lợi để SVHS phát huy ý thức tự giáo dục của SVHS và tự quản của tập thể SVHS	87,6	12,4	0	67,8	32,2	0
5	Xây dựng môi trường có tính đồng thuận cao để các lực lượng giáo dục trong trường hoàn thành tốt nhiệm vụ GDCTTT cho SVHS	79,2	20,4	0,4	87,3	12,7	0
6	Thực hiện chế độ khen thưởng, trách phạt kịp thời, hợp lý.	98	2	0	95	5	0

Về tính khả thi của các biện pháp: Số trả lời là có tính khả thi dao động từ 67,8% đến 100%. Trong đó: Biện pháp 1 (100%) và biện pháp 6(95%) được xác định là khả thi nhất. Biện pháp 5 cũng được cho là có tính khả thi cao (87,3%). Biện pháp 4 lại là lựa chọn có tính khả thi thấp nhất (67,8%). Có thể vì những lý do khác nhau mà có sự lựa chọn như vậy, tuy nhiên, chúng tôi cũng xin chia sẻ rằng, nếu cho rằng biện pháp này có tính khả thi thấp, thì là những người làm công tác quản lý giáo dục, chúng ta nên cố gắng tìm ra những phương pháp, hình thức để thực hiện được biện pháp này ở mức độ cao có thể, bởi vì, như chúng tôi đã phân tích ở trên, lứa tuổi thanh niên SV HS là lứa tuổi năng động, có nhu cầu được tự khẳng định mình, khát khao được cống hiến, họ là lớp người trẻ có học thức, rất nhạy với cái mới, hướng về tương lai với nhiều ước mơ và khát vọng. Do vậy, nếu chúng ta không tạo điều kiện cho họ phát huy được những tố chất sẵn có, không tạo môi trường lành mạnh cho họ thực hiện nhu cầu nguyện vọng của mình đúng nơi, đúng lúc, đúng chỗ thì đó là điều hết sức bất lợi cho công tác định hướng giá trị và đương nhiên là bất lợi cho công tác GDCTTT cho SVHS.

Hy vọng rằng, với sự quan tâm một cách có hiệu quả của cấp lãnh đạo ĐHTV, Đảng bộ các trường thành viên, Ban giám hiệu, và các phòng ban, CBGV, GVCN... công tác GDCTTT cho SVHS ngày càng đạt kết quả cao hơn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Tóm lại, với 05 nguyên tắc: *Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác GDCTTT; Bảo đảm tính Đảng, tính giai cấp; Bảo đảm tính hiện thực, phù hợp với thực tiễn; Bảo đảm tính thống nhất, toàn vẹn, hệ thống của quá trình giáo dục; Bảo đảm phát huy vai trò chủ động, tích cực của các lực lượng tham gia công tác GDCTTT cho SVHS* chúng tôi đã mạnh dạn đề nghị thực hiện 6 biện pháp nêu trên. Trong mỗi biện pháp chúng tôi đều có phần nêu ý nghĩa, nội dung, cách tiến hành và điều kiện để thực hiện các biện pháp. Tuy nhiên, theo chúng tôi, tất cả các biện pháp nhằm tăng cường công tác GDCTTT cho SVHS chỉ thực sự phát huy được tác dụng, chỉ thực sự có ý nghĩa khi tất cả lực lượng tham gia cùng nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của công tác này đối với việc tạo cơ sở vững chắc để thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục của nhà trường. Hiệu trưởng nhận thức đúng đắn, cùng với tâm huyết với nghề, với sự nghiệp “trồng người”, có nghệ thuật

tập hợp, vận động được mọi lực lượng trong và ngoài nhà trường cùng tham gia và đặc biệt là chủ động xây dựng kế hoạch công việc cụ thể, khoa học, khả thi, điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi vì *“Ta xây dựng con người cũng phải có ý định rõ ràng như nhà kiến trúc. Định xây ngôi nhà như thế nào rồi mới dùng gạch, vữa, vôi, cát, tre, gỗ ...mà xây nên”*. Lời Bác dạy cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Rõ ràng, muốn tiến hành một công việc bất kỳ, bao giờ cũng cần phải lên kế hoạch trước. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch là nguyên nhân của mọi nguyên nhân dẫn đến thành công hay thất bại và cũng là căn cứ để hình thành và thực hiện các chức năng quản lý tiếp theo trong hoạt động của hệ thống. Kế hoạch càng tỉ mỉ, càng sâu sát thực tế, có phương án dự phòng sẽ giúp cho lãnh đạo lường trước được những điều sẽ xảy ra, từ đó sẽ chủ động hơn trong công việc.

Về lộ trình, thời gian thực hiện các phương pháp tác giả xác định là xuyên suốt trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường đến năm 2020 sau đó sẽ nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung phù hợp với sự phát triển của Trường vào những năm tiếp theo. Về phương pháp thực hiện các phương pháp tác giả xác định là vai trò lãnh, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu đóng vai trò quyết định, sự nỗ lực và sự phối kết hợp giữa các đơn vị thuộc Trường, tính tích cực, sáng tạo của đội ngũ cán bộ viên chức, giảng viên của Nhà trường trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng đóng vai trò quan trọng đối với việc nâng cao hiệu quả công tác chính trị tư tưởng của Nhà trường.

PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết quả tổng thể của quá trình nghiên cứu

Từ những kết quả trình bày và phân tích ở các chương trên đề tài đã hoàn thành mục đích nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra. Tác giả đề tài rút ra một số kết luận như sau:

Phát triển toàn diện con người là tư tưởng lớn của nhân loại, mà bất kỳ ở thời đại nào cũng cần được coi trọng là đặt lên hàng đầu. “*Hãy đầu tư vào con người trước khi đầu tư vào các thiết bị hay bất cứ một lĩnh vực nào khác*”. Thật vậy, sẽ là sai lầm, sẽ là không đúng hướng nếu chúng ta muốn xây dựng thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hướng tới mục tiêu: *Dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ công bằng và văn minh* mà chúng ta không quan tâm tới việc đầu tư vào việc xây dựng con người và cũng sẽ là sai lầm nếu cho rằng Trường đại học chỉ có một nhiệm vụ duy nhất là đào tạo ra những thế hệ sinh viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao trong từng lĩnh vực. Bởi vì, nếu chỉ có vậy thì SV HS của chúng ta với những tấm bằng tốt nghiệp đại học khá, giỏi ra đời cũng chỉ mới là những con người có “tài” chứ chưa có “đức”, mới chỉ có “chuyên” chứ chưa có “hồng”! Vì vậy, bên cạnh việc coi trọng giáo dục kiến thức, chúng ta cần phải chú ý nhiều đến giáo dục nhân cách cho họ, nhất là giáo dục về đạo đức cách mạng, về truyền thống, về những nét đẹp văn hóa của dân tộc. Chúng tôi hoàn toàn đồng tình với nhận định: “Phát triển giáo dục là bí quyết thành công, là con đường ngắn nhất đi tắt, đón đầu trong công cuộc CNH, HĐH. Mục đích của GD hiện đại là đào tạo ra những con người phát triển toàn diện, là những người có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi nhanh chóng của khoa học và công nghệ, có đủ sức cạnh tranh trong quá trình phân công lao động quốc tế”. Bởi vì, “trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, trước sự gia tăng của tiến bộ công nghệ, nhất là trong lĩnh vực CNTT, con người phải có những thích ứng nhanh chóng với mọi thay đổi, khả năng cập nhật các tri thức mới, xu thế toàn cầu hóa đòi hỏi sự năng động, linh hoạt, có khả năng làm việc theo e kíp, hòa hợp được với những người có tính cách và quy tắc xử sự khác nhau của từng cá nhân. “*Dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh*” luôn là mục tiêu, là định hướng giá trị lý tưởng cao đẹp của tuổi trẻ và là cương lĩnh hành động của

thanh niên SV HS hiện nay. Có được tất cả những điều đó là nhờ sự phấn đấu không ngừng của mỗi SV HS trong học tập, sinh hoạt, hoạt động ngoại khóa... cộng với sự dẫn dắt, định hướng, động viên, khuyến khích của toàn thể cán bộ, giảng viên trong Nhà trường thông qua công tác GDCTTT cho SVHS.

2. Ứng dụng và ý nghĩa của kết quả nghiên cứu

Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên là vấn đề cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Từ những cơ sở lý luận và thực tiễn của quá trình nghiên cứu và qua sự phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến công tác chính trị tư tưởng đối với SVHS tác giả đã đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả công tác CTTT cho SVHS. Đây sẽ là có sở quan trọng để phục vụ cho công tác lãnh, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường; cho đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ giảng viên. Nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của Nhà trường, đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường

Mục tiêu chính của ĐHTV trong đào tạo hiện nay cũng không nằm ngoài mục tiêu của Đảng và nhà nước về giáo dục. Để đạt được mục tiêu đó chúng ta cần phải cố gắng và liên tục cố gắng tìm kiếm những biện pháp hiệu quả để thực hiện. Hy vọng rằng, trong thời gian tới với những thay đổi tích cực từ phía lãnh đạo các cấp, đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ giảng viên sẽ góp phần đào tạo được những SVHS “*phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*” như Luật Giáo dục đã đề ra.

Về lý luận: Xây dựng cơ sở lý luận về công tác giáo dục chính trị tư tưởng đối với sinh viên, học sinh Trường Đại học Trà Vinh. Cung cấp luận cứ khoa học về công tác giáo dục chính trị tư tưởng;

Về khoa học: Đề tài sẽ làm rõ những giá trị của công tác giáo dục chính trị tư tưởng đối với sinh viên, học sinh và những nhân tố ảnh hưởng đến công tác và hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng đối với sinh viên, học sinh Trường Đại học Trà Vinh;

Về thực tiễn: Trên cơ sở nghiên cứu khảo sát, đề tài sẽ đánh giá một cách trung thực về thực trạng của công tác giáo dục chính trị tư tưởng đối với sinh viên, học sinh trong thời gian vừa qua, đề làm cơ sở cho việc đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng đối với sinh viên, học sinh. Góp phần vào hiệu quả công tác giáo dục toàn diện và hiệu quả công tác đào tạo của Nhà trường nói chung.

Việc hoàn thành đề tài mới chỉ là giai đoạn ban đầu. Giai đoạn tiếp theo của đề tài là triển khai kế hoạch hành động của tất cả các giải pháp về công tác giáo dục chính trị tư tưởng đối với sinh viên, học sinh trong những năm tiếp theo. Đề tài cũng sẽ góp phần nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận trong đội ngũ cán bộ, giảng viên toàn trường về tầm quan trọng của công tác giáo dục chính trị tư tưởng đối với thế hệ trẻ nói chung và sinh viên, học sinh Nhà trường nói riêng.

Khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài vào quá trình dạy – học, vào quá trình quản lý; phạm vi ứng dụng của đề tài: trong toàn bộ các đơn vị phòng ban thuộc trường. Địa chỉ ứng dụng là tất cả sinh viên, học sinh hệ chính quy từ trung cấp đến đại học giai đoạn 2016 – 2020 của Trường. Đề tài sẽ cung cấp kết quả nghiên cứu dưới dạng tài liệu nghiên cứu, tuyên truyền ... đến các phòng, ban thuộc Trường.

3. Kiến nghị

3.1. Đối với Bộ Giáo dục – Đào tạo

Cần nhanh chóng hoàn thiện và đưa vào thực hiện Quy định về giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho HS – SV trong các cơ sở giáo dục trung cấp chuyên nghiệp và giáo dục đại học; cần có tiêu chí để có thể tiến hành đối chiếu thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá công tác GDCTTT cho SV và cần bổ sung thêm cán bộ chuyên trách quản lý công tác GDCTTT cho SV ở các trường ĐH.

3.2. Đối với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

Cần ban hành văn bản chỉ đạo công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp, các thành phần kinh tế với các cơ sở giáo dục trong tỉnh để thực hiện quá trình GDCTTT đạt hiệu quả.

3.3. Đối với Đảng ủy – Ban Giám hiệu trường Trường ĐHTV:

- Chú ý xây dựng bộ máy chuyên trách thực sự có năng lực, được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đủ “tâm”, đủ mạnh để quản lý quá trình GDCTTT cho SVHS Trường ĐHTV; quan tâm đầu tư kinh phí và trang bị, xây

dựng thêm các thiết chế văn hóa phục vụ công tác GDCTTT cho SVHS Trường ĐHTV; tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng tham gia quá trình GDCTTT cho SV hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Tăng số lần và nâng cao chất lượng cũng như mở rộng thêm đối tượng với các hoạt động gặp gỡ, giao lưu, đối thoại giữa Hiệu trưởng với SVHS trong toàn Trường Trường ĐHTV

- Đề nghị Đảng ủy, Ban Giám hiệu thành lập Phòng công tác chính trị tư tưởng sinh viên học sinh trên cơ sở Phòng Công tác Sinh viên học sinh hiện nay và quy định rõ chức năng nhiệm vụ về công tác GDCTTT đối với phòng này

3.4. Đối với các Đoàn thể, phòng, khoa:

- *Đoàn TNCSHCM, Hội SV:* Quan tâm nhiều hơn đến công tác tuyên truyền, đổi mới hình thức, nội dung, phương pháp sao cho các hoạt động GDCTTT cho SVHS có giá trị sát thực, phù hợp với nhu cầu của SV, đủ sức để có thể thu hút, lôi kéo được tất cả các đối tượng đến với các hoạt động lành mạnh, bổ ích.

- *Đối với các đoàn thể khác nhau trong nhà trường:* bên cạnh việc nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ, mẫu mực trước SV cần thống nhất quan điểm giáo dục, đổi mới tư duy, đổi mới cách đánh giá, đổi mới cách nhìn về lớp trẻ để có thể cảm thông hơn, tạo điều kiện nhiều hơn cho các em trong sinh hoạt và học tập xây dựng môi trường lành mạnh, có định hướng kịp thời giải thông những khúc mắc về tư tưởng giúp SV an tâm học tập và phấn đấu tốt theo đúng mục tiêu giáo dục đã đề ra.

- Đề nghị các phòng, khoa quan tâm hơn nữa công tác GDCTTT đối với SVHS và được cụ thể trong chức năng, nhiệm vụ và quy chế hoạt động của đơn vị

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (1999), *Khoa học tổ chức và quản lý – một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Quốc Hưng (2004), *Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai – vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- “Giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ hiện nay” của tác giả Nghiêm Đình Vỹ (Nxb Đại học Sư phạm, 2009),
- “Giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ hiện nay” của Trần Viết Lưu (Nxb Chính trị Quốc gia, 2013),
- “Giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên hiện nay” của Trần Thị Anh Đào (Nxb Chính trị Quốc gia, 2010),
- “Giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên trong bối cảnh hội nhập quốc tế” của Nguyễn Lương Bằng (Tạp chí Lý luận chính trị số 12/2008)
- Nguyễn Hữu Công, *Tìm hiểu quan điểm giáo dục toàn diện của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Tạp chí Đại học & Giáo dục chuyên nghiệp, số 11/2000.
- Bùi Văn Ga (2005), *Báo cáo tổng kết công tác giáo dục lý luận chính trị giai đoạn 2002 – 2005 tại ĐHQĐN*.
- Phạm Minh Hạc (1996), *Phát triển giáo dục phát triển con người phục vụ phát triển xã hội – kinh tế*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Phạm Minh Hạc (1999), *Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Phạm Minh Hạc (2001), *Về phát triển toàn diện con người thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- V.I.Lênin (1982), *Bàn về thanh niên*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- X.M.Lêpêkhin (1978), *Những nguyên lý Lênin về giáo dục thanh niên*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Quốc Chí (1996), *Lý luận đại cương về quản lý*, Trường Cán bộ quản lý Giáo dục và Đào tạo.

- C.Mác và F.ăngghen (1982), *Bàn về thanh niên*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (1982), *Về giáo dục thanh niên*, Nxb thanh niên, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh, (1996), Toàn tập, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (1996), Toàn tập, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2000), Toàn tập, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Luận văn thạc sỹ triết học của Nguyễn Hữu Vi, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội về “Tăng cường công tác giáo dục CTMT cho sinh viên ở nước ta hiện nay” (năm 2006),
- Luận văn thạc sỹ chính trị học của Nguyễn Văn Kiên, Đại học Quốc gia Hà Nội về “Công tác giáo dục CTMT cho sinh viên tại Tp.HCM” (2014).
- Phạm Đình Nghiệp (2000), *Giáo dục lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam trong tình hình mới*, Nxb Thanh niên.
- Nguyễn Đức Tiến (2005), *Phát triển lý tưởng xã hội chủ nghĩa cho thanh niên Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Tùng Văn (2006), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về thanh niên và công tác thanh niên*, Nxb Thanh niên.
- Huỳnh Khải Vinh (2001), *Một số vấn đề về lối sống, đạo đức, chuẩn giá trị xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Phạm Viêt Vượng (1996), *Giáo dục đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- Nguyễn Viêt Vượng (1998), *Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong SV*, Tạp chí Đại học và giáo dục chuyên nghiệp số 6.
- X.Y.Z, *Sửa đổi lối làm việc* (1959), Nxb Sự thật, Hà Nội.
- Chính phủ (2005), *Nghị quyết về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020*, Hà Nội.
- Đại học Sư phạm – ĐHQG (2004), *Giáo trình tâm lý học phát triển*.
- Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật giáo dục*, Nxb Lao động – xã hội, Hà Nội.

- Trung tâm nghiên cứu khoa học tổ chức quản lý (1999), *Khoa học tổ chức và quản lý – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- Từ điển Tiếng Việt (2000), Nxb Đà Nẵng.